

ÁNH ĐẠO VÀNG
Võ Đình Cường
(In lần thứ 14)
Nhà Xuất Bản Thuận Hóa-Huế-1999

---o0o---

<http://thuvienhoasen.org>

Mục Lục

Lời Giới Thiệu

Lời Thú Tội

Thay Lời Bạt

Phần 01

Phần 02

Phần 03

Phần 04

Phần 05

Phần 06

Phần 07

Phần 08

Phần 09

Phần 10

---o0o---

Lời Giới Thiệu

Trí Phật là trí kim cương. thân Phật là thân kim sắc, cõi Phật là cõi hoàng kim, thì Đạo Phật tất nhiên là Đạo Vàng. Ánh Đạo Vàng là kim quang của đức Từ bi rộng lớn phá màn vô minh, chỉ rõ đường chánh. Một đời thị hiện của Phật đều vì việc ấy, mà nhất cử nhất động của Phật cũng không ra ngoài mục đích ấy.

Bạn VÕ ĐÌNH CƯỜNG trong quyển ÁNH ĐẠO VÀNG này đã phát tâm

thuật lại lịch sử của Phật với ngòi viết lưu loát, lối văn kiêu diễm làm độc giả cảm thấy dường như đang sống trong làn không khí Từ bi. Thật là một công trình rất vĩ đại, rất bổ ích cho thế đạo, nhân tâm. Tôi xin nhất tâm tùy hỷ và tha thiết giới thiệu cùng toàn thể quý vị độc giả.

Tâm Minh
LÊ ĐÌNH THÁM
1945

---o0o---

Lời Thú Tội

(Thay lời Tựa)

KÍNH bạch đức Thế Tôn! Như một đứa bé khát sữa được nút vú mẹ, như một kẻ bộ hành sắp bị cháy nắng trong sa mạc được hụp xuống giữa khe nước mát, con đã say sưa tìm lại dấu vết của đời Ngài qua các sách sử. Và từ bao năm tháng, con mê mẩn cái mộng cao xa là được ca ngợi đời Ngài trên mặt giấy.

Nhưng đời Ngài lộng lẫy thế kia, huyền diệu thế kia, nguy nga thế kia chỉ làm cho con ngây ngất say mê đứng nhìn, và càng nhìn con lại càng nhận thấy ý định của mình quá táo bạo trước nhiều nỗi khó khăn.

Từ ngày Ngài xuất hiện đến nay, trên hai ngàn năm trăm năm đã trôi qua

bao nhiêu lớp người trôi sụp, bãi bể nương dâu đã mấy lần thay đổi: những vết tích đã xoá nhoà trong trí nhớ của người đời, những nét chữ đã lu mờ trong sách sử. Di tích của Ngài tuy được giữ gìn trong các đền chùa tháp điện, cũng không khỏi lấm màu sắc thời gian. Tài liệu bị mất mát, sai lạc nhiều. Cho nên làm sống lại đời Ngài, thời đại xa xưa của Ngài, những tục lệ lễ nghi, cách ăn nói giống hệt thời ấy, là những việc không bao giờ con dám cả quyết. Lại thêm, mọi sử gia đều đứng về một phương diện khi viết đời Ngài. Tuy những điểm chính thì không ai có thể làm sai chạy, đổi thay đi được, nhưng những chi tiết thì mỗi

người thấy mỗi cách, theo mỗi quan điểm của họ.

Bạch Thế Tôn, con đến quá chậm: Ngài nhập diệt lâu rồi, và mỗi người trưng bày mỗi cách hình ảnh của Ngài theo tầm mắt và sự hiểu biết của họ. Con lựa hình ảnh nào đây cho giống Ngài nhất? Theo nhà tâm lý chăng? Ôi! Nhiều “vì trạng thái tâm hồn... thế này thế kia; nhiều “vì hoàn cảnh thế này, thế khác” quá!. Theo nhà khảo cổ chăng? –Ồ, khô khan! Tên người, tên xứ, tên núi, tên sông! “Cái bia ấy dựng lên từ lúc nào? Cây bồ-đề kia có lẽ mới trồng lại?”

Nhưng con cũng không muốn giới thiệu đời Ngài với một ngôn ngữ trừu

tượng, với nhiều ẩn dụ, nhiều huyền thoại kỳ bí có thể làm độc giả có ấn tượng sai lạc về bản chất của Ngài. “Đất chuyển động ba lần khi Ngài xuất thế”, “con rắn thần đến quấn quanh Ngài bảy vòng để bảo vệ Ngài trong trận bão tố lớn dưới gốc cây bồ-đề trước lúc Ngài thành đạo, v.v...” Như thế là nghĩa làm sao? Bị thôi miên bởi uy lực của danh từ, hình tượng, người ta khó tìm thấy được cái ý nghĩa thâm sâu ẩn giấu trong mỗi sự việc. Và do đó, có thể có một số độc giả tưởng rằng đức Phật là một thần linh từ trời cao rơi xuống, hay cho rằng đây là một “chuyện hoang đường” không có thật!

Vì sợ hai chữ hoang đường của độc giả, con đề vào đây rất ít tượng trưng và kỳ bí—có rất nhiều trong các sách khác. Và như thế, nghĩa là đã giảm bớt rất nhiều linh diệu, cao thâm, lộng lẫy của đời Ngài. Con đã đề đời Ngài ra ngoài vòng hào quang huyền diệu đáng lẽ phải bao phủ lấy Ngài. Và đề lấp bớt cái khuyết điểm lớn lao ấy, con thế vào một chút văn chương, một chút nghệ thuật: ở đây một làn hương, ở kia một điệu nhạc, ở nơi khác một tia nắng nhạt hay một cánh bướm vàng...

Nhưng văn chương nghệ thuật dầu sao cũng có giới hạn của nó! Ngài là bậc Siêu phàm, hiện thân của Cao cả, của Thuần túy, của Linh diệu. Con, một kẻ phàm tục, nương mình lên

không khỏi đất, mắt loà trong bụi đỏ, làm sao thấy rõ được những cảnh tượng huyền vi? Lưỡi con ngắn quá, chỉ bập bẹ lại những pháp âm mà xưa Ngài đã phát ra từ Ấn Độ và bây giờ còn vang dội mãi trên hoàn cầu; tay con vụng về thế này thì làm sao tung ra được những luồng ánh sáng? Bạch Thế Tôn, đời Ngài là một biển cả, mà mức nước con chỉ có hai bàn tay!

Cho nên mục đích của con khi viết quyển sách này rất ngắn ngủi. Không phải làm sống dậy cái xứ Ấn Độ 2500 năm trước: không phải diễn tả đúng theo từng ly, từng tí đời của Ngài; không làm việc của một nhà khảo cổ, hay nhà tâm lý học ; không phải đứng trong phạm vi hẹp hòi của một kẻ mê

tín đầy thành kiến. Con chỉ là một kẻ thấy đời đẹp đẽ, cao thượng của Ngài mà sùng mộ, và muốn đem giới thiệu với mọi người đời Ngài mà mỗi ý tưởng là một ánh sáng chói ngời, mỗi lời nói là một bài học quý báu, mỗi cử chỉ là một ý nghĩa cao thâm. Nếu đọc giả sau khi đã đọc xong quyển sách này, hay khi đứng trước tượng Ngài, cảm nhận được đây là hình ảnh của lòng Từ bi rộng lớn, hiện thân của ý chí dũng mãnh, của Trí tuệ sáng suốt, thì con đã đạt được mục đích.

Hôm nay công việc đã xong xuôi, đốt nén hương tín thành, con đến quỳ trước điện Ngài, xin dâng quyển sách này lên Ngài chứng giám. Đây là tất cả trí óc của con. Để phô bày trong muôn

một tâm hồn thâm diệu của Ngài, con đã đặt tất cả tâm hồn con vào đó. Con đã nhỏ những giọt nước mắt nóng trên trang giấy khi con tưởng tượng lại những giọt nước mắt của Ngài đã nhỏ trên vết thương của nhân loại: con đã vui sướng—dẫu chỉ là một nỗi vui sướng thô kệch—theo với nỗi vui sướng tinh khiết của Ngài, khi Ngài tìm ra được ánh sáng dưới gốc bồ-đề...

Bạch Thế Tôn, vì bao nhiêu tâm huyết và lòng thành thực của con, xin Ngài hãy lượng xét mà xoá bỏ một ít những lỗi lầm và vụng dại mà con có thể mắc phải khi viết quyển sách này.

Kính dâng,
**VÕ ĐÌNH
 CƯỜNG**

--- o0o ---

**TÔI QUAN NIỆM NHƯ THẾ NÀO
 VỀ CUỘC ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT
 THÍCH CA
 KHI VIẾT ÁNH ĐẠO VÀNG**

Thay Lời Bạt

**(Phần này đã được viết và in vào ánh
 Đạo Vàng
 trong lần ấn hành thứ 12 năm 1990)**

Quyển ánh Đạo Vàng đã được trích
 đăng dần trên Tập Văn của Ban Văn
 hoá Trung ương Giáo hội Phật giáo
 Việt Nam. Trong quá trình trích đăng

qua 5 Tập Văn gần hai năm, có một số bạn đọc đã gửi thư hỏi tôi có sửa đổi thêm bớt gì không khi đăng lại lần này. Có bạn lại cả quyết rằng tôi đã có sửa lại, thậm chí đã viết lại ánh Đạo Vàng và khen là lần này tôi viết hay hơn trước. Thật ra tôi không sửa đổi gì, ngoài một số chữ về chính tả mà các lần xuất bản trước đã in sai, và thứ tự các chương có đảo lộn để cho thích hợp với nội dung của mỗi Tập Văn. Chẳng hạn như Tập Văn 1, xuất bản vào dịp lễ Thành Đạo PL. 2528, thì tôi trích đăng các chương viết về sự Tìm Đạo và Chứng Quả của đức Phật; qua lễ Phật Đản sanh PL. 2529, thì trích đăng các chương viết về sự ra đời và thời niên thiếu của Ngài. Và mỗi kỳ

trích đăng như vậy, tôi không chia thành từng chương riêng và không ghi số thứ tự của mỗi chương như trong cuốn ánh Đạo Vàng đã xuất bản lâu nay, mà đăng luôn một mạch, chương này tiếp liền chương khác. Có lẽ vì vậy mà các bạn đọc đã có cảm tưởng như tôi có sửa đổi thêm bớt chăng?

Không sửa đổi thêm bớt, không có nghĩa là cuốn ánh Đạo Vàng đã hoàn chỉnh. Một cuốn sách đã viết từ gần 45 năm trước, đem so sánh với thời đại hôm nay mà văn chương nghệ thuật nước nhà đã có những bước tiến dài, chắc chắn sẽ lộ rõ những vụng về, thiếu sót, dư thừa. Nhưng tôi không muốn gọt dũa nó lại, vì tôi nghĩ dù sao nó cũng đã mang dấu ấn của một giai đoạn

viết lách của đời mình, cái dấu ấn tư duy của một lớp thanh niên trí thức Phật tử trong ấy có tôi, trước thế chiến thứ hai. Lớp thanh niên ấy phải kể trước tiên là những anh em trong đoàn “**Thanh niên Phật học Đức Dục**” (mà hiện nay có người đã trở thành Hoà thượng, nhiều người là cán bộ, Đảng viên Cộng sản, hay đã đi ra nước ngoài, nhưng mỗi khi ngồi lại với nhau chúng tôi vẫn dễ đồng ý, thông cảm với nhau trên nhiều vấn đề), những anh em trong đoàn Thanh niên Phật tử. Gia đình Phật hoá phổ, học sinh trường Khải Định, trường Đồng Khánh ở Huế, quê hương của tôi. Chính lớp thanh niên ấy đã thúc đẩy, khuyến khích tôi viết Ánh Đạo Vàng. Và khi viết, tôi

nhằm đối tượng độc giả chính là lớp thanh niên ấy. Mỗi khi viết xong một chương, tôi đem đọc cho anh em đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục nghe và góp ý. Tôi nhớ chương đầu tiên tôi viết là chương Thái tử Tất-đạt-đa trong đêm khuya trốn ra khỏi “Cung Vui”, xa lìa gia đình để đi tìm đạo. Tôi viết đoạn này trước, vì tính bi hùng tráng của nó đã thu hút tôi mãnh liệt. Anh em trong đoàn gợi ý cho tôi nên đăng trước vào tạp chí Viên âm xuất bản tại Huế, mỗi tháng một kỳ do cố bác sĩ Lê Đình Thám, một học giả uyên thâm về Phật học làm chủ bút. Đăng được mấy số thì một hôm, cụ Thám đưa cho tôi xem bức thơ của một vị Hoà thượng ở Hà Nội gửi vào phản đối kịch liệt những

bài viết của tôi đăng trên tạp chí Viên âm. Vị này cho rằng tôi phỉ báng đức Phật Thích-ca, đã dung tục hoá Ngài, viết về Ngài mà như về một người tầm thường nào, cũng yêu đương bi lụy “anh anh, em em”, sống một đời sống xa hoa trác táng v.v... và v.v... Và cuối cùng, tác giả bức thư yêu cầu Ban Biên Tập Viên âm không được tiếp tục đăng Ánh Đạo Vàng nữa. Tôi đọc xong bức thư, trao lại cho cụ Thám và hỏi:

– Bác tính sao? Có đăng tiếp không?

Cụ Thám nở một nụ cười hiền lành như mọi ngày, nhưng trả lời rất cương quyết:

– Anh cứ tiếp tục đăng đi. Các cụ già rồi sẽ qua đời. Anh có thanh niên. Họ không phản đối anh là được.

Lớp thanh niên ấy bây giờ cũng đã, hay sắp trở thành cụ già cả rồi. Và họ vẫn không phản đối tôi về cách trình bày cuộc đời của đức Phật Thích-ca trong Ánh Đạo Vàng. Do đó tôi nghiệm ra rằng: không phải hễ già thì phản đối mà trẻ thì thích Ánh Đạo Vàng. Bằng chứng là trên 40 năm trước cũng có những cụ già thích đọc Ánh Đạo Vàng, và bây giờ cũng rất có thể có những thanh niên không thích đọc nó. Thích hay không thích, phản đối hay tán thành, tôi nghĩ không phải do tuổi tác, mà do quan niệm của người đọc về sự xuất hiện của đức Phật

Thích-ca trong cõi đời này, về nguồn gốc của Ngài. Nếu họ cho rằng Ngài là một Thiên sứ, một người của nhà Trời sai xuống để dẫn dắt chúng sanh, thì chắc chắn họ sẽ phản đối tôi, vì tôi đã bỏ mất những huyền thoại như: Hoàng hậu Ma-gia đã sinh Thái tử Tất-đạt-đa từ hông phải của bà, và Thái tử khi mới lọt lòng mẹ, đã đứng dậy đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất mà tuyên bố: “*Trên trời, dưới trời, chỉ có Ta là đáng tôn kính nhất.*” Tuyên bố xong, Thái tử mới nằm xuống và trở thành một hài nhi như bao nhiêu hài nhi khác ở trên đời này!

Nhưng có một số chi tiết thuộc loại huyền thoại, tôi còn giữ lại, vì thấy chúng không làm hại gì cho nội dung

tác phẩm, mà lại phù hợp với tâm lý người thời ấy, như chuyện Hoàng hậu Ma-gia khi thụ thai, “*nằm mộng thấy một con bạch tượng sáu ngà đứng trên một ngôi sao, có sáu sắc chói ngời, vượt qua trời cao và luôn vào hông phải Hoàng hậu*” (Ánh Đạo Vàng). Đây chỉ là một giấc mộng. Và một Hoàng hậu, sống trong bối cảnh đầy rẫy thần thánh của Bà-la-môn giáo, đang mơ ước có một hoàng tử anh linh xuất chúng, nên nằm mộng thấy như vậy, cũng không phải là chuyện không thể chấp nhận được. Hay trong câu chuyện của ông già kể lại cho đạo sĩ A-tư-đà nghe về đám rước đón Hoàng hậu Ma-gia và Thái tử sơ sanh từ vườn Lâm-tỳ-ni về hoàng cung thành Ca-tỳ

la-vệ, có câu: “*Trong đám rước người ta bảo có lẫn lộn những thiên thần giả người trần tục, vì đây không phải là cái vui riêng của cõi thế mà chính là cái vui chung cho cả mấy tầng trời*” (Ánh Đạo Vàng).

Ông già kể là: “*Người ta bảo... (mà có lẽ ông ta cũng tin như vậy) là trong đám rước có những thiên thần giả người trần tục*” thì ai mà nhận ra? Chỉ có tin hay không tin thôi. Trước đây 25 thế kỷ, xã hội Ấn Độ chịu ảnh hưởng sâu xa của Bà-la-môn giáo, có nhiều người tin như vậy, cũng không có gì là lạ. Lạ chẳng là trong thế giới khoa học ngày nay vẫn có người tin rằng Thánh, Thần, Người, Trời đang sống chung lộn với nhau. Cái tâm lý ấy có ảnh

hưởng sâu xa đến một số các nhà viết về lịch sử đức Phật trong quá khứ, và cả trong ngày nay. Họ đã thần thánh hoá Ngài, xem Ngài như một Thiên sứ, Thiên thần từ cõi Trời giáng xuống và mọi sự việc trong đời Ngài đã được an bài từ trời cao. Trong khi ấy thì đức Thích-ca đã tuyên bố một cách dứt khoát với nàng Tu-xà-đa, khi nàng tưởng Ngài là một Thần núi đã phù hộ cho nàng sanh con trai, nên đến cúng dường Ngài để tạ ơn: “... *Ta không phải là một vị thần nào cả. Ta chỉ là một người như mọi người khác. Xưa kia Ta là một Thái tử. Bây giờ Ta chỉ là một kẻ không nhà, rông rã sáu năm trời đi tìm ánh đạo để soi sáng cho chúng sanh...*” (Ánh Đạo Vàng).

Có lẽ những sử gia nói trên nghĩ rằng phải thiêng liêng hoá Ngài, gắn cho Ngài cái nguồn gốc của nhà Trời hay một thế lực huyền bí nào, thì người đời mới tôn kính, sùng bái Ngài, nhưng thật ra là đã làm giảm giá trị đích thực của Ngài. Đức Phật đâu có muốn như vậy, Ngài bài bác cái ý thức về một Thượng đế sáng tạo, an bài mọi sự việc trong trời đất. Ngài đề cao địa vị của con người, bảo rằng đó là địa vị có đủ thuận duyên để cho con người tiến xa nhất.

Và Ngài đã lấy chính cuộc đời mình ra để chứng minh điều đó. Ngài cũng đã trải qua mọi giai đoạn sanh, lão, bệnh, tử như mọi người. Ngài cũng có cha mẹ, vợ con, bạn bè thân thích như

mọi người. Ngài cũng đã có lúc đắm chìm trong xa hoa truy lạc của một cuộc sống đế vương khác. Có khác chăng là Ngài đã thoát ra khỏi cuộc sống dục lạc ấy trong khi các đế vương khác đã chết chìm trong ấy. Và cuộc thoát ly này không do một động lực nào từ bên ngoài, “bên trên” thúc đẩy hỗ trợ, mà chính là do lý trí và tình thương rộng lớn của Ngài thúc đẩy Ngài. Cuộc trốn thoát khỏi “ngục vàng” giữa đêm khuya ấy, tuy không có một ai hay biết, ngoài Xa-nặc, người giữ ngựa, để cản ngăn Ngài, nhưng không phải đã diễn ra một cách trót lọt dễ dàng. Ngài đã chiến đấu rất quyết liệt với chính mình, với tình yêu thương đối với cha già, vợ trẻ, con thơ,

với bạn bè, người hầu hạ, đã bao năm chung sống với mình.

“Ngài quỳ một chân, cúi đầu xuống để trán lên giường. Công chúa đang thêm thiếp ngủ, trên đôi mi cong dài còn đọng lại hai viên lệ ngọc. Ngài từ từ đứng dậy, cung kính đi quanh giường ba vòng, hai tay chấp ngang ngực, miệng lầm bầm: “Từ nay không bao giờ ta còn nằm trên giường này nữa. Ba lần Ngài bước ra, ba lần Ngài trở lại. Lần sau cùng, với vẻ cương quyết, Ngài phủ vạt áo lên đầu, vén rèm bước ra” (Ánh Đạo Vàng).

Có lẽ những đoạn văn như vậy đã làm cho tác giả bức thư mà tôi đã nói ở trên phản đối, cho rằng tôi đã “uỷ mị

hoá” đức Phật, làm mất cả những đức tánh đại hùng, đại lực, đại từ bi của một vị Phật. Nhưng tôi nghĩ, trước khi thành Phật, Thái tử Tất-đạt-đa vẫn là một “con người” – tất nhiên không tầm thường như chúng ta – nhưng vẫn là một con người có lý trí và tình cảm, cũng thương yêu gia đình như chúng ta, nhưng không vì tình yêu gia đình mà quên tình yêu đồng bào, đồng loại, trái lại đã rộng mở tình yêu gia đình nhỏ hẹp, để nó hoà nhập vào tình yêu rộng lớn đối với nhân loại, chúng sanh, như khai thông dòng nước của sông ngòi để nó hoà nhập vào biển cả. Nếu Thái tử Tất-đạt-đa khi ra đi mà vẫn “phốt tỉnh”, không chút bận lòng đối với người thân trong gia đình, thì đó mới là

một chuyện không bình thường, làm chúng ta đánh một dấu hỏi lớn: “*Nếu không yêu thương những người thân thiết trong gia đình, thì làm sao yêu thương được đồng bào, đồng loại?*” Cái đại hùng, đại lực, đại từ bi của Thái tử Tất-đạt-đa chính là đã thoát ra khỏi cái bả vinh hoa phú quý, đã chiến thắng được tình yêu nhỏ bé nhưng mãnh liệt của gia đình, buộc nó phải hy sinh cho một tình yêu rộng lớn hơn, cho một lý tưởng cao cả hơn: lý tưởng cứu đời. Chúng ta hãy nghe Ngài nói: “*Hỡi nhân loại đang quần quại đau thương, hỡi cõi đời sâu khổ! Vì các người mà ta bỏ tuổi măng tơ, bỏ ngôi báu, bỏ những ngày vàng và đêm ngọc, gỡ cánh tay bám víu cửa người vợ*

hiền, cắt ngang tình yêu mãnh liệt của Phụ vương và xa lánh đứa con thơ đang nằm trong bụng mẹ. Hỡi Phụ hoàng, hiền thê, bào nhi và xã tắc! Xin hãy gắng chịu đựng sự chia ly cho đến ngày tôi tìm ra Đạo.” (Ánh Đạo Vàng).

Thoát khỏi “ngục vàng”, Thái tử Tất-đạt-đa đi vào rừng sâu, tìm thầy học đạo, Ngài tu “theo lối khổ hạnh.” Trước kia trong “Cung Vui”, Ngài cung dưỡng thân xác bao nhiêu, thì giờ đây Ngài lại hành hạ nó bấy nhiêu, Ngài đã nhịn đói, nhịn khát năm gai, ném mật, hành hạ thân xác cho đến kiệt quệ. Hãy nghe Ngài kể lại: “*Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta đã trở thành như những cọng cỏ hay những đọt cây khô*

héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, xương sống của Ta phô bày giống như một chuỗi hạt bóng. Vì Ta ăn quá ít, xương sườn của Ta gầy mòn giống như rui mè của một nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, nên con ngươi của Ta long lanh nằm sâu trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu trong một giếng nước thâm sâu...” (Trung Bộ Kinh I, tr. 80).

Thế rồi một hôm, một đoàn ca vũ đi làm lễ ngang qua khu rừng Ngài tu. Ngài nghe văng vẳng tiếng hát của mấy ca nhi đưa lại:

*“Lên cho chúng tôi một dây đàn
đừng quá cao cũng đừng quá thấp,*

chúng tôi sẽ nhảy theo tiếng đàn và tim mọi người sẽ nhảy theo với chân chúng tôi.

Dây đàn quá căng sẽ đứt, và nhạc sẽ câm!

Dây đàn quá chùng, nhạc sẽ không lên tiếng!

Lên cho chúng tôi một dây đàn đừng quá cao và cũng đừng quá thấp.”

Ngài bỗng giật mình tỉnh ngộ: “Không ngờ các người ấy cũng có nhiều ý tưởng hay! Ủ, có lẽ trong việc tìm điệu nhạc cứu thế, Ta đã lên quá cao dây đàn. Không khéo nó đứt mất trong khi Ta đang cần đến nó. Ta phải bồi bổ lại thân thể mới được.” (Ánh Đạo Vàng).

Từ hôm ấy, với sự cúng dường của nàng Tu-xà đa. Ngài bồi dưỡng lại sức khoẻ và nhờ đó Ngài có đủ sức khoẻ để tham Thiền 49 ngày dưới cây bồ-đề và Thành đạo. Thật đúng là: “*Phật pháp bất ly thế gian giác. Ly thế mịch bồ-đề...*”

Con đường “Trung Đạo” mà Ngài đã thuyết minh cho chúng ta, là kết quả của cả một quá trình thử nghiệm của chính bản thân Ngài, đi từ cực đoan này sang cực đoan khác.

Đức Phật đã gặt hái được đạo quả, do chính Ngài gieo trồng chứ không do ai khác. Với Trí tuệ sáng suốt, với lòng Từ bi bao la, với ý chí kiên cường, Ngài đã đi đến đích như Ngài ước

nguyện. Và trong cuộc trường chinh vạn dặm đi từ người đến Phật, Ngài đã nếm đủ mùi cay vị đắng, đã dẫm đạp lên bao sỏi đá chông gai, đã mò mẫm bước đi trong tăm tối đầy chàm bầy của cuộc đời, mà không có một ai có thể giúp đỡ Ngài, không có một thế lực thần bí, siêu nhiên nào hỗ trợ Ngài. Nhưng chính vì thế mà Ngài đã rút tĩa được bao kinh nghiệm quý báu, những kinh nghiệm của thế giới nội tâm, của con người, của cõi đời này và cho cõi đời này, chứ không phải của một thế giới nào khác, một cõi trời nào khác. Ngài đã trở thành một vị “Chỉ đường” rất vĩ đại, nhưng lại rất gần gũi với chúng ta, là vì vậy.

Những lời dạy của Ngài, rất thâm thúy, nhưng cũng rất thân thiết với chúng ta, là vì vậy. Giáo lý của Ngài không phải là những giáo điều mặc khải, đòi hỏi một lòng tin tuyệt đối, mà là những lời chỉ dẫn mà ta có thể chứng nghiệm được trong cuộc sống hàng ngày. Mỗi khi cần đề cập đến một vấn đề trừu tượng, luôn luôn Ngài bắt đầu bằng những câu hỏi rất giản dị, những ví dụ rất cụ thể mà ai cũng có thể nhận thấy được. Chẳng hạn, khi Ngài muốn nói cho các đệ tử biết giáo lý của Ngài không phải là tất cả, mà chỉ là một phần nhỏ của Chân lý, Ngài hái một nắm lá nằm trong tay và hỏi các đệ tử: “*Nắm lá trong tay Ta so với lá trong rừng này, nhiều hay ít?*” Các đệ tử trả

lời: “*Bạch Thế Tôn, rất ít.*” Và Ngài kết luận: “*Cũng ít như vậy, giáo lý của Ta so với chân lý trong thế gian này.*”

Để ngăn ngừa sự nhầm lẫn của các đệ tử cho rằng những lời dạy của Ngài về Chân lý là Chân lý Ngài bảo: “*Đừng nhận lầm ngón tay chỉ mặt trăng là mặt trăng.*” Hay để cảnh tỉnh những người “mê” phương tiện mà quên cứu cánh, Ngài nhắc: “*Qua sông rồi, thì hãy bỏ thuyền bè mà lên bờ.*” Những tư tưởng rất sâu sắc đã được diễn tả rất rõ ràng qua những hình ảnh hằng ngày ai cũng thấy được.

Trước khi chấm hết, tôi xin nhấn mạnh một lần nữa là, *đức Phật của*

chúng ta không xuất phát từ một cõi siêu nhiên thần bí nào, cũng không phải là một Thiên sứ hay con Thượng đế (cái ý niệm về Thượng đế cũng không được Ngài chấp nhận), mà là người con tinh anh của nhân loại. Một cành hoa quý đã nở trên thân cây nhân loại. Một hoa Đâm, nói theo truyền thuyết Ấn Độ, mấy vạn năm mới nở một lần; hay gần gũi với chúng ta hơn, một Hoa Sen, vươn lên từ trong bùn và biến chất bùn thành hương sắc. Và như vậy, giá trị đích thực của Ngài đã vĩ đại lắm rồi, hào quang của Ngài cũng đã chói sáng lắm rồi. Tôi nghĩ chúng ta không cần phải thêm thắt vào cuộc đời vốn đã kỳ diệu của Ngài, những huyền thoại phi lý, vẽ rắn thêm chân với mục

đích là tạo sự thiêng liêng để cho người đời thêm sùng mộ Ngài, kỳ thật đã đẩy lùi Ngài vào thế giới hoang tưởng, làm mất lòng tin đối với những người biết suy nghĩ trong thời đại khoa học ngày nay.

VÕ ĐÌNH CƯỜNG
1983

--- o0o ---

Phần 01

Nhân loại ơi! Có hay chăng một vị Giác Ngộ mới ra đời?

Chúng sanh ơi! Một đấng Đại từ, Đại bi, Đại trí, Đại đức vừa xuất hiện ở dưới trần!

*Ôi hân hoan, hân hoan cho
toàn cả mấy tầng trời, vì chúng
sanh ơi, một đóa hoa Đàm nở,
một ánh sáng lạ chói ngời!*

*Này ai ơi! Hãy đi về phía nam
dãy núi Hy-mã-lạp-sơn, vì chính
ở đây đã ra đời một đức Phật.*

Tiếng hát trong thanh ấy không biết từ đâu bay lạc trong gió, lạnh lạnh dội từ khoảng rừng này sang khoảng rừng khác. Đạo sĩ A-tư-đà (Asita) đang ngồi tham thiền dưới một gốc cây bỗng đứng dậy. Người choàng chiếc áo lông cừu vào, chống gậy lần xuống núi, đi về phía Nam dãy Hy-mã-lạp-sơn. Tối hôm ấy người đã đến thành Ca-tỳ-la-vệ.

Ở đây linh đình yên tiệc, hội hè đang giữa lúc say. Đèn sáng rực trên các vòm cây. Cờ bay ở đầu các ngõ. Những cỗ xe bò kết hoa đang kèn cồng chen giữa đám đông, ngựa hí vang lên để tìm lối bước. Những chiếc ghê kiệu bốn phía rủ rèm xanh, lơ nhô trên đám hội. ở đây, một nhóm người xúm quanh một phường xiếc; đằng kia, họ ngây ngất trước những điệu múa nhẹ như bay của đoàn vũ nữ. Một nơi khác, những kẻ đấu kiếm đang thi tài, hay những tay võ sĩ, mình mang lột gấu đang đọ sức với cọp. Từng trận cười dòn vang lên từ một đám trò hề đi diễu qua các phố.

Đạo sĩ A-tư-đà chen chúc từ đám này sang đám khác, và với vẻ mặt ngo ngác, đi hỏi từng người :

– Tại sao các người mở hội?

Và mỗi người trả lời mỗi cách:

– Vì Hoàng hậu Ma-gia vừa sanh Thái tử.

– Vì Thái tử Tất-đạt-đa có ba mươi hai tướng quý.

Nhưng có một người già, ngồi trên thềm gạch, trả lời rành mạch từng câu:

–“*Trước đây chín tháng, một hôm Hoàng hậu Ma-gia nằm mộng thấy một con bạch tượng sáu ngà đứng trên một ngôi sao, có sáu sắc chói ngời vượt qua trời cao và luôn vào trong hông*

phải Hoàng hậu. Ngài vùng thức dậy. Trời cũng vừa độ bình minh. Một thứ ánh sáng xanh nhuộm muôn cảnh rạo rục. Gió không réo rắc, im bật oán hờn từ núi Hy-mã. Sông Hằng không tràn trọc sóng Một nỗi hân hoan và thái bình lan tràn mặt đất.

Hoàng hậu kể lại giấc chiêm bao cho các già đoán mộng. Mọi người đều công nhận đây là điềm lành: Hoàng hậu sẽ sanh được Hoàng nam, tài đức từ xưa đến nay chưa ai sánh kịp.

Điều đoán xưa đã bắt đầu thực hiện. Sớm mai này trong vườn Lâm-tì-ni, chim thi nhau chuốt giọng trên cành; hoa thi nhau trải màu trên lá; và hương từ bốn phương dôn lại, xông lên

ngào ngạt khắp vườn. Hoàng hậu Magia thấy sự lạ, ngự ra xem. Ngài khoan thai đi từng bước một, lòng khoan khoái và nhẹ nhàng như có cánh bay. Đi đến gốc cây Vô Ưu thì Ngài sanh Thái tử.

Mặt trời xuất hiện ở phương Đông, hồng hào và tròn trĩnh như mặt Người vừa xuất thế! Hào quang phóng từng luồng dài, xoè ra như cánh quạt quét sạch những bóng đêm. Bầu trời trong xanh như đúc bằng ngọc thạch. Từng luồng gió thơm mát ngân vui trong lá mừng.

Tịnh-phạn vương nghe tin, truyền cho đình thần đến đón Hoàng hậu và Thái tử về. Cờ xí rợp trời, trống kèn

dậy đất. Đám rước đi đến đâu, từng loạt mưa hoa đổ xuống đấy. Chúng dân lũ lượt theo sau, hoà nổi vui mừng của nhà vua cùng với nổi vui mừng của cả nước. Và trong đám rước, người ta bảo có lẫn lộn những thiên thần, giả người trần tục, vì đây không phải cái vui riêng của cõi thế mà chính là cái vui chung cho cả mấy tầng trời.

Hôm nay, Tịnh-phạn vương truyền cho dân gian mở tiệc khao mừng là vì thế.”

Ngày hôm sau, A-tư-đà xin vào triều ra mắt Thái tử. Tịnh-phạn vương đứng dậy chào về phương phi của đạo sĩ, và Hoàng hậu đặt Thái tử dưới chân người đức hạnh ấy. A-tư-đà nhìn mặt

Thái tử xong, vội vã sụp xuống lạy tám lần, rồi đứng dậy khóc ròng rã trên chiếc gậy rung rinh. Tịnh-phạn vương và Hoàng hậu kinh hãi, hỏi dồn:

– Sao đạo sĩ lại khóc? Tai nạn gì xảy đến cho Hoàng gia đây?

Đạo sĩ chùi nước mắt râu:

– Râu Hoàng thượng? Tôi khóc là khóc cho tôi xấu số không sanh nhằm một thời với Thái tử! Ôi, tôi già nua lắm rồi và sẽ chết nay mai, không được nghe những lời thuyết pháp vàng ngọc của Thái tử!

Râu Hoàng thượng! Thái tử không phải là một người trần. Ngài là một đóa hoa quý nhất của nhân loại, chỉ nở một lần trong mấy vạn năm. Ngài sẽ là một

bạc đại từ, đại bi, đại trí, đại dũng. Và 32 tướng tốt của Ngài báo trước Ngài sẽ là một vị Đại vương, thống trị cả thiên hạ. Nhưng chữ vạn nổi ở trên ngực lại báo rằng Ngài sẽ làm chủ cả tam thế, dắt đường chỉ nẻo cho tất cả chúng sanh. Ôi thật là đại phước cho Hoàng gia! Nhưng hỡi ngài Ma-gia đức hạnh! Ngài sẽ lìa cõi trần ô trọc này trong bảy ngày nữa để lên cõi trời Đạo Lợi, vì đức hạnh của Ngài đã quá nhiều và nghiệp báo của Ngài đã hết. Từ đây Ngài sẽ không đau khổ nữa!

Lời đoán ấy không sai. Bảy ngày sau, hoàng hậu Ma-gia nhẹ nhàng ngủ thẳng. Thái tử được di mẫu là Ma-hà-bà-xà-bà-đề nuôi. Lên tám tuổi, Thái tử đã tỏ ra không phải một người thường.

Tịnh-phạn vương lo cho con mình sau này sẽ bỏ ngai vàng mà đi theo con đường chông gai và huy hoàng của một đức Phật. Ngài muốn con ngài sẽ làm một vị Đại vương, nên truyền cho tìm thầy giỏi nhất trong nước để dạy Thái tử những điều mà một vị Đại vương cần biết.

Tì-xa-bà-mật-đà-la, một giáo sư thông thái nhất trong những giáo sư được mời đến dạy. Ngày lành đã lựa, Thái tử kẹp trong tay một tấm gỗ trắc nhận ngọc ở ngoài lề, và một thẻ son để viết, kính cẩn đến thụ giáo với thầy.

Học đến đâu Thái tử nhớ đến đấy và nhiều khi Ngài thấy rõ trước những điều thầy sắp dạy.

Chẳng bao lâu, Ngài vượt hẳn sức hiểu biết của thầy, và một hôm, giáo sư bỗng sụp xuống lạy Thái tử:

– Hỡi Thái tử, từ đây xin Ngài hãy nhận cho già này làm đệ tử. Sức hiểu biết của lão có hạn, mà trí thông minh của Ngài vô cùng, lão không sao dạy nổi. Một khi con phượng hoàng đã đủ lông, đủ cánh thì không một con chim nào khác có thể vượt lên được.

Nhưng hỡi người con của Ma-gia đức hạnh, lão bái phục Ngài không phải vì trí thông minh của Ngài, mà còn vì lễ độ mà Ngài đối với lão nữa!

Cái lễ độ ấy, Thái tử đem đối đãi với tất cả mọi người. Cử chỉ của Ngài rất nhã nhặn. Một khi tượng đế vương

lộ trên nét mặt, tuy thể niêm thân ái vẫn chứa đầy trong đôi mắt. Giàu tình cảm, Ngài lại gan dạ không ai bằng. Trong những buổi đua ngựa trong cung, Ngài tỏ ra rất can đảm và lão luyện, ngựa của Ngài thường về nhất. Nhưng nhiều lúc, giữa cuộc đua Ngài bỗng dừng ngựa lại, có khi vì sức nghe có ai réo gọi; có khi vì thấy tội nghiệp cho con ngựa mệt nhọc đang thở hồng hộc dưới mình Ngài; có khi vì thấy thương những người bạn sắp thua cuộc.

Và mỗi năm qua, Ngài lớn thêm lên một tuổi thì tình thương kia lại tuần tự lan dần như từng vòng nước gợn.

Có một buổi mai mùa xuân, ngang qua vườn ngự, một đàn ngỗng trắng

bay về núi Hy-mã-lạp-son. Đê-bà-đạt-đa, em họ Thái tử, thấy được trưng cung nhắm bắn. Một chiếc tên vọt lên, cả đàn ngỗng trời bay tán loạn như một đám mây bạc bị gió xé ra từng mảnh nhỏ. Một con rơi xuống, vài điểm hồng rơi theo giữa khoảng trời xanh biếc. Thái tử thấy được, chạy đến thăm cỏ gần đây lượm con vật bị thương lên, áp vào lòng, rút mũi tên ở cánh ra, và vuốt ve nó như người mẹ hiền săn sóc con đau. Ngài hái lá nhai nhỏ rồi trộn với mật áp vào cánh chim. Chim dần dần tỉnh lại, âu yếm nép vào lòng Ngài. Trong lúc ấy, một tên thị vệ đến bên Ngài kính cẩn thưa:

– Thưa Thái tử, con ngỗng này của Hoàng thân Đê-bà-đạt-đa đã bắn được.

Ngài sai tôi qua đây xin với Ngài trả lại.

– Không! Con ngỗng này bị Hoàng thân bắt, nhưng được ta cứu. Hoàng thân là kẻ thù, chính ta mới là ân nhân của nó. Ta không thể giao nó cho Hoàng thân.

Đề-bà-đạt-đa không chịu, qua cãi lại:

– Con vật này khi còn ở trên trời, thì không thuộc của ai cả, nhưng khi tôi đã bắt được là thuộc về tôi.

Thái tử áp cổ ngỗng vào sát má Ngài, trả lời:

– Ta đã bảo không! Không ai có quyền làm đau đớn một con vật để bắt

nó thuộc về mình. Con vật này của ta, bởi ta yêu thương nó, và nhất là nó đã triu mến ta. Nhưng nếu Đề-bà-đạt-da không nghe thì cứ đi kiện với các lão thần, chúng ta nhờ họ phân xử.

Chuyện ấy được đem ra giữa triều. Các lão thần hội lại để phân xử. Mỗi người mỗi ý, không biết dựa vào đâu mà định đoạt. Giữa lúc ấy trong đám người đến xem, có một ông già đứng dậy xin thưa:

– Nếu sự sống có giá trị thật, thì người đã cứu sống một con vật đáng gìn giữ nó hơn là người định tâm giết nó. Một bên tàn sát và phá phách, một bên bảo hộ và xây đắp. Nên giao cho Thái tử con chim kia!

Mọi người đều cho lời nói kia rất phải. Vua sai người lấy ngọc ngà ra thưởng cho ông lão. Nhưng người ta không tìm thấy ông đâu nữa.

Thái tử được chim, hớn hờ ôm nó vào ngực. Ngài nghe trái tim nhỏ nhỏ của nó đánh gấp gấp bên cạnh tim Ngài. Nỗi sung sướng của Ngài hoà theo nỗi sung sướng của con vật. Ngài nhìn lên trời. Trời xanh ngắt, không vương một mảnh mây tro. Gió nhẹ xuôi chiều về hướng Bắc.

“Con ơi, hai ngày nay con bị giam cầm trong đôi tay âu yếm của ta. Tuy được ta nâng niu nhưng làm sao sánh được cái thú nước mây ở ngoài cao rộng. Hôm nay cánh con đã lành mạnh,

và giữa bầu trời quang tạnh, gió lại thuận thồi về hướng Bắc, ta thả con ra để con bay về dãy Hy-mã cùng đàn con sum họp. Ta gởi theo con đây một tấm lòng thương mến, và con hãy về mách lại với đàn con rằng ở đây có một người nguyện sẽ đem cả đời sống ra bênh vực, cứu giúp những kẻ yếu hèn... Thôi con hãy tung cánh lên đi!”

Thái tử mở đôi tay. Con ngỗng vụt bay lên, cổ dài trườn tới trước, hai chân duỗi thẳng ra đằng sau... Lòng Thái tử phoi phới, nhẹ nhàng vỗ theo với đôi cánh chim đang vạch một đường trắng ngang trời xanh.

Có một ngày, Tịnh-phạn vương nắm tay con đi dạo bên cạnh một khu rừng. Ngài đưa tay chỉ:

– Con thấy không? Từ chân trời thăm thẳm ruộng xanh kia đến khu rừng này và bao nhiêu khu rừng sau đây, đều thuộc về cha con ta cả. Giang sơn tươi đẹp và thái bình như thế, con cũng nên xem qua cho biết.

Trời về xuân. Cây rủ màn xanh. Cỏ giăng đặm lục. Rải rác trên cánh đồng, từng cặp bò kéo cày đi từng bước một; đằng sau, người nông phu ấn chân trên lưỡi cày: đất bị xẻ từng đường dài, uốn cong ra hai bên như những lưỡi sóng xẻ ra trước mũi thuyền. Xa xa, vài người vãi lúa tung cánh tay rộng lên

nền trời trong. Vài con chim én mài cánh trên cỏ mượt. Năm bảy con ác là khắp khênh đi trên những sóng đất cày. Đàn bướm trắng chập chờn bay trên những hoa cỏ tím. Từ phía rừng, tiếng chim lanh lảnh vang dội trong thành lá rậm. Ở một làng xa, tiếng trống khoan thai điểm hội cho một lễ cưới.

Thái bình lan tràn mọi vật. Thái tử tỏ vẻ vui mừng. Nhưng nhìn sâu vào trong cảnh vật, Ngài nhận thấy những mũi gai nhọn mọc tua tủa dưới hoa đời. Người nông phu đổi một phần sinh lực để được sống. Đôi bò nướng mình trong nắng để kéo lưỡi cày nặng trĩu, chôn một nửa dưới lớp đất khô. Những côn trùng bị lưỡi cày bới lên, quần quai trên mặt đất, làm mối cho loài chim

giành giựt câu xé nhau. Ngài thấy một con rắn mỗi đang đớp kiến, bỗng bị một con ó đến cắp đi. Và trong bụi rậm, một con chồn vàng đang rình đợi một con gà tha một con trùn đi qua.

Và cứ như thế, con vật này giết con vật khác, và bị con khác nữa giết hại. Sự Sống sống bằng sự Chết. Cảnh tượng đẹp đẽ ban đầu chỉ là một cái màn che giấu ở phía sau những giết hại thảm khốc những câu xé không ngừng. Thái tử thở ra:

– Chao ôi! Bao nhiêu mồ hôi và nước mắt đã nhỏ trong chén cơm của người đi cày!. Bao nhiêu sức lực của đôi bò đã đem ra để đổi lấy một nắm

cỏ! Và khốc liệt thay, sự tương tàn giữa vạn vật!

Nói xong, Ngài đến ngồi xếp bằng tròn bên một gốc cây và mời vua cha về trước để Ngài ở lại suy nghiệm về ý nghĩa cuộc đời. Một tình thương không bờ bến chiếm cả tâm hồn Ngài và lan cùng mọi vật; một sức ước muốn được cứu độ chúng sanh mạnh mẽ đến nỗi tâm trí Ngài không còn nhận biết những việc xảy ra ở xung quanh: bóng chiều đã ngã, quan hầu đang đứng đợi Ngài về cung.

Lần đầu tiên, Thái tử có một quan niệm chung về sự đau thương của toàn thể chúng sanh.

--- o0o ---

Phần 02

Sáng hôm nay, khắp các đường trong thành Ca-tỳ-la-vệ và các thành lân cận, lính nhà vua mỗi người mang một cái trống, vừa đánh vừa rao:

– Mời các công nương, mỹ nữ! Tối nay tại cung, Hoàng thượng có mở cuộc thi sắc đẹp. Mời các cô các bà hãy đến dự cho đông. Thái tử sẽ chấm cuộc thi. Mỗi người sẽ được một giải thưởng. Và giải thưởng quý nhất sẽ tặng người đẹp nhất! Mời các công nương, mỹ nữ ! Tối nay tại cung...

Tiếng rao lanh lảnh lách qua rèm, tim các cô thiếu nữ đập mạnh trong lồng ngực theo với tiếng trống thúc giục ngoài đường. Những làn da tuyết

ửng hồng, những làn da nâu ửng đỏ, vì máu chạy mau thêm trong huyết quản. Mắt các cô đang xa xăm bỗng bừng sáng lên vì một ý nghĩ: “Ồ được Thái tử chấm thi!” Thế là ngày ấy họ lăng xăng trang điểm để kịp tối vào cung.

Nhà vua mở ra cuộc thi không phải không duyên cớ. Thái tử Tất-đạt-đa đã 19 tuổi rồi. Trên nét mặt ngây thơ trong sáng như gương nước mùa xuân thường lộng thoáng một áng mây buồn. Mỗi lúc gặp con, vua cha liếc thấy không khỏi không liên tưởng đến lời thầy đoán xưa.

Một hôm, Tịnh-phạn vương hội triều thần lại rồi phán bảo:

– Các khanh còn nhớ lời đạo sĩ A-tư-đa nói về Thái tử Tát-đạt-đa chứ? Lòng trăm mong rằng lời đoán thứ nhất thực hiện, nghĩa là Thái tử sẽ làm một vị Đại vương; nhưng để ý mà xem, thì chừng như Thái tử sẽ bỏ ngôi báu mà ra đi, bỏ lại bao nhiêu công trình quý giá mà mấy mươi tiền triều đã ra công xây dựng. Trăm hội các khanh lại đây là cốt nhờ các khanh tìm cho trăm một cách gì để giữ Thái tử lại và đưa về con đường của tiên tổ.

Một lão thần đứng dậy tâu:

– Tâu Hoàng thượng, chỉ có lưới tình là vây được Thái tử. Ngàn vạn sợi dây đồng không buộc nổi những ý

tương phiêu lưu mà một sợi tóc của mỹ nhân cũng đủ giữ lại dễ như bỡn.

Bá quan đều tán thành lời tâu của lão thần. Nhưng Tịnh-phạn vương lại phán:

– Đàn bà thì chẳng thiếu gì, nhưng sắc đẹp tùy theo mắt mỗi người. Trẫm biết con trẫm thích ai mà lựa?

– Như thế, tâu Hoàng thượng, thì nên bày ra cuộc thi sắc đẹp cho toàn thể tiểu thư trong nước, Thái tử sẽ chăm lấy hoa khôi. Và hoa khôi ấy sẽ là vợ Thái tử.

Thế là theo lời tâu, vua mở cuộc thi sắc đẹp. Trời chưa tối hẳn, đèn trong hoàng thành đã nổi ánh sáng của mặt trời. Qua vòm cửa hoàng thành cao vòm

vội, nhẹ trôi một dòng muôn sắc. Đây là tất cả những công nương, mỹ nữ của một nước hiệp lại để làm vui lòng một người. Đây là nơi tụ hội của nhiều lối trang sức khác nhau nhằm một mục đích chung là làm đẹp lòng người vương giả. Trên những làn tóc óng ả đã chải chuốt công phu, họ phủ lên một mảnh lưới mịn và mỏng như tơ trời; và trên những áng da ngời, những khỗ lụa mịn như phấn quấn quanh vài vòng, làm nổi bật những tấm thân cân đối như những tượng thần Hy Lạp, và chạy xuống tận đôi gót chân để mỗi nhịp đi là gợn lên những làn sóng cong và mềm như những lưới nước liếm bờ...

Họ lần lượt đi ngang trước mặt Thái tử, hai mắt to và đen nhìn xuống mũi

giày; những ngón tay bóng loáng—vì mới nhuộm dầu—và sườn sấn như những đọt hải đường kéo lên một chéo áo để khỏi vướng bước chân đi. Nhưng sao những cổ chân tròn trĩnh có đeo vòng kia lại cứ ngập ngừng như sợ đập phải một cái gì tôn nghiêm thế? Khi họ đến trước mặt Thái tử để nhận một giải thưởng trao từ tay Ngài, họ hạ đầu xuống thấp một chút nữa, để lộ nốt ruồi (Tilka) bóng loáng giữa hai hàng mi cong. Sau khi đã nhận lãnh một món đồ, họ rảo bước mau ra: một oai linh gì làm cho họ ngợp ngợp, khi đi ngang trước Thái tử. Hễ nàng nào được hoan hô đẹp hơn những kẻ trước, nàng ấy ngỡ ngờ đứng lại nhìn quanh, không biết đấy là những tiếng khen tặng mình hay

một kẻ sau vừa đến; dưới sự cao cả, diêm dăm và oai nghi của Thái tử, các nàng mất hết tự hào, thấy mình nhỏ nhoi và thấp hèn quá. Họ cảm nghe như đi lạc vào một thế giới không phải để đón tiếp mình. Và cứ như thế, một nàng qua, tiếp theo một nàng đến, một vẻ đẹp theo sau một vẻ đẹp. Và cứ như thế họ đi qua... với nhan sắc của họ, may ra còn thoáng chói vọng lại vài ánh kim khí của đôi hoa tai tròn, trước khi lẫn vào bóng tối.

Không nàng nào có thể làm gợn dậy một lượn sóng tình trong lòng Người rất tinh khiết đang ước vọng tuyệt đích ấy. Không một sợi tơ luyến ái có thể vướng víu Ngài với những con bướm vừa mới lướt qua. Nhưng khi giải

thường cuối cùng đã trao xong thì nàng Da-du-đà-la tiến đến. Thái tử giật mình: chưa bao giờ Ngài thấy một người đẹp đến thế. Nàng đi đến, vây bọc giữa một khung huyền ảo và linh động, thân hình nàng đều đặn và thanh cao lạ lùng: hình như bao nhiêu vẻ đẹp của đất trời đều hiệp vào đây để tạo nên một tuyệt tác giai nhân. Làn da hồng mịn thế kia có thể ví được với màu hồng mịn của da trời một buổi bình minh. Hai mắt xanh ướt và thăm thăm sâu kia là hai hồ nước ngọc. Và tóc nàng dưới làn lưới mỏng, gợn lên từng lượn sóng nhưng đen. Nàng khoan thai bước từng bước vương giả như đi vào chỗ quen thân. Nàng đến trước mặt Thái tử, hai tay chấp tréo trước ngực,

đầu cúi xuống trong một dáng điệu thanh cao để chào Ngài. Rồi đài các nàng ngược đầu lên, đứng thẳng lại—cổ cao ba ngón, lộ màu da hồng trên tấm áo trắng tinh. Hoa môi bùng nở nhụy răng ngà, ở đáy cất lên một giọng trong thanh như tiếng bát sứ cổ:

– Thái tử còn một vật gì để dành cho em?

– Hỡi người đẹp nhất trong những người đẹp, bao nhiêu bảo vật đã hết rồi. Nhưng nàng hãy nhận vật này thế lại.

Nói xong, Thái tử mở chuỗi ngọc ở cổ Ngài, nắm vào hai đầu mỗi dây. Chuỗi ngọc xanh ngời, long lanh muôn ánh nến, như một chuỗi hạt nước biếc rung rinh, sắp nhỏ dưới tay ngà. Ngài

đeo chuỗi ngọc vào cổ nàng tiên ấy. Nàng sung sướng nhìn Thái tử, cảm ơn. Thái tử nhìn lại sung sướng được ban ơn.

Ngày hôm sau, trong buổi chiều, các quan tường thuật lại với vua cuộc thi sắc đẹp và những dáng điệu của Thái tử khi nàng Da-du-đà-la, con gái của tiểu vương Thiện-giác đến. Nhà vua cười, phán bảo:

– Thế là ta đã bắt được mối. Bây giờ phải kiếm cách gì để nử cho con phượng hoàng ấy ra khỏi mấy tầng mây xanh.

Thế là ngài truyền cho các quan đến cung vua Thiện-giác hỏi vợ cho Thái tử. Nhưng các quan buồn bã trở về đem

theo một lời gằn như thách đố của vua Thiện-giác: “*Theo tục lệ nhà tôi, mỗi khi ai muốn đến hỏi con gái, phải thi võ nghệ. Trong những người đến dự thi, ai có tài hơn cả sẽ được vợ. Tục ấy không thể miễn cho một ai, dù đấy là Hoàng tử Tất-đạt-đa.*”

Vua Tịnh-phạn nghe xong, lòng buồn rười rượi Ngài biết con ngài về văn chương, triết học thì không một ai sánh kịp, nhưng còn võ nghệ thì làm sao thắng nổi những tay vô địch về tài bắn cung như Đề-bà-đạt-đa, về tài cưỡi ngựa như A-nậu-đà-la và về tài múa kiếm như Nan-đà. Nhưng Thái tử vẫn thản nhiên quỳ xuống tâu vua:

– Xin phụ hoàng đừng lo ngại. Những môn võ nghệ cung tên, con đều có học cả. Phụ vương cứ truyền rao cho mọi người ai muốn thi tài võ nghệ với con hãy đến vũ trường dự thí.

Bảy ngày sau, trên vũ trường, có cuộc thi tài rất sôi nổi. Ở đây, từ sáng sớm đã tề tựu đủ cả các hạng người trong thành, từ những bậc vương tước cho đến cùng dân. Công chúa Da-du cũng có dự. Nàng đi đến trong đám rước cô dâu. Âm nhạc nâng từng bước chân ngựa; những rèm kiệu hoa hoè phoi phới tung bay; và đàn bò kéo xe, bệ vệ đi từng bước một vì sợ làm rơi mất những vòng hoa rục rĩ móc trên những cặp sừng vàng.

Các tay dự thi đều là dòng dõi đế vương, thân thích với Thái tử: Đê-bà-đạt-đa, A-nậu-dà-la, Nan-đà. Thái tử Tất-đạt-đa đến trên mình con ngựa Kiên-trắc. Kiên-trắc đưa ra những tiếng hí dài, vì nó chưa bao giờ quen với một đám đông như thế, và Thái tử nhìn đám đông ngạc nhiên thấy rằng tuy khác địa vị, khác cách ăn mặc, họ vẫn giống nhau trong những nét vui mừng.

Thái tử nghĩ đến đây, bỗng có tiếng hô bắt đầu cuộc thi bắn. Nan-đà nắm một chiếc cung và sai người đem một eái trống đồng để cách xa 400 thước. A-nậu-đà-la cũng làm thế. Trống của Đê-bà-đạt-đa để xa hơn, nhưng Tất-đạt-đa chấp hết: Ngài bảo đem để trống của mình rất xa, xa cho đến lúc nào

mặt nó chỉ còn thấy nhỏ lại bằng con nghêu. Mỗi người lần lượt bắn: Ba cái trống trước bị xuyên ba mũi tên, tiếng hoan hô nổi dậy một góc trời. Đến lượt Tát-đạt-đa nhắm bắn. Công chúa Da-du hồi hộp, kéo tấm lưới xuống quá mắt: nàng e sợ mũi tên không trúng đích. Hoàng tử rút mạnh sợi dây, thanh cung uốn cong như một nhánh trúc yếu, hai đầu cung chúm lại và gãy ngang trong tay Thái tử. Ngài vứt cung xuống và bảo: “*Thứ cung này chỉ để cho con nít chơi. Ở đây ai có chiếc cung nào tốt hơn thế nữa?*” Một người trong đám mách rằng ở đền Simbahanou có một cái cung bằng đồng đen nặng lắm, chưa ai có thể trương lên nổi. Ngài sai người đến mượn. Một chốc, hai tên lính hì

học mang cung về. Ngài nắm lên, rồi trao cho mọi người dự thi thử trước. Nhưng họ chỉ trưng ra nhiều nhất là được một gang tay rồi phải thả xuống. Thái tử một tay đỡ lấy thanh cung, đưa thẳng ra đằng trước và tay kia kéo mạnh dây đồng. Ngài thả dây: một tiếng ngân dài làm chuyển động cả không gian như một tiếng chuông đồng. Những kẻ tàn tật không đi xem được cuộc thi, ở nhà nhìn nhau hỏi: “*Tiếng gì lạ thế?*” Và có người biết chuyện trả lời: “*Đấy là tiếng dây cung mà Thái tử Tất-đạt-đa đang thử*”. Sau khi thử cung, Thái tử nắm một chiếc tên lắp vào dây, nhắm đích. Một tiếng ngân, một tia sáng như sao băng xuyên qua hai mặt trống đồng!

Đến cuộc thi kiếm, Đề-bà-đạt-đa trở tài trước. Chàng cầm một thanh kiếm, tìm một gốc cây to bằng một ôm người lớn, phát ngang một lát, thân cây đứt thành hai đoạn. A-nậu-đà-la lựa một cây to lớn hơn và Nan-đà một cây lớn hơn nữa. Nhưng hai cây rất lớn mọc song nhau. Tất-đạt-đa nhẹ đưa một lát kiếm, nhanh như phóng một làn chớp, và lạ thay, hai cây vẫn đứng sững? Nan-đà mừng rỡ reo lên : “A ha! *Không đứt!*” Công chúa Da-du chỉ kịp tựa vào vai con thị tỳ cho khỏi gục ngã. Nhưng một cơn gió thoảng qua, hai cây cùng ngã lăn ào xuống một lượt. Thì ra lát kiếm của Thái tử quá bén và quá phẳng, nên hai thân cây tuy đã đứt

ngang, vẫn còn giữ được thăng bằng trên đôi gót phẳng.

Cuộc đua ngựa tiếp theo. Ngựa phải chạy ba vòng quanh vũ trường. Khi Nan-đà, Đề-bà-đạt-đa, A-nậu-đà-la về tới mức vòng đầu thì ngựa của Tất-đạt-da còn một khoảng nữa mới hết vòng... thứ ba. Con ngựa Kiên-trắc chạy nhanh quá, người ta không nhìn rõ nó chạy hay bay, chỉ biết mỗi giọt nước miếng của nó từ mép rơi xuống đất là nó chạy được một trăm sải. Nan-đà vội kêu lên : “Không, với con ngựa Kiên-trắc thì không ai địch nổi. Phải đem một con ngựa hết sức hung hăng ra đây thử xem ai cưỡi được”.

Quân giữ ngựa đem ra một con ngựa đen như mực, hai mắt đỏ ngầu, mũi phồng bọt mép trắng cả hàm. Nó cổ trườn tới như chực bứt ba sợi dây buộc ở cổ mà chạy. Nan-đà rồi Đề-bà-đạt-đa thay nhau mỗi người cưỡi thử một lượt. Nhưng chưa ngồi yên được trên mình ngựa, đã bị nó hất xuống đất, mình mảy lấm một lớp đất bụi và một lớp thẹn thùng. A-nậu-đà-la ngồi được trên mình ngựa một hồi. Chàng mở dây xích ở cổ nó, vói tay bứt lấy hàm ngựa, hai chân thúc mạnh vào hông, con vật bực tức nhảy lồm lên như một luồng gió bão. Nhưng bỗng nó đứng lại, hạ cổ xuống, bốn chân xiêu hẳn về đằng sau, và A-nậu-đà-la chúi nhào về phía trước đầu ngựa. Bọn kỵ mã hốt hoảng

chạy ra giữ con quái vật lại, và mọi người đồng thanh kêu : “*Hãy đem nó vào chuồng, đừng để Thái tử Tát-đạt-đa cỡi nữa! Nguy hiểm lắm!*” Nhưng Thái tử truyền giữ nó lại. Ngài ung dung bước ra, nắm vào bờm nó, miệng lầm bầm vài lời dịu ngọt, tay phải vuốt ve từ đầu đến cổ, đến hông ngựa, và mọi người ngạc nhiên thấy nó đứng yên, hiền từ như đã quen với Thái tử lắm. Ngài nhảy lên mình ngựa, ngựa khoan thai đi giữa tiếng hoan hô của khán giả. Vua Thiện-giác hấp tấp chạy đến bên Thái tử, nói với một giọng dứt quãng vì sung sướng:

– Chừng ấy cũng đủ thấy tài vô địch của Thái tử rồi! Thôi, người hãy nhận lấy viên ngọc quý của nhà ta đi.

Trong lúc ấy, nàng Da-du-đà-la đứng dậy nắm lấy một vành hoa sứ, vén mảnh lưới đen viền vàng lên quá trán, rồi đi đến phía Thái tử. Tất-đạt-đa nhảy xuống ngựa, oai phong như một pho thần tượng, bộ áo vũ trắng nổi bật cạnh sắc đen nháy của lông ngựa. Nàng Da-du cúi mình rất thấp trước Thái tử, rồi nâng vòng hoa lên trong đôi tay rung rung vì cảm động, nàng quỳ xuống bên chân Ngài, mắt ngược lên, cổ vươn cao trong một niềm khát vọng tôn thờ, những tia hạnh phúc bùng sáng trong đôi mắt xanh ngời.

Thái tử đỡ nàng dậy, và tay trong tay, hai người tài sắc nhất của thành

Ca-tỳ-la-vệ , bước song song đi giữa tiếng hoan hô của muôn vạn lòng sung sướng.

--- o0o ---

Phần 03

Sau khi đã chọn được ngày lành và làm lễ thành hôn cho Thái tử, Tịnh-phạn vương vẫn không chắc ở sức mạnh của ái tình. Để cầm giữ chí hiên ngang của Thái tử, ngài truyền dựng lên một cung điện hết sức nguy nga, chưa từng thấy ở dưới trời.

Cái “ngục” bằng vàng ấy được xây trên một trái núi xanh, dưới chân doanh tròn sông Rohini nước biếc, giao nối những nguồn suối trắng của Hy-mã-lạp-son với dòng nước đỏ của sông

Hằng. Xa xa về phía Nam, chạy dài một dải rừng mai trắng, rồi đến những đồi thông xanh: đồi lại đồi, làm khuất mắt những cảnh tượng náo nhiệt của cuộc đời bên ngoài, nhưng xa xa, gởi mình theo cánh gió tiếng ồn ào của thành thị vẫn đồng vọng đưa về. Ở phía Bắc, dàn ra những cảnh tượng hùng vĩ của dãy Hy-mã-lạp-son. Đây là những ngọn núi, đầu bạc tuyết, hình thù quái dị, đang bồng bế nhau, chồm lên lưng nhau, thi nhau trườn lên để nâng cao tấm màn xanh của bầu trời. Ngang giữa lưng chừng núi, dưới những đầu trùm khăn tuyết, từng tấm áo xanh rừng có từng đường sọc suối trắng, phủ lên những sườn rần rỏi và những lưng đá mập tròn. Và dưới chân núi, lan dần ra

mãi và nối tiếp những khoảng rừng kia là những đồng cỏ lục.

Giữa cảnh hoang vu tịch mịch ấy mà thỉnh thoảng lặng chìm những tiếng chim muông. Tịnh-phạn vương đã truyền dựng lên những dãy nhà ngang dọc, mở ra trước những vườn hoa bách thảo. Lâu đài chồng chất lên nhau như từng trái núi nhỏ; những chiếc cầu dài bắc qua nhiều hồ nước rộng, những bức tượng đá chạm nhiều nhân vật lấy trong các chuyện tình xưa, những đường dài lát sỏi trắng đan nhau và vượt qua những thảm cỏ mượt. Đời sống ở đây bình yên quá nên chim chóc ru nhau về hót bốn mùa, và một bầy linh dương ngày kia đi lạc đến, cũng nhất quyết ở lại không về.

Nhưng bao nhiêu nghệ thuật tài tình, bao nhiêu của quý giá đều dồn góp lại để dựng ở chính giữa, điện của Thái tử và nàng Da-du. Muốn vào đây phải đi qua một cái hồ xây bằng cẩm thạch có những đường gân xanh, nước trong hồ trong biếc như mắt nàng Da-du; từng đàn cá thia đỏ vàng, xoè đuôi to bằng cái quạt lớn, bắt chước nhau đớp những giải mây hồng in trong nước biếc. Quanh hồ những cây dừa lùn sai lá hạ tròn nhưng bóng im trên sỏi trắng. Ở đây cái gì cũng êm dịu, vì mục đích của ngài Tịnh-phạn là cố làm êm dịu những ý tưởng quá cao xa đang sôi nổi trong lòng người con trai anh tuấn ấy.

Khi vén rèm bước vào phía trong điện, người ta không còn nhớ nữa thời

gian. Ở đây ngày đêm không phân biệt. Một thứ ánh sáng màu sữa chảy lai láng trên những bức màn nhung tía, trên những đệm gấm có điểm từng chấm sao vàng, trên những mặt bàn ngà bóng loáng, trên những án lư trầm. Và trầm hương bay, đêm ngày hòa trong ánh sáng, tiếng đàn buông quân quýt theo làn hương bay. Những khay vàng được dâng đưa trên đôi bàn tay cẩn trọng, đặt trước mặt Thái tử những món trân tu; và từng đĩa ngọc đơm những trái cây còn đọng sương mai; những món giải khát hòa với tuyết đem từ núi Hy-mã, đựng trong chén ngà bóng loáng; những điệu hát tình, đêm ngày ru đưa, ru đưa hồn say sưa của Thái tử. Và của bọn vũ nữ, những bàn

chân đeo lục lạc, thơn thơn lướt trên điệu nhạc đơn vui: những bàn tay mềm dẻo nối theo nhau, chuyển từng gợn sóng để dìu giọng tiêu bay... Rồi trước khi giọng tiêu thổi cao vút, những ngón tay thổi chới với giữa ánh sáng thom xanh, đầu Thái tử đã gục vào vai bà Da-du, đôi mắt lừ đừ từ từ khép lại.

Thái tử sống trong cảnh thiên đàng ấy, quên mất thế giới bên ngoài. Hằng ngày có những quan giám sát lẫn lộn trong đám người hầu, để chực trừng phạt những ai nói đến tiếng kêu gào, rên siết của đau thương, cảnh tượng hãi hùng của hoả táng. Những cảnh tượng già nua không được hiện lên cảnh vật: một đóa hoa sắp úa, người ta vội cắt đi một chiếc lá rụng vàng, người ta vội

lượm lên trước khi mặt trời dậy. Nếu một nét nhăn hiện trên vùng trán, một đôi chân mệt mỏi không lanh lẹ nhún theo tiếng đàn, một giọng ca đang vút cao bỗng đứt quãng, một ngón tay rướm lệ đỏ trên phún ngà, một sợi tóc bạc hiện giữa làn tóc mây, người cung nữ xấu số ấy sẽ bị đưa ra khỏi đây.

Thái tử bị doanh vây giữa bao khoái lạc ấy nhưng đôi khi tỉnh dậy, ngao ngán cho phận mình. Ngài bỗng để rơi một ly rượu ngọc khỏi tay mềm! Thế là tiếng đàn địch lại véo von thêm, mộc trầm lại xông dày khói biếc và những tấm thân của bọn vũ nữ lại mềm dẻo hơn lên. Nhưng Thái tử không vui lại được. Những lúc buồn bã như thế, Ngài truyền cho bọn vũ nữ thôi múa

hát và ngồi quanh Ngài. Rồi một nàng, theo lệ như mọi chiều vàng khác, kể tiếp cho Ngài nghe một chuyện tình xưa còn bỏ dở:

– Thừa Thái tử, rồi công chúa nước ấy đợi mãi không thấy chồng về, thắp hương khấn vái đất trời cho nàng gặp được chồng ngoài chiến địa.

Một buổi mai kia, trời đất bỗng sầm tối, một con chim đại bàng nghiêng cánh thấp dần bên khoảng đồng hoang, cất tiếng thanh tao mời công chúa lên lưng để nó đem ra chiến địa.

Rồi chim đại bàng cất cánh bay lên, trên lưng mang nàng công chúa đẹp. Nàng sung sướng tưởng đến phút gặp

*chông. Nhưng hỡi ôi ! Nơi chiến địa im
lìm một làn tuyết phủ.*

*Trong lúc ấy thì phò mã, sau khi
giặc giã đã dẹp yên, trở về triều, nhưng
người yêu đã biến đâu mất!*

*Con thần mã phi qua những đồng
lúa vàng, trên những đầu sóng bạc,
phóng qua những núi tuyết, và đêm
ngày nó phi luôn như thế, và đêm ngày
tiếng nhạc ngựa rền vang một điệu đàn
ai oán, làm choáng váng cả núi đồi.*

– Rồi sao nữa con?–Thái tử hỏi.

– Thừa Thái tử, rồi một buổi mai
kia, công chúa đang mê man trên cánh
đại bàng, bỗng tỉnh dậy vì tiếng vang
của nhạc ngựa. Nàng bảo con đại bàng

hạ xuống và nghiêng cánh trút nàng trên lưng ngựa Phò mã.

– Thế thì uổng quá nhỉ?—Thái tử kết luận.

Người cung nữ ngạc nhiên hỏi lại:

– Thưa Thái tử, Ngài muốn nói gì?

– Ta tiếc cho hai người đã gặp nhau quá sớm. Sao không đi tìm khắp cả mặt đất rồi mới gặp nhau? Như thế hai người sẽ trải qua được biết bao nhiêu cảnh vật. Ôi! Nếu ta được cưỡi trên cánh chim đại bàng, hay trên lưng con thần mã. Ta sẽ đi ngao du cùng cả thiên hạ, và bao cảnh lạ sẽ chào đón ta ở bốn phương trời.

“Em Da-du yêu quý ơi, em có nghe chẳng, những lúc ta gói đầu trên cánh tay em, tiếng rào rạt của lòng ta dâng lên như những tiếng sóng ồ ạt lăn mình trên bãi cát, rồi lại tan tác lui về? Những lúc ấy là những lúc lòng ta khao khát được vượt qua những dãy núi cao và biển rộng. Có những ngày rờn rã lòng ta quay theo với mặt trời, từ buổi mai hồng cho đến chiều tím, có những đêm trọn ta thức với trăng sao, để tưởng tượng ở những phương trời khác, có những tâm hồn được ta mến yêu, có những người ta chưa quen biết, nhưng ta chắc sẽ vui vẻ tiếp mời.

Thế mà ta bị giam hãm trong ba lớp thành này! Làm thế nào, em ơi, khiến ta vui được?”

Có một buổi chiều, đang thêm thiếp dưới làn gió quạt của người vợ đẹp, Ngài bỗng mở bừng đôi mắt, đứng dậy kêu lên:

– Ôi vũ trụ ta nghe rồi!

– Ngài nghe gì thế?—Công chúa Da-du vội hỏi, đôi mắt hãi hùng nhìn Thái tử. Thái tử nhìn lại nở một nụ cười hiền để làm yên lòng người vợ trẻ. Và để khuây khoả lòng chồng, nàng sai đặt một cây đàn sáu dây trong khung cửa sổ, mặc cho vượt gió buông bắt. Sáu dây đàn ngân lên một điệu đàn kỳ lạ, làm mọi người trong cung điện đều mê ly. Duy, trong ý gió, chỉ có Thái tử là nghe thấy những niềm khóc than:

– Ôi lang thang! Chúng tôi là gió lang thang đã muôn ngàn thế kỷ, đang đi tìm một sự an nghỉ không thể có ở trần gian. Chúng tôi bay từ đâu lại, khởi từ lúc nào, và bao giờ được yên nghỉ, và sẽ đi về đâu? Nào chúng tôi có biết!

Vì thế có khi chúng tôi đã kêu gào trên biển cả, gặm thét trên núi đồi; nhưng ôi đau đớn! Sự giận hờn của chúng tôi nào có ai hay!

Có lúc qua ngàn thông cao, chúng tôi vừa bay vừa khóc; có những lúc vừa nhọc vừa buồn, chúng tôi đã để tuôn từng luồng sầu hận.

Đau đớn, giận hờn, van lơn, khóc lóc, và nhọc, và buồn: thôi đã đành

phận gió. Nhưng đó cũng là số kiếp của người đời!

Một kiếp người qua, một hơi gió thoảng! Chúng tôi đã trải qua biết bao sông núi, chứng kiến biết bao sự tiêu vong, nên chúng tôi chỉ biết kể lể những nỗi đau buồn.

Chúng tôi đã thấy đây đây những tâm thân quằn quại trong đau thương, những cánh tay vươn chơi vơi lên cao trước khi chìm trong thất vọng, những cổ họng khát khao đã kêu gào trong tâm tôi!

Chúng tôi đã mang về đây những mùi thối khét của những thầy ma thiêu trên giàn hoả, chúng tôi đã mang về

*đây mùi tanh hôi của những vũng máu
đọng thành hồ trên bãi chiến!*

*Và Ngài hãy nghe đây, tiếng rạt rào
của bao làn sóng lệ, những niềm kể lể
của những con tim héo tàn!*

*Ôi trần gian, một tiếng than dài vô
kể, làm sao Ngài có thể say mê hoài
giữa những khối lạc mong manh?*

*Dậy đi thôi! Chúng tôi mong Ngài
tỉnh dậy! Trần gian mù quáng đang sờ
soạng quanh mình, hỡi người con của
Ma-gia, hãy đưa nhân loại ra khỏi
vũng lầy tăm tối ấy!*

*Đi đi thôi! Chúng tôi mong Ngài đi
tìm một con đường giải thoát cho nhân
loại noi theo! Dậy đi thôi! Đi đi thôi!
Ôi Thái tử!*

Sáu dây đồng rung lên một hơi dài rồi im bật, như một giọng đang nói bỗng tắt ngang, vì quá thỗn thức. Thái tử vùng đứng dậy, đôi mắt sáng lên như vừa tìm thấy một cái gì hiện ở chân trời.

Ngài bước mạnh ra phía cửa phòng, những mảnh rèm trúc tung toé ra hai bên tường và xào xạc chạm vào nhau...

Công chúa Da-du sợ hãi, im lặng theo sau, bước mau từng bước nhỏ.

Nhưng từ ba lớp thành cao, văng vẳng đưa vào những tiếng kèn kẹt của hai tấm cửa sắt mà bọn gác thành khép lại và những tiếng lèng kèng của những sợi xích chạm vào nhau. Hoàng hôn xuống đã lâu rồi. Bóng tối kéo đầy.

Thái tử ê chề ngồi phịch xuống một tấm ghế đá ở trong vườn.

Từ trong cung, theo gió bay ra từng gợn sóng nhạc và những tiếng hát hồn hên của đoàn vũ nữ đang múa may...

--- o0o ---

Phần 04

Đường trong thành Ca-tỳ-la-vệ đã được quét chùi bóng loáng. Cờ phát phối bay trên những cành cây cao. Tường phố đều tô vôi lại như mới. Những đóa hoa trong chậu cảnh đều xoay mặt ra phía đường. Khói hương trầm bay nghi ngút trong những hương án thờ Nhật thần và các vị thần khác, dựng lên ở các ngã ba, ngã tư. Từng đoàn lính nhà vua, hôm trước đã đi

khắp các đường đông dặc rao: “Ngày mai Thái tử Tát-đạt-đa được lệnh đi thăm thành phố. Hoàng thượng truyền rao cho các phố xá phải trang hoàng đẹp đẽ để tiếp Thái tử. Không ai được để lộ cảnh tượng xấu xa hay buồn thảm. Những người già ốm hay tật nguyền không được lảng vảng ngoài đường. Các lễ hoả táng phải hoãn sang ngày khác. Ai không tuân lệnh sẽ bị trừng phạt nặng”.

Nên thành Ca-tỳ-la-vệ hôm ấy được trang hoàng như ngày đại hội. Thái tử từ trong thành ra, ngồi trên một cỗ xe, có hai con bò trắng như tuyết kéo. Một nỗi hân hoan lan tràn trên các đường phố và Thái tử sung sướng nhìn đám dân vui vẻ trong những bộ quần áo sặc

sở đang quẩn quýt quanh xe. Ngài cười mãi, hai mắt vui như hai vành trăng thượng tuần, chứa đầy một niềm âu yếm trước cảnh tượng hoan lạc của đám bình dân, và đám bình dân kéo nhau theo sau xe Ngài như một dòng nước chảy, vừa tung lên mình Ngài những đoá hoa rục rĩ, vừa hoan hô: “*Thiên xuân Thái tử! Thiên xuân Thái tử!*” Ngài quay mặt về phía tên đánh xe:

– Ô! Đời bình yên quá, Xa-nặc ơi! Ta không ngờ đám thường dân ở dưới quyền thống trị của phụ hoàng cũng được hưởng hạnh phúc chẳng kém gì ta. Chỉ nhìn vẻ sung sướng của bao nhiêu người ấy, ta cũng thấy tràn vào lòng ta bao hạnh phúc rồi. Ô dễ thương

quá! Đứa trẻ đang bặm môi tung hoa vào xe ta đó? Người hãy bảo nó lên ngồi với ta đi. Chao ôi! Sung sướng quá, người hãy cho xe đi xa nữa đi.

Cỗ xe khoan thai tiến tới, hai bánh ngập một nửa dưới đường đầy hoa. Đến một quãng đường cong, bỗng từ trong chòi tranh lão đảo bước ra một ông già nương mình còng trên chiếc gậy ngấn. Tóc ông ta bạc như vôi và bõm xồm như ổ quạ làn da nâu nhẵn nhịu giống hạt cau khô; đôi mắt sâu và đục ngẫu tượng trưng cho hai vũng nước đọng. Tất cả mình ông chỉ là một bộ xương người biết cử động, dán ở ngoài một lớp da nhẵn. Trước những tiếng nạt nộ và xua đuổi của quân hầu, bộ xương ấy lập cập vấp ngã ra giữa

đường. Quân hầu hồi hả chạy lại, kéo lão ra một bên. Nhưng Thái tử truyền giữ lại:

– Xa-nặc! Cái gì đấy? Có phải một người không? Sao ta trông không giống chút nào với những người đang ở xung quanh ta thế?

–Thưa Thái tử, đây là một người già. Lúc mới sinh, ông ta cũng như mọi người khác, nhưng vì thời gian mỗi ngày một tàn phá mà sanh ra như thế! Đây là một việc thường, có gì lạ đâu mà Thái tử phải để tâm đến?

– Người bảo là một chuyện thường? Thế thì ta, Da-du và mọi người sẽ thành như thế cả sao?

– Thưa, rồi sẽ như thế cả, nếu sống lâu.

Thái tử nhìn trân trân vào mặt Xan-
nặc một hồi, như để nhớ lại một điều
gì, rồi bảo quay liền xe về cung.

Từ chiều ấy trở đi, Ngài không vui
nữa. Những món ăn như có tro lẫn vào,
Ngài không làm sao nuốt qua khỏi cổ;
những tiếng đàn như hoà theo với tiếng
khóc than; và vẻ uể oải không biết tự
lúc nào đã len vào trong những dáng
điệu của đoàn vũ nữ.

Nàng Da-du rướm nước mắt, quỳ
xuống bên chân Ngài, van vỉ:

– Hôm nay đi chơi về, sao Ngài lại buồn quá thế? Chuyện gì đã làm phật ý Ngài chẳng? Nhưng dầu có chuyện gì xảy đến đi nữa, thì ái tình của đôi ta cũng đủ đem hạnh phúc lại cho chúng ta rồi, can chi mà Thái tử buồn lắm thế?

– Em ơi? Cái hạnh phúc ấy không vĩnh viễn. Ta nghĩ đến một ngày chúng ta sẽ già yếu và xấu xa; thời gian sẽ phủ lên đầu chúng ta những lớp tro bạc. Ôi! Mắt trong của em rồi sẽ mờ đục. Môi đỏ của em sẽ úa màu! Và hai bàn tay đẹp đẽ thế này sẽ co quắp lại như những que củi khô! Ta nghe trong ta, trong em và trong cả mọi người, mỗi ngày mỗi đở vỡ dưới sức tàn phá của búa thời gian, tất cả những gì quý

giá của đời người. Ta nghe trong ta, trong em và trong cả mọi người, tiếng rần rộ của những cỗ xe đang theo nhau chở những của báu ấy đi dần! Ôi tức tối! Thế mà chỉ đứng nhìn sự tàn phá ấy, không thể cản ngăn!.

Chúng ta ôm giữ một cách tuyệt vọng những bảo vật ở trong ta, như ôm giữ một cái bóng, như nắm bắt một làn hương!

Em ơi ! Chúng ta đang ngồi yên trong ánh sáng, mà ta nghe như đang xô xích mãi về trong bóng tối! Chúng ta thật có xô dịch vào trong bóng tối không? Hay chính bóng tối đang xô dịch về phía chúng ta đây, em nhỉ? Nhưng tìm hiểu mà làm chi? Điều chắc

chấn là chúng ta sẽ xa ánh sáng hạnh phúc, xa những của báu trong chính chúng ta, mà xưa kia, ta đã tưởng sẽ bất di bất dịch ở với chúng ta cho đến ngày tận thế!

Đêm ấy, Thái tử trần trọc mãi, không ngủ được.

Và cũng đêm ấy, trong giấc ngủ say, Tịnh-phạn vương mơ thấy bảy điềm mộng dữ, báo trước rằng Thái tử sắp xuất gia. Ngài lo sợ lắm, lại tuyển thêm vũ nữ, ca nhi để làm khuây lòng Thái tử và để giữ Ngài lại trong “Cung Vui”.

Nhưng bao nhiêu cố gắng của bọn cung phi, mỹ nữ đều vô hiệu. Thái tử không thể vui lên! Tâm trí của Ngài mỗi ngày mỗi bị một sức mạnh gì lôi

kéo ra ngoài đường phố. Ngài đoán chắc ở đây còn có nhiều sự bí ẩn khác mà Ngài chưa thấu rõ đây thôi. Một hôm, Ngài đến triều, xin với vua cha:

– Tâu phụ hoàng, lần trước phụ hoàng vì muốn làm vui lòng con mà truyền cho dân gian che giấu những cảnh tượng xấu xa, đau đớn và chỉ truyền bày toàn những cảnh tượng vui tai, vui mắt trong các phố phường. Cái ân huệ ấy, thật con không biết lấy gì đền đáp cho vừa. Nhưng con tưởng đây không phải là đời sống thật hàng ngày. Vậy dám xin phụ hoàng mở lượng hải hà, cho con được chung đụng với cuộc đời của đám thường dân, thấy tường tận những cách sống và làm việc của

họ, để con biết được một đôi phần kinh nghiệm.

Tịnh-phạn vương ngẫm nghĩ một hồi lâu, rồi truyền cho con ngài được như nguyện. Ngài tự bảo: *“Con ta đã xúc động nhiều trước cảnh khổ, vì mới thấy một lần đầu, nhưng lần này, có lẽ nó sẽ quen với nhiều cảnh khổ khác mà không xúc động mạnh như lần trước nữa chẳng? Mà phải, ta cũng nên để cho con ta quen dần với những cảnh thực tế. Ừ, sáng suốt là những kẻ đứng ngoài. Sự chung đụng sẽ làm lờn xúc cảm”*.

Ngày hôm sau, lúc giữa trưa, Thái tử và Xa-nặc đổi dạng thành hai người lái buôn đi bộ ra cửa thành. Hai người

chen lẫn trong đám thường dân, thấy cảnh tượng vui cũng nhiều mà buồn cũng lắm: người bán hàng ngồi xếp bằng tròn giữa những thúng hàng bày la liệt ra tận đường cái; kẻ gánh kiệu vừa đi vừa hát; những cỗ xe bò kênh càng chở đầy hàng hoá; từng đoàn thiếu phụ đội hay xách những vò nước múc ở giếng về; một đàn lạc đà cao nghều nghệu ngo ngác đi giữa đám đông. Từng cụm người chen chúc quanh một người dụ rắn, kẻ đứng sau kê cầm lên vai người đứng trước, say sưa xem những con hổ mang đang phồng má theo nhịp tiếng kèn, hay bò quanh thân hình chủ nó. Thỉnh thoảng một đám người mang kèn trống đi qua, rồi đến một toán người, ngựa trang

hoàng rục rờ đi rước cô dâu về nhà chồng. Một vài thiếu phụ kính cẩn đội một khay hoa quả đến đèn cầu thần cho chồng mình đi buôn xa mau về, hay cho mình sanh được con trai. Trong các trường học, những cậu bé đầu trọc ngồi quanh nửa vòng, hát những đoạn thơ lịch sử về các vị Thánh. Cái gì đối với Thái tử cũng lạ mắt, lạ tai, và chân Thái tử đưa Ngài đến bờ sông bao giờ Ngài không hay. Ngài định đứng ngắm cảnh tấp nập của thuyền bè đi qua. Nhưng gần bên gốc cây có tiếng ai rên rỉ: “*Cứu tôi với, các người ơi! Ôi, ôi đau quá! Tôi chết ở đây thôi! A, tôi chết ở đây rồi!*” Người ấy nằm sấp trên đất, hai tay bấu vào cỏ, đầu ngược lên trời, mình run cầm cập; miệng méo hằn

lại, hai mắt trắng như bạch Lạp, hơi thở gấp gấp; từng giọt mồ hôi toát trên trán lạnh. Người khôn nạn cố bám vào một gốc cây để đứng dậy, nhưng vừa đứng chưa vững đã ngã xuống, rên rĩ: “*Ai cứu giùm tôi, tôi chết rồi!*”

Thái tử liền chạy đến, đỡ người đau dậy, kê đầu ông ta vào đầu gối mình và lau mồ hôi chảy trên trán. Ngài vừa vuốt ve vừa hỏi:

– Người đau gì thế? Nói cho ta hay đi, sao lại rên siết mãi thế? Xa-nặc ời. Người này vì sao mà rên la thảm thiết như thế? Có cách gì chữa được cho người ấy, hãy nói cho ta nghe.

– Thừa Thái tử, người ấy mắc phải chứng dịch hạch, không có cách gì chữa được.

– Chắc là đau đớn lắm?

– Thừa Thái tử, chính thế. Chỉ nhìn những cử chỉ, nét mặt của người ấy cũng đủ biết ông ta đau đớn biết chừng nào! Nhưng xin Thái tử hãy để người ấy xuống, đừng ôm vào lòng như thế, bệnh sẽ truyền sang Ngài.

– Sang ta?—Thái tử hỏi, vẻ ngạc nhiên.

– Thừa Thái tử, sang cả Ngài cũng như sang cả mọi người. Nhưng nào phải chỉ riêng một bệnh này. Còn bao nhiêu bệnh khác cũng nguy hiểm như thế cả, bệnh dịch tả, đậu mùa, ho lao,

phong... ôi làm sao kể xiết được. Và nào có ai biết chúng sẽ nhập vào mình lúc nào! Chúng đi đến, lặng lẽ như một con rắn bò dưới cỏ, như một con hổ đứng rình trong bụi, nhưng khi nó phát ra thì nhanh như một tiếng sét.

– Thế thì người đời luôn luôn sống trong sợ hãi, lo âu?

– Thừa như thế đó, Thái tử ơi! Không có thể tự hào : “*Tôi sống yên ổn và sung sướng hôm nay, và ngày mai, tôi cũng sung sướng và yên ổn như hôm nay*”. Bao nhiêu sự bất ngờ, đau đớn đang rình đón ở hai bên đường đời, người ta không bị lâm vào hoạn nạn này thì lâm vào hoạn nạn khác, cho đến một ngày kiệt quệ, không thể bước

tới nữa, người ta buông xuôi tay, ngã lăn ra bên đường, nhắm mắt lại và nằm lẩn lộn với đất đai! Thưa Thái tử, đến chết là kết liễu một đời.

– Đến chết là kết liễu một đời?

Thái tử đang ngạc nhiên và băn khoăn vì câu nói ấy, thì phía trước Ngài, một đám tang đi qua.

– Thưa Thái tử, kia kia, một cảnh chết đang đi qua!

Ngài nhìn lên. Một đám người đang đi về phía bờ sông. Mở đầu là một người bung một lư trầm bằng đất; theo sau, năm sáu người, đầu cạo trọc, áo choàng lôi thôi, vừa đi vừa kể lể: “*Hỡi Rama! Rama cao cả ! Sao ngài không nghe tiếng cầu nguyện của chúng tôi!*”

Hãy cầu nguyện giúp chúng tôi, các anh em ơi! Hãy cầu nguyện cho Rama nghe rõ!”

Sau cùng, tám người khiêng một tấm tre đan buộc vào bốn đòn tre; người chết nằm ở trên, chân trở ra đằng trước, mắt nhắm lại, miệng hơi mở, má thóp vào, hai tay gác lên bụng lép. Đến bờ sông, mấy người khiêng quay đầu thấy ma về phía trước và kêu to : “*Rama! Rama!*” rồi đặt lên một dàn củi đã dựng sẵn ở đây. Một người cầm bó đuốc châm vào củi. Ngọn lửa lan dần, thập thò một lúc quanh giàn hoả, rồi thè những cái lửa đỏ liếm cùng thầy ma, và một lúc, hùa nhau tấp mạnh vào. Trong chốc lát, giàn hoả cháy rực

lên, khói toả nghi ngút, mùi khét lan một vùng.

– Thừa Thái tử–Xa-nặc nói và nói mãi như có ai xúi sử–rồi cái thầy ấy sẽ cháy ra tro xám, người ta sẽ rải cùng bốn phương. Và thế là xong một đời. Không ai có thể tránh khỏi cái luật chung ấy được. Người đang bị thiêu trên giàn hoả kia, trước kia cũng đã ăn uống, rượu chè, say sưa với cuộc đời xây dựng chung quanh mình những thành trì vật chất tưởng như là vững chắc lắm. Nhưng có gì đâu! Một cái nọc rắn, một cái xương cá, một viên ngói rơi, một bước sẩy chân, một làn gió độc cũng đủ cắt ngang mạch sống của một đời. Thế là thôi, không còn cảm giác nữa, mình nằm trơ ra đấy,

làm mồi cho thần hoả hay những bữa tiệc dài cho côn trùng trong đất!

Thưa Thái tử, chính bên chân Ngài, một người nữa vừa chết!”

Thái tử nhìn xuống. Người bệnh đã tắt thở, thân hình co quắp bên cạnh gốc cây!

Ngài ngược mắt lên trời, đôi hạt lệ thiêng rung rinh trong đôi mắt tràn đầy từ bi. Rồi Ngài cúi đầu xuống trong dáng điệu trầm tư để hội lại trong trí bao cảnh tượng xa xôi đã tản mác khắp nơi. Bên tai Ngài lại phảng phất những lời than của nhạc gió buổi chiều nào ở trong “Cung Vui”.

Bấy giờ, một tình thương thiết tha mãnh liệt trào dậy ở giữa lòng. Ngài

dang hai tay lên như đê ôm cả vũ trụ—
cử chỉ của người mẹ ôm vào lòng đứa
con đau khổ—mà đổ dành:

– Hỡi thế giới khổ đau! Hỡi tất cả
anh em quen và lạ đang giãy giụa trong
lưới đau thương của cuộc đời! Ta đã
thấy, đã cảm nghe rồi hơi thở thoi thóp
của trần gian đang hấp hối. Ta đã nhận
rõ bóng ảo huyền của lạc thú, sự mĩa
mai của hạnh phúc, cái áo nảo của
những nỗi lao khổ, nhọc nhằn! Thú vui
chỉ mở đường cho đau khổ, trong hội
ngộ đã sẵn mầm chia ly, trẻ trung đưa
dần đến già yếu, sống đến chết, chết
đến những cuộc sống vô định khác; và
cứ như thế, từng hạt đau thương chạy
vòng trên chuỗi hạt thương đau để đưa
nhau về vô tận. Đời chỉ có thế mà

chính ta cũng đã say đắm với những khoái lạc huyền hoặc của bả đời.

Ta đã tưởng đời là một dòng nước trong xanh reo chảy mãi giữa hai bờ hoa thắm. Nhưng nước chỉ trong xanh được trong chốc lát, bờ hoa hiện nhanh như một làn chớp, và đây, dòng sông kéo mình qua những đoạn bùn lầy để lăn nhào vào trong biển nhớp! Ta đã thấu rõ chân tướng của sự sống rồi. Ta sẽ đi tìm cho nhân loại một con đường giải thoát. Ta đã thấy nhiều rồi! Đi về thôi Xa-nặc.

Hai thầy trò lặng lẽ đi về trong ánh sáng le lói của mặt trời hồng sắp tắt; bóng của hai người chập chờn bỏ về phía trước, mỗi lúc một dài thêm.

Khi Thái tử bước lên thêm gạch của “Cung Vui” thì bóng Ngài dài dằng dặc bỏ nhào vào trong cung trước. Và từng dấu giày bám bụi của cuộc đời bên ngoài in lần đầu tiên trên những tấm đá hoa trắng.

--- oOo ---

Phần 05

Đêm Ân độ toả dần thanh khí nhẹ. Muôn vì sao lấp lánh kết thành ngàn chuỗi hạt kim cương. Trăng rằm đứng đỉnh ngự trên những chóp núi cao ở phía Tây; những dòng ánh sáng chảy lai láng giữa không gian: Gió lành lạnh từ những đỉnh núi tuyết ở Hy-mã-lạp-son thổi về, đem trộn lẫn hương của trăm thứ hoa rộn nở với những mùi

thơm ngọt của những trái cây chín muồi. Âm thanh dìu dặt vang động từ những làn sóng rất xa ở sông Hằng. Trời đất dâng hương và nổi nhạc để đón tiếp đáng cao cả nào đây?

Trong “Cung Vui” sau một bữa yến tiệc linh đình, mọi người đều yên ngủ. Thỉnh thoảng điểm ròi rạc từng tiếng trống cầm canh. Điện của Thái tử Tất-đạt-đa phủ dưới một làn yên tĩnh. Ánh trăng xuyên qua những tường đá chạm mặt vông chiếu vào phòng rộng mênh mông của bọn cung nga. Đây là những vũ nữ tuyệt đẹp ở thành Ca-tỳ-la-vệ. Sau một ngày nhẩy múa, họ mệt mỏi đứng tựa đầu vào tường ngủ, còn giữ lại vẻ uyên chuyên của điệu múa, còn mang những vòng hoa trên trán, xiêm

nghe trên mình để kịp nhảy múa lại, khi Thái tử bùng mắt dậy. Đây là những ca cơ tài hoa nhất trong xứ: họ ngủ ngồi, trong tay còn nắm một cặp phách, một cánh quạt lông hay một đoá hoa thắm. Họ tựa đầu vào vai như những con chim nhỏ nghiêng đầu vào cánh ngủ để đợi mặt trời lên là hát lại. Đây là những nữ nhạc công gục đầu xuống những cây đàn sáu dây, làn tóc đen nháy, chảy dài thành từng đường sóng trên lưng cong. Có nàng bông mím cười trong chiêm bao; có lẽ họ mơ thấy, vì một điệu đàn huyền diệu, làm mất được nét nhăn, mỗi ngày mỗi đậm, trên trán Thái tử.

Đi sâu vào trong nữa là phòng ngủ của Thái tử và công chúa Da-du. Công

chúa đang ngủ bên cạnh bỗng mở mắt
hơ hãi nhìn tứ phía, rồi nhìn Thái tử.
Nàng kéo tay Thái tử đặt trên làn môi
nóng của nàng và những giọt nước mắt
ấm se tròn trên gò má như một đôi đũa
ngọc.

– Thái tử! Thái tử hãy tỉnh dậy cho
em phân một đôi lời !

Thái tử vờ giật mình thức dậy, vì
thật ra Ngài có ngủ được đâu, Ngài có
lấy giọng rất dịu dàng để hỏi vợ:

– Em muốn nói gì thế, em yêu quý
của ta ơ?

Công chúa ghen ngào một hồi mới
nói ra lời:

– Thái tử ơi ! Bao nhiêu hy vọng của em rụng hết rồi! Em vừa thấy ba điềm chiêm bao chẳng lành cho đời em sau này. Thái tử ạ ! Em vừa mộng thấy một con bò mình trắng sừng dài trông rất đẹp, đi qua đường. Nó mang trên trán một hòn kim cương lóng lánh như cả một vì sao. Nó khoan thai đi ra phía cửa thành, sau nó có những tiếng kêu thất thanh, bảo bắt nó lại: “*Nếu các người để nó đi thì thành này còn chi là lòng lẫy nữa!*” Nhưng nó vẫn đi , không ai cản lại được. Em chạy theo, khóc lóc, và lấy tay ôm ngang cổ nó, cố sức níu lại, miệng em hô quân đóng cửa thành. Nhưng con bò dịu dàng thoát cánh tay em rồi đi thẳng.

Nàng Da-du nín lặng một hồi, lấy hơi, rồi lại kể tiếp:

Trong giấc chiêm bao thứ hai, em thấy hiện lên giữa không trung bốn thiên thần mắt sáng như lưu ly, đi lần đến phía thành của chúng ta. Lúc lá cờ trên thành đang phát phới bỗng rơi xuống, và ở chỗ ấy nổi lên một lá cờ khác, có những đường chỉ bạc và những hạt ngọc sáng ngời. Vùng đông ửng đỏ, gió đông thổi dậy, lá cờ vờ gió phát phới, uốn éo thành những gợn sóng chói loà. Rồi vô số hoa lạ, và ngọc, và vàng, và hồ phách, xà cừ, mã não rơi, rơi không biết tự nơi nào hay tự trời cao rơi xuống, như một trận mưa ngũ sắc.

– “Như thế” Thái tử nói “thì đẹp mắt lắm em nhi?”

Nàng Da-du nhìn chồng, lắc đầu:

– Không, không đâu Thái tử ơi! Em sợ lắm vì em nghe những tiếng hãi hùng thét lên: “*Giờ sắp đến! Giờ sắp đến!*”

Trong giấc mộng thứ ba, em thấy em nhìn về phía Thái tử nằm, nhưng ở đây chỉ thấy một chiếc gối chưa nhàu và chiếc áo của Thái tử bỏ lại. Em nhìn lại mình em thì, ôi ghê rợn quá, chuỗi ngọc mà Thái tử thường dùng để thắt lưng, hoá thành một con rắn cắn vào lòng em! Và ở xa, em nghe tiếng con bò trắng rống, ở trên thành em nghe tiếng lá cờ đập gió, và ở nơi nào không

biết, có tiếng kêu to: “*Giờ tới rồi!*” Những tiếng ấy làm em tỉnh dậy. Phải không Thái tử, những tiếng ấy là gì, nếu không phải là diêm báo em sắp chết, hay hơn nữa, diêm Thái tử sắp xa em? Đừng xa em, tội nghiệp Thái tử nghe!

Nàng nhìn Thái tử, đôi mắt lộ vẻ cầu khẩn thiết tha. Thái tử nhìn lại, một cái nhìn hiền dịu như trăng tà.

—Em đừng sầu khổ! Em sẽ được an ủi vì một tình yêu rộng lớn. Dù những chiêm bao ấy là cái bóng bở tới trước của những sự sắp xảy ra, dù trời đất điên đảo, mọi vật đổi thay, dù sự gì có thể xảy đến cho chúng ta, em hãy tin chắc rằng: ta đã yêu em và còn yêu em

mãi mãi. Em biết rằng ngày đêm ta đang tìm cách cứu thoát cho thế giới đau khổ này. Lòng thương của ta bao trùm cả vũ trụ, thì đối với em, người đã luôn luôn sống bên cạnh ta, đã sẵn sóc đến hạnh phúc ta, sao ta lại không mền chuộng được! Dù thân ta như chim đại bàng, bay đi viễn du khắp thiên hạ, tâm ta thường trở lại tổ cũ, quán quyết lấy những người thân.

Và sẽ an ủi cho em biết bao nhiêu, khi em nghĩ đến một ngày kia, nhờ lòng hy sinh của em, mà thế giới được sống trong cảnh tịnh lạc. Em hãy can đảm và quảng đại lên, để cùng ta gánh chung một phần đau khổ cho nhân loại. Em hãy hy sinh, nếu cần, ái tình nhỏ

hẹp để được tình thương rộng lớn của vũ trụ biết ơn.

Nếu một ngày kia vì tình thương nhân loại mà ta phải xuất gia, thì em hãy nhớ lại những lời căn dặn bây giờ, để tự an ủi trong những ngày trống lạnh, nghe em! Thôi em hãy ngủ đi!

Công chúa nghe những lời êm dịu của Thái tử, thêm thiếp nhắm mắt ngủ lại. Nhưng trong giấc ngủ, tim nàng còn thồn thức, mắt nàng còn ứa lệ, và bên tai nàng còn văng vẳng những tiếng kêu vội vã: “*Giờ đã đến! Giờ đã đến rồi!*”

Thái tử trời dậy, đến tựa tay vào cửa sổ. Trên vòm trời cao muôn sao lấp lánh. Ngài nghe tiếng của đêm khuya

giục già: “Đêm đến đã lâu rồi! Ngài hãy chọn một con đường trong hai con đường: danh vọng hay từ bi. Ngài muốn làm một vị Đại vương hay bỏ ngai vàng, dấn thân trong cát bụi?”

– Ta sẽ dấn thân trong cát bụi. Trong im lặng của đêm đen, ta đọc thấy phận ta viết bằng chữ bạc của trăng sao! Ta phải đi! Ta sẽ ruồng bỏ ngôi báu. Ta không muốn chinh phục đất cát bằng lưỡi kiếm nhọn. Ta không muốn làm một kẻ chinh chiến, tắm bánh xe trong máu đào của muôn bãi chiến để lưu lại cho hậu thế một kỷ niệm gớm ghê!

Ta muốn để chân trinh bạch trên đường chông gai, lấy đất làm giường,

lấy cỏ cây làm áo, kiếm hạt cơm bổ thí để nuôi thân. Tiếng kêu đau thương của thế giới xé rách màng tai, lòng từ bi của ta chỉ muốn xoá bỏ những cảnh khổ của nhân loại. Ta phải hy sinh tất cả và phấn đấu cho đến ngày tìm ra được phương thuốc cứu khổ.

Ta tin rằng phương thuốc ấy thế nào cũng có, nhưng ta tìm chưa ra đây thôi. Loài người khi mới sơ khai, chịu tối tăm rét mướt cho đến một ngày nào đó, họ đã tìm được ngọn lửa trong đá lạnh. Họ đã nghiền ngấu toàn thịt mỡ cho đến ngày tìm được cây lúa, mọc lẫn lộn trong những cây cỏ khác. Họ ú ớ bập bẹ cho đến ngày tìm ra tiếng nói trong cổ họng. Những của quý ấy nằm sờ sờ trước mắt, nhưng nào phải tìm

được dễ dàng đâu? Có cái gì quý báu mà không phải gia công tìm kiếm, không phải đem hết sức lực, trí não để chinh phục, và một tình thương mãnh liệt dẫn đường? Nay ta ra đi, bỏ hết những lạc thú ở cung điện, mang một tình thương rộng lớn, một thân thể cường tráng, chưa hề bị tật bệnh tàn phá, một trí tuệ minh mẫn chưa bị dục vọng làm lu mờ, ta tin chắc thế nào cũng tìm ra được ánh sáng, thấy rõ con đường chánh để đưa chúng sanh đi.

Hỡi nhân loại đang quần quai đau thương, hỡi cõi đời sâu khổ! Vì các người mà ta đành bỏ tuổi măng tơ, bỏ ngôi báu, bỏ những ngày vàng và đêm ngọc, gỡ cánh tay bám víu của người vợ hiền, cắt ngang tình yêu mãnh liệt

của phụ vương và xa lánh đưa con thơ đang nằm trong bụng mẹ. Hỡi phụ hoàng, hiền thê, bào nhi và xã tắc! Xin hãy gắng chịu sự chia ly này cho đến ngày tôi tìm ra Đạo.

Ngài quỳ một chân, cúi đầu xuống, để trán trên giường. Công chúa đang thêm thiếp ngủ. Trên đôi mi cong dài của nàng, còn đọng lại hai viên lệ ngọc. Ngài từ từ đứng dậy, cung kính di quanh giường ba vòng, hai tay chấp ngang ngực, miệng lầm bầm: “*Từ đây không bao giờ ta còn nằm trên giường này nữa*”. Ba lần Ngài bước ra, ba lần Ngài trở lại. Nhưng lần sau cùng với vẻ cương quyết, Ngài phủ vạt áo lên đầu, vén rèm bước ra.

Thái tử rón rén đi qua phòng các cung nữ, ảo não nhìn những bông hoa mỹ lệ ấy mà giấc ngủ đã làm tàn tạ đi nhiều.

– Hỡi đêm tối ? Hãy đè trữu mí mắt của những mỹ nữ ấy lại, hãy bít kín những làn môi kia, đừng để một giọt nước mắt bi cảm rơi xuống, một tiếng kêu gọi trung thành níu chân ta lại. Các người ơi ? Ta sắp xa các người đây. Ta không thể ở lại trong cung điện này để chứng kiến những vẻ đẹp của các người mỗi ngày mỗi tàn phai mà ta không thể cứu vãn được. Chính những vẻ đẹp mong manh đã xúi giục ta một phần trong bước đi này. Ta không muốn các người sống cái đời như cỏ hoa, mới tươi tốt trong thời xuân đó, đã

bị giày vò dưới nắng hạ, mưa đông, rồi không mấy chốc đã tàn tạ để đâm chồi thành một cây khác!

Ta sẽ đi tìm cho các người một đời sống vĩnh viễn, một vẻ đẹp không phai tàn. Thôi ta chào các người, ta đi đây.

Ngài bước ra ngoài trời. Sao bùng sáng hơn trước, nhấp nháy mau như đèn báo cho nhau một đêm lành. Bao nhiêu cành nháy múa, gió reo hò trong cây và đến nâng tà áo Thái tử dậy. Hoa rộng nở, trầm lặng để hương bay...

Trước sự tiếp đón của trời đất, Ngài mỉm cười đáp lại hai ngân lệ tuôn dài: lệ chia biệt gia đình hoà với lệ đoàn viên cùng vũ trụ.

Ngài đến chuồng ngựa, đánh thức tên giữ ngựa:

– Xa-nặc, hãy đem con ngựa Kiên-trắc ra cho ta!

Tên giữ ngựa ngạc nhiên, dụi mắt hỏi:

– Ngài muốn đi đâu trong lúc tầm tối này?

Ngài vỗ vào vai Xa-nặc:

– Người hãy nói nhỏ! Chính vì mọi vật đang lúc còn tầm tối ta mới ra đi. Ta đi để thoát cái ngục vàng này mà ta đang bị giam hãm. Ta đi tìm chân lý để cứu độ chúng sanh đây.

– Ngài bỏ ngôi báu này, bỏ nước nhà này mà Ngài sẽ làm chúa tể, để nắm cái bát của kẻ ăn xin?

– Phải! Ta muốn thế. Ta muốn đừng bị rịn với tổ quốc nhỏ hẹp này để được yêu vũ trụ rộng lớn; ta muốn bỏ những kho báu bèo mây để đi tìm cho nhân loại những của quý vĩnh viễn. Đem con Kiên-trắc ra đây.

Xa-nặc quỳ xuống, chấp tay van xin:

– Xin Ngài hãy nghĩ đến sự đau khổ của hoàng thượng, nghĩ đến nỗi sâu thương của công chúa. Khi Ngài đi rồi, lấy ai bảo hộ những người thân của Ngài nữa?

– Người ạ. Ta không thể ở bên cạnh những người thân để hưởng thụ những lạc thú ích kỷ. Vì yêu phụ hoàng ta, yêu vợ con ta hơn những lạc thú của chính ta, nên ta ra đi để tìm một tình yêu vĩnh viễn cho cả mọi người. Thôi, người hãy đem con Kiên-trắc ra đây!

Xa-nặc buồn bã đi vào chuồng, đem con Kiên-trắc ra, lấy yên cương buộc vào, phủ lên mình ngựa một tấm nhung vàng. Con ngựa thấy Thái tử thì mừng rỡ, hí lên. Ngài vỗ nhẹ vào gáy nó:

Kiên-trắc ơi! Ta nhờ con chở ta đi trong một cuộc hành trình xa, xa lắm. Đêm nay ta đi để tìm chánh đạo. Ta chưa biết rõ nó ở đâu nhưng ta sẽ không dừng bước, nếu ta chưa tìm ra

được nó. Con hãy hăng hái can đảm lên! Không một trở lực nào ngăn cản nổi, dù đó là một ngàn lưỡi gươm sáng cản đường, hay đó là thành cao hồ hiểm. Con phải phi như một luồng bão để giúp chủ con! Sau này nếu ta thành đạo, con sẽ dự một phần công đức.

Ngài nhẹ nhàng nhảy lên mình ngựa. Xa-nặc nhảy theo ngồi sau lưng Ngài. Con ngựa trườn tới, rồi phi, phi... Những tia lửa sáng loè tung toé dưới bốn vó ngựa đập vào đá sỏi của con đường mờ...

Sao mai đã lên quá nửa sào. Gió mai đã bắt đầu thổi lại. Mặt nước sông Anoma (A-nô-ma) rào rào dậy sóng. Thái tử gò mạnh dây cương nhảy

xuống ngựa: con đường mòn tới đây là đứt nẻo. Ngải trao cương ngựa cho Xa-nặc, từ biệt:

Ta rất cảm ơn người. Tình ta đối với người rất nặng và ta nhớ mãi cái ơn này. Ta nhờ người dắt con Kiên-trắc về; và đây, tấm áo hoàng vương mà ta không cần đến nữa; đây, sợi dây lưng nam ngọc, và nắm tóc mây mà ta đã cắt với lưỡi kiếm này, ta nhờ người đem về dâng cho phụ hoàng và tâu với ngài hãy tạm quên ta cho đến ngày ta trở về, mười lần rực rỡ hơn bây giờ, nhờ ánh sáng của đạo ta tìm được.

Xa-nặc một mực đòi xin theo. Nhưng Thái tử cương quyết chối từ. Biết không thể chuyển lay được Thái

tử. Xa-nặc nặng nề trèo lên mình ngựa. Nhưng con ngựa dậm mãi hai chân trước, không chịu đi. Thái tử vỗ nhẹ vào gáy nó, bảo:

– Thôi, con hãy về! Con không thể dẫm chân lên những con đường mới khác mà chỉ một mình ta là có thể tìm được. Thôi con hãy về!

Con ngựa chậm chạp bước đi. Xa-nặc quay lui nhìn Thái tử...

Con đường mòn đến đây là dứt nẻo!

Thái tử đứng nhìn theo. Trên đường về cung, từng lớp bụi mù quay lộn trong gió sớm! Hình ảnh Xa-nặc và con Kiên-trắc xa dần, xa dần, khi ẩn, khi

hiện, rồi mất hẳn sau những đám bụi hồng kia.

Con đường mòn đến đây là dứt nẻo!

--- o0o ---

Phần 06

Dứt với quãng đời quá khứ, sau hình ảnh cuối cùng của Xa-nặc và Kiên-trắc, đức Thích-ca xây mặt về phía trước.

Phía trước toàn một màu xanh đậm của nước và rừng! Cảnh tượng hùng vĩ ở đây làm rợn người yếu vía: Sông Anô-ma (Anoma) trùng trùng dậy sóng. Điệp điệp bên kia bờ, từng dãy núi chồng dựng lên nhau. Hoang vu, hoang vu vây cùng mọi ngả. Chưa có một vết chân người để lại nơi đây! Từ nay

muốn đến những chóp núi nhuộm vàng trong ánh nắng ban mai kia, đức Thích-ca chỉ có một cách, là tự vạch lấy con đường. Đá ở đây có lẽ cứng lắm, dây hoang chẳng chịt chặc nhiều và bao nhiêu gai góc nữa! Nhưng trước mắt Ngài, toàn một màu xanh đậm. Sắc màu ấy gây nguồn hy vọng, và tin ở sức mạnh của mình, Ngài mạnh bạo bước đi...

Ngài đi đến dãy núi Ra-na-ghi-ri và xin nhập vào đoàn tu khổ hạnh. Đây là những người xem thân thể là kẻ thù của linh hồn, xác thịt là con thú phải xiềng xích, phải hành hạ cho đến bao giờ tê dại không còn cảm giác nữa. Có người đưa một cánh tay lên trời, đêm và ngày luôn như thế cho đến lúc nào những

khớp xương tay không còn cử động được nữa, gầy và khô dần như một nhánh củi mục; có người nắm mãi bàn tay lại cho đến lúc nào móng tay mọc dài, xuyên qua lòng bàn tay đã thối nát; có người đánh mình với một cái roi da, hay lấy dùi sắt hơ lửa đâm vào ngực. Ở đây, một người nằm lẫn lộn giữa đồng thây ma đã thối nát để tập cho mũi quen với những mùi dơ bẩn. Đàng kia, một người ngồi nhai mãi những ngọn lá đắng để làm cho lưỡi không biết vị nữa. Một nơi khác vài người nằm trần dưới ngọn nắng nẻ đất, đếm mỗi ngày một ngàn hạt kê rồi bỏ dần vào mồm mỗi lúc mỗi hạt cho đến bao giờ chết khô vì nắng và đói.

Đức Thích-ca sống với họ ở đây, nhưng thấy những cách tu luyện ấy không có hiệu quả gì. Ngài hỏi:

– Ôi ! Đời đã đau đớn lắm rồi, sao các người còn cố làm thêm đau đớn nữa?

Một người trả lời:

– Trong kinh có dạy, nếu một kẻ tu, hành hạ thân xác cho đến nỗi không còn biết đau đớn, khổ nhọc là gì nữa, thì tâm hồn người ấy thoát khỏi nhục thể mà lên cõi trời, như một làn khói bay cao lên mấy tầng mây xanh, khi củi đã cháy trong lò.

Đức Thích-ca nhìn lên trời, chỉ một đám mây đang bay:

– Làn mây nhẹ trôi trên trời kia, vẫn biết là ở tự những làn sóng rào rạt trong biển cả, nhưng nó phải nhỏ dần từng giọt xuống lại trần gian, chảy qua những kẻ đá, đường lầy, hiệp nhau lại làm thành suối, thành sông, rồi lại lao mình ra biển cả. Tương lai và hạnh phúc của các người, sau khi đã trải qua bao nhiêu khổ hạnh, biết có thoát khỏi cái luật xoay vần ấy chăng? Cái gì có lên thì phải xuống, đã đến thì phải đi. Sau khi đã mua được cõi trời với bao nhiêu xương máu trong chợ đau thương mà các người đã tạo lấy, tôi chắc rồi các người sẽ trở về với những đau thương, khi kỳ hạn ở cõi trời đã hết. Bởi thế tôi khuyên các người hãy bỏ những trò nguy hiểm ấy đi. Tâm hồn

trong sáng và thanh cao phải cần có một thân thể trong sạch và cường tráng để nương tựa. Sao các người lại đánh đập, phá phách thân thể cho đến nỗi nó phải kiệt quệ, phải gục ngã giữa đoạn đường dài như một con ngựa bất kham quy dưới sức chở nặng khi chưa đến đích?

Bấy giờ các nhà tu khổ hạnh bực tức, có lẽ vì thất vọng, kêu lên: Người ơi! Chúng tôi đã chọn con đường này, chúng tôi quyết đi cho đến đích. Nếu người biết con đường nào hơn, nói cho chúng tôi hay, nếu không, người hãy đi nơi khác mà tu luyện.

Đức Thích-ca cáo từ mọi người rồi ra đi, lòng buồn rười rượi. Không phải

buồn vì chán nản. Ngài buồn vì thấy người đời đã quá sợ đau đớn, đến nỗi phải tập cho quen với đau đớn, tham sống đến nỗi không dám sống, sợ chết đến nỗi tập cho quen với cái chết, cố gấp gấp đào huyệt cho đời mình để mau thoát cảnh địa ngục mà họ đã tạo ra.

Ngài dừng chân lại trên sườn đồi, chống hai bàn tay lên đầu chiếc gậy tầm xích, đứng nhìn cảnh vật ở dưới chân Ngài mà than:

– Hỡi những bông hoa dại mọc ở ven sườn đồi! Các con được tắm ánh sáng và thở khí thanh, có bao giờ các con thấy phiền muộn đến nỗi muốn diệt mất những hương thơm, muốn

ruồng bỏ những màu sắc tươi đẹp mà các con đang phô bày ra đây?

Hỡi những đám thùy dương kia! Các người nhờ cái thuật chi mà được bằng lòng sống giữa thiên nhiên hoà hiệp, được sung sướng vươn mình lên cao để vít gió Hy-mã-lạp-son và ngân nga trong lá rậm?

Và các con nữa, hỡi đàn chim ơi! Cái thú nước mây dong ruổi mà thiên nhiên đã phú thác trên đôi cánh các con; cái hạnh phúc được tung từng tràng nhạc trong nắng mai và gió sớm: những của quý giá ấy, có bao giờ vì lòng ham muốn một cái gì khác quý giá hơn mà các con đành ruồng bỏ? Có bao giờ các con thấy chán nản đến

muốn không hót nữa, và cô hành hạ thân các con để mong sống cuộc đời tốt đẹp hơn thế? Nhưng người, các con ơi, người, anh cả của muôn loài, đã đem trí thông minh để gây thêm khổ và đã sớm đào huyết để chôn sống đời mình!

Đang khi do dự chưa biết đi về hướng nào, Ngài bỗng thấy dưới chân đôi, một đám bụi mù dấy lên. Trong ấy đang lúc nhúc một đàn cừ. Những kẻ chẵn cừ chạy từ chỗ này sang chỗ khác để thúc giục chúng đi. Họ nắm đá ném vào những con đi chậm ở đằng sau. Một con cừ non đi bên cạnh mẹ bị trúng phải một hòn đá, què một chân. Nó đi chậm lắm. Nhưng cừ mẹ không thể đi theo, vì nó còn một con nhỏ khác đang chạy lạc ở phía trước.

Theo con này thì bỏ con kia, cừu mẹ đành đứng nhìn lui và nhìn tới... Đức Thích-ca chạy xuống đồi, bỗng cừu con bị thương lên, vỗ về:

– Dù con về đến đâu, ta cũng sẽ bỗng con theo mẹ con cho đến đây. Trong lúc ta chưa tìm ra được phương thuốc để cứu toàn cả chúng sanh, thì ít nữa ta cũng cứu được một mình con ra khỏi đau khổ ừ như thế còn hơn là ngồi trên núi như những kẻ tu hành kia để hành hạ thân mình và để cầu được giải thoát với những đấng thiên thần bất lực.

Ngài bước mau đến phía trước, hỏi những kẻ chặn cừu :

– Các người dắt đàn cừ này về đâu đây?

Một người trong bọn buồn bã trả lời:

– Vua Tần-bà-sa-la ở thành Vương Xá, bắt chúng tôi phải nạp một trăm con dê và một trăm con cừ để tối nay ngài làm lễ hy sinh cúng thần.

Đức Thích-ca nói giọng cương quyết:

– Vậy ta sẽ theo các người đến đây.

Và vẫn ôm vào lòng con cừ con, Ngài đi trong đám bụi hồng của đoàn thú dấy lên. Đến một bờ sông kia, một người đàn bà mắt chưa ráo lệ, chấp hai tay, quỳ xuống bên chân Ngài:

– Thừa Ngài, hôm qua con đến bên Ngài cầu xin Ngài một phương thuốc để cứu đứa con trai nhỏ của con chết vì rắn cắn. Ngài vén khăn lúp mặt nó, dịu dàng nhìn, rồi đập lại mà bảo: *“Người hãy đi đến nơi nào chưa có một người cha, người mẹ, người con hay đứa nô lệ chết mà xin một năm tro. Nếu người xin được thứ tro ấy thì mới có thể cứu con người được”*.

Đức Thích-ca hiện từ nhìn người đàn bà đau khổ và hỏi:

– Nhưng người có tìm ra được thứ tro ấy không?

Ôi, con ôm đứa con đã lạnh vào lòng, đi gõ cửa từng nhà một, từ thành thị cho đến thôn quê, để xin thứ tro ấy.

Tro thì không thiếu gì, nhưng không có nhà nào là không có người hoặc mới chết, hoặc chết đã lâu ? Con mệt nhọc và chán nản đặt con bên cạnh bãi dâu, đi tìm Ngài để nhờ Ngài chỉ cho con một nhà nào con có thể tìm được thứ tro như Ngài đã dạy. Đức Thích-ca đặt một tay trên vai người đàn bà như để trút cả một mềm thân mền xuống đây và nói với giọng chua xót:

Người ạ, không có được thứ tro ấy, vì chết là một luật chung của muôn loài. Hôm qua ta bảo người tìm thứ tro ấy là chỉ cốt để cho người nhận thấy rằng, đã làm người thì phải chịu sự tử biệt. Không thể vượt ra ngoài luật cay nghiệt ấy được trong lúc còn ở trong kiếp người. Người phải hiểu rõ như thế

đề kiên nhẫn, chịu đựng tai nạn kia. Hôm qua người tưởng chỉ có một mình người đau đớn, bây giờ người đã rõ rằng toàn cả nhân loại, chúng sinh đều chịu như thế cả. Cái đau đớn của người trong cái đau đớn của toàn thể, một giọt nước mắt trong biển nước mắt, âu cũng là một chuyện thường, người đừng nên than khóc thái quá. Và, có kêu gào than khóc cho lắm đi nữa cũng vô ích, vì không thể đổi được cái luật thiên nhiên khắc nghiệt kia mà mọi người đều phải chịu. Thôi, người hãy đi chôn con người đi. Nếu ta có thể cứu được con người thì dầu có cần đến máu xương ta, ta cũng không từ.

Ngài cùng bọn chẵn cừ đi tiếp đến thành Vương Xá. Quân gác thành thấy vẻ hiền hậu và phương phi của Ngài đều tránh ra hai bên cửa để Ngài vào. Xe ngựa đều dừng lại để Ngài đi trước. Trong các phố xá, người ta đổ xô ra hai bên đường, nhìn Ngài ôm con cừ đi qua. Họ thì thầm với nhau : *“Không biết người thuộc về hạng nào mà phúc hậu và trang nghiêm lắm thế? Ô, hai mắt dịu dàng và thông minh quá đỗi! Có lẽ đó là một vị thiên thần mới xuất hiện đâu đây”*.

Ngài đi thẳng đến đền vua. Vua Tần-bà-sa-la đang đứng trước bàn thờ. Các nhà quyền quý Bà-la-môn choàng áo lễ trắng đứng hai bên. Họ vừa đọc kinh vừa kính cẩn mang những bình

đựng nước hoa, mỡ và rượu so-ma đổ vào ngọn lửa đang reo cháy trên đồng củi thơm. Quanh giàn hoả, chảy lừ đừ một dòng huyết đặc của đàn cừu bị chọc tiết. Trước bàn thờ, một con cừu đực bị trói nằm sấp trên chiếc ghế dài, đầu bị kéo ngược ra đằng sau lưng. Một người Bà-la-môn kê lưỡi dao nhọn và sáng vào cổ con vật mà khấn to :

– Hỡi các thần linh! Đây là những dòng máu tinh khiết của đàn cừu vô tội. Xin các Ngài hãy sung sướng nhúng tay vào đây mà rửa tội cho nhà vua. Xin các ngài hãy lấy mỡ của chúng mà đốt cho tiêu tan những lỗi lầm của cả nước. Từ đây xin các ngài đừng giận hờn mà gieo hoạ xuống nữa!

Đức Thích-ca vội đến bên cạnh nhà vua, tâu, giữa sự ngạc nhiên của mọi người:

– Xin bệ hạ đừng để cho người ấy giết con vật vô tội kia!

Nói xong, Ngài xoay lại mở trói cho con cừu. Mọi người đều đứng yên không ai cản trở: Ngài có một vẻ gì khác phàm đã làm mọi người từ vua đến quan phải kính nể.

Sau khi xin phép vua Tần-bà-sa-la, Ngài cao giọng giảng cho mọi người nghe:

– Ai cũng ham sống, thế mà ai cũng thích giết hại; ai cũng có thể giết hại một cách quá dễ dàng, thế mà không ai có thể tạo ra được sự sống.

Ngài tiếp:

– Dù muôn loài có khác, sự Sống chỉ là một. Trong Thánh kinh có dạy, sau khi chết, có người sẽ đầu thai làm thú vật, có nhiều thú vật sẽ làm người. Người và vật vì thế mà vẫn cùng một dây liên lạc như anh em. Không thể lấy máu của thú vật để rửa tội cho người. Xin với thiên thần tha tội là một việc vô ích. Nếu các ngài ấy đều thiện, thì các ngài sẽ không thể tha thứ một việc làm ác như thế. Nếu các ngài ác, thì dầu có giết bao nhiêu thú vật đi nữa để cúng, các ngài cũng không hết ác được. Nhưng dầu thiện, dầu ác, các ngài cũng không tha tội cho ai được. Tội của người nào thì người ấy phải chịu. Đây là luật nhân quả, không ai có thể vượt

qua. Càng giết hại nhiều lại càng mang lắm họa.

Giảng đến đây, một cảnh tượng hoà thuận và đẹp đẽ hiện ra trước mắt. Ngài cất cao giọng và nói một cách say sưa:

– Ôi, thế giới này sẽ an vui biết bao và biết bao sâu thẳm sẽ không có nữa, nếu nhân loại biết thương đến loài vật mà không nở tâm chém giết chúng để cúng và để ăn, nếu nhân loại chỉ tự nuôi sống với cỏ cây, hoa trái!

Ngài nói với một giọng rất thiết tha và đầy thương cảm. Các thầy Bà-la-môn nghe xong đều cởi bỏ hết lễ phục mang trong mình với hai bàn tay chùi chưa sạch máu. Máy trăm con cừu được thả ra, vui vẻ chạy rong trên các

đường phố như vừa thoát khỏi địa ngục mà sự mê muội của loài người đã tạo ra.

Vua Tần-bà-sa-la kính cẩn đến bên đức Thích-ca, chấp hai tay vái Ngài và mời Ngài về cung. Ngày hôm sau, vua sai khắc trong đá và chạm vào gỗ đạo dụ rằng :

“Từ xưa đến nay chúng ta đã phạm một tội lớn là giết súc vật để cúng thần. Nhưng bắt đầu từ ngày nay, trong dân gian không ai được làm đổ máu một con vật, vì chúng sanh đều cùng chung một sự sống. Và nên luôn nhớ rằng những điều lành sẽ dành riêng cho những kẻ hiền lương”.

Sau khi rõ lai lịch đức Thích-ca, vua Tần-bà-sa-la liền mời Ngài ở lại:

– Ngài là một đấng vương giả, sanh ra để ngồi trên thiên hạ, chứ không phải sống để nhờ sự bố thí của mọi người. Ngài hãy ở đây với trăm, đem sự hiểu biết của Ngài để giáo hoá cho dân gian; rồi đến khi nào hết đời trăm, thì giang sơn này trăm sẽ giao cho Ngài cai trị.

Nhưng đức Thích-ca một mực chối từ:

– Tâu bệ hạ, tôi đã bỏ cha tôi, vợ tôi, con tôi và giang sơn, tổ quốc để đi tìm chân lý. Bệ hạ đừng cầm giữ tôi lại làm gì. Tôi không thể ngồi yên trên ngọc ngà châu báu, trong lúc tai tôi còn

nghe những tiếng đau thương của nhân loại, lòng tôi còn cuộn lên những bão ảnh của cuộc đời. Xin bệ hạ để cho tôi đi. Bao giờ chân lý đã rạng ngời trước mắt tôi và sáng soi cùng thế giới, tôi lại xin trở lại đây để đền đáp ơn Ngài đã chiếu cố.

Vua biết không thể cầm giữ được Ngài, liền đi quanh Ngài ba vòng và cúi đầu dưới chân Ngài từ biệt, sau khi đã chúc Ngài mau thành Chánh Giác.

Từ đây, trên những con đường hiểm trở và gai góc dọc theo Hy-mã-lạp-sơn, Ngài lại bước chân lên, mang theo bên mình một bình bát và một chiếc gậy. Và dưới những ngọn nắng cháy thịt,

những trận mưa rách da của xứ Ấn Độ. Ngài chỉ biết đem một tình thương vô hạn, và một ý chí mạnh mẽ vô cùng để tự che chở.

--- o0o ---

Phần 07

Từng năm qua, từng năm qua, phong sương phủ đầy một lớp trên da người vương giả. Chiếc gậy của kẻ tầm đạo đã mòn một khúc trên đá sỏi đường rừng. Nghe ở đâu có một đấng tu hành đắc đạo là Ngài tìm tới. A-la-già, Ca-lan... đều biết mặt người xuất thế. Nhưng đến đâu, Ngài cũng thấy đạo của họ còn thấp kém, hẹp hòi, không đủ làm cho Ngài thoả mãn.

Sau cùng, không tìm đâu thấy cái đạo Giải thoát như ý Ngài muốn, Ngài nghĩ: “*Cái đạo ấy có lẽ tự ta tìm thấy trong ta mà thôi*”. Từ đây Ngài không đi hỏi đạo đâu khác hơn là tự hỏi trí tuệ sáng suốt, tinh anh của Ngài.

Xứ Phật-đà-gia-da có một dải rừng gọi là Ưu-lâu-tần-loa, cây cỏ sum suê, đường đi hiểm trở, đức Thích-ca đến đây, đêm ngày nghiền ngẫm theo đạo vô thượng của Ngài, quên ăn, quên ngủ, lấy tuyết sương làm màn, cỏ hoa làm chiếu.

Mỗi ngày từ đứng bóng, Ngài bắt đầu tham thiền. Ngài ngồi xếp bằng tròn, mình thẳng, yên lặng như một tượng đá. Tỉnh thoảng, một con sóc

nhảy lên về Ngài, vài con chim nhỏ, đến đậu trên miệng bình bát để bên cạnh Ngài, chúi mỏ xuống mổ những hạt cơm Ngài để dành cho chúng. Ngài ngồi như thế, không quan tâm đến chung quanh, điềm nhiên, mặc cho gió nực luồn lách trong lá, những nhánh cây rên rãng rắc dưới ngọn nắng thiêu.

Rồi mặt trời dần lặn, đỏ rực một phía rừng; rồi đêm xuống, sao chong đèn bạc cho giấc ngủ được êm lành. Ngài vẫn ngồi yên, phân dần những mối manh rối beng của tư tưởng, giữa những hình ma bóng chết, giữa những vùng u tịch của đêm rừng mà thỉnh thoảng tiếng gặm thét của bọn ác thú, đang câu xé nhau trong bóng tối làm tăng thêm hãi hùng ghê rợn.

Đến quá nửa đêm, Ngài mới đặt lưng xuống ngủ để rồi lại trỗi dậy trước ánh bình minh. Ngài đến ngòi bên sườn núi, nhìn xuống cảnh đời xa xa đang ngủ dưới chân Ngài, duỗi mình trên những cánh đồng bao la còn đắm chìm trong bóng tối. Thế rồi trời sáng dần... Từ chân mây xa đưa lại vài luồng gió mai phẩy nhẹ, như hơi thở của mặt trời sắp lên. Bóng sao mai mờ dần trong ánh sáng, vạn vật trỗi dậy với mặt trời hồng. Sắc màu tươi thắm lại. Tiếng chim vui hoà lẫn trong cảnh. Ngài chứng kiến mỗi buổi bình minh sự trở về của ánh sáng, và liên tưởng đến một buổi mai kia, khi ánh sáng của đạo Ngài cùng bừng chiếu với ánh mặt trời, thì ôi! Cuộc đời sẽ vui thêm biết mấy!

Tắm rửa xong, Ngài lần theo đường dê đi xuống núi khát thực. Bình bát mang bên mình, Ngài dừng bước trước mọi nhà với vẻ uy nghi của một người sắp sáng đạo. Các bà mẹ vội bảo con đem sữa bánh ra dâng. Ngài nhận lãnh lòng sốt sắng của mọi người với một nụ cười hiền trên môi, hay một lời cảm ơn rất êm dịu. Những cô thiếu nữ nhìn Ngài với những cặp mắt đen nháy, ngạc nhiên khi thấy người trai trong mộng hiển hiện ở hình Ngài. Lũ trẻ chạy nâng áo Ngài lên, đặt môi xuống đây, tỏ hết lòng kính mến và sùng bái, như đối với một vị thần hộ mệnh.

Ngài sống từng năm như thế. Nhưng nhiều lúc say mê trong việc nhập định tham thiên, Ngài ngồi luôn từ trưa này cho đến trưa kia; khi sức nhớ đến bình bát thì chỉ thấy một bình không! Giờ khát thực đã qua, Ngài phải đi kiếm trái cây ăn qua loa cho đỡ đói. Lòng khao khát tìm cho mau ra ánh sáng, sự chuyển chú của tinh thần, những đêm quên ngủ, những ngày quên ăn, và nắng lửa, và gió băng, và bao nhiêu nhọc nhằn khác làm cho thân hình Ngài mỗi ngày mỗi tiêu tụy sức lực mỗi ngày mỗi mòn yếu, những tướng tốt của Ngài lu mờ dần... Rồi một buổi trưa, Ngài nằm lịm trên mặt đất, mê man không còn biết gì nữa.

Một người chăn cừu đi qua, thấy Ngài nằm bất tỉnh trên vũng nắng vàng cháy, liền bẻ một nhánh cây che cho Ngài, rồi lấy sữa đựng trong bao da đổ vào miệng Ngài. Ngài tỉnh dậy, sắc mặt hồng hào, tươi thắm như xưa, những tướng tốt hiện rõ như trước. Người chăn cừu tưởng gặp thần núi, sụp xuống lạy, rồi đứng lùi lại rất xa. Ngài bảo đến gần, rót cho Ngài một chén sữa. Nhưng người đó vẫn đứng xa thưa lại:

– Kính lạy Ngài, tôi không thể đến gần Ngài vì tôi là một đứa Ba-li-a; sự gần gũi của tôi sẽ làm Ngài mất tinh khiết.

Đức Thích-ca dịu dàng bảo:

Tình thương và sự nhu cầu là những dây liên hiệp để đoàn kết mọi người. Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ như nhau, không có giai cấp trong giọt nước mắt cùng mặn. Mỗi người khi mới sanh ra không phải có sẵn dấu Ti-ca trên trán, không đeo sẵn dây chuyền trong cổ (những người thuộc dòng quý phái Ấn Độ đều có dấu ấn Ti-ca giữa hai chân mày và mang dây chuyền ở cổ). Trước toà án nhân quả, mỗi người đều phải trả đúng giá những nghiệp mình làm. Người hãy cho ta uống đi, không can gì mà sợ.

Người chần cừ sung sướng đến bên Ngài, rót sữa vào chén, dâng Ngài uống.

Một buổi mai, một đoàn ca vũ đến làm lễ ở một đền nào, đi ngang qua rừng Ngải tu. Họ vui vẻ đổ xuống đồi, chạy loanh quanh theo con đường mòn đỏ sỏi. Những khăn quàng dài và rộng bay lui ra sau, chập chờn như những cánh bướm. Những chuỗi lục đục đồng quấn trong chân thon, những chiếc vòng bạc đeo trong tay hồng, cùng nhau rung lên những tiếng đồng và tiếng bạc. Họ hát như sau:

*“Lên cho chúng tôi một dây đàn
đừng quá cao cũng đừng quá thấp,
chúng tôi sẽ nhảy theo tiếng đàn và tim
mọi người sẽ nhảy theo chân chúng tôi.*

Dây đàn quá căng sẽ đứt và nhạc sẽ câm.

Dây đàn quá chùng nhạc sẽ không lên tiếng.

Lên cho chúng tôi một dây đàn đừng quá cao cũng đừng quá thấp!”

Tiếng hát vô tư của mấy nàng ca nhi không ngờ đã lọt vào tai Người tầm đạo. Ngài ngược đầu lên nhìn. Bóng dáng hoa hòè của họ thấp thoáng hiện giữa những khoảng cây thưa. Tiếng hát của họ mỗi lúc mỗi tan dần trong gió. Ngài mỉm cười, tự nhủ: “*Không ngờ các người ấy cũng có được nhiều ý tưởng hay. Ủ, có lẽ trong việc tìm điệu nhạc cứu thế, ta đã lên quá cao dây đàn, không khéo nó sẽ đứt mất trong*

khi ta đang cần đến nó. Ta phải bồi bổ lại thân thể mới được.”

Ở bên bờ sông Ni-liên-thuyền gần khóm rừng Ngài tu có một làng lấy tên người điền chủ giàu nhất làng: Xờ-na-ni (Senani). Chàng ở đây với vợ, nàng Tu-xà-đa (Soujata), hiền lành như bò câu và đức hạnh như thánh nữ. Nàng sống những ngày êm ả bên cạnh chồng, nuôi một ước vọng tha thiết : có con trai.

Nàng đã nhiều lần khẩn vái nữ thần Lúc-mích (Nữ thần thường phò hộ cho dân gian được giàu có, phồn vinh) và những đêm trăng, nàng thường đội một khay hoa quả đến bên tượng Lanh-gam (tượng đá hình tròn và dài, tượng trưng

cho sự sanh sản) đi quanh chín vòng để cầu mong sanh được một đứa bé. Nàng nguyện sẽ đem dâng rất nhiều lễ vật, nếu điều mong ước của nàng được thực hiện. Nàng đã được như nguyện. Sau mấy tháng cầu xin, nàng thụ thai và sinh được một trai. Con nàng bây giờ đã được ba tuổi. Một hôm, nàng bế con, đội một khay hoa quả và một bình nê-hồ vào rừng tạ thần núi.

Nàng sai con thị tỳ Ra-đa (Radha) vào trước trong rừng, sửa soạn một nơi để làm lễ. Nhưng một chốc, Ra-đa chạy ra, hớn hờ báo với nàng:

– Cô ơi! Thần núi hiện ra ở dưới gốc cây kia; Người đang ngồi xếp bằng, hai tay để trên hai vế, mặt

phương phi lắm cô ạ. Thật phúc đức cho chúng ta lắm, vì mấy khi mà được Ngài hiện ra như thế.

Nàng Tu-xà-đa đi đến, kính cẩn và run rẩy sụp xuống lạy, úp mặt sát đất, khấn:

– Lạy Ngài cao cả đã ban phước cho chúng con, xin Ngài hãy nhận lễ mọn này tự tay con làm lấy với tất cả lòng thành kính và biết ơn của con.

Lạy xong, nàng đến đổ trên tay đấng Thích-ca một thứ nước hoa đựng trong bình thủy tinh và để bình bát đựng nê-hồ trước mặt Ngài. Đấng Thích-ca lặng lẽ ngồi thọ trai, trong lúc người thiếu phụ, lòng tràn sung sướng, đứng hầu bên cạnh. Thọ trai xong, Ngài nghe

trong mình tỉnh táo lạ thường. Sức lực trở lại trong Ngài; nguồn sống chạy rần rần trong huyết quản. Ngài cảm nghe như những đêm quên ngủ, những ngày quên ăn chỉ là một giấc mê mà bát nê-hô đã đuổi tan trong chốc lát. Trí não Ngài trở nên sáng suốt như gương, nhẹ nhàng như có cánh, mạnh mẽ như Hy-mã-lạp-sơn.

Nàng Tu-xà-đa nâng đứa bé trên tay, nhỏ nhẹ thưa:

– Thưa Ngài, chẳng hay cái lễ mọn của con có làm vui lòng Ngài chăng?

Đức Thích-ca không trả lời thẳng câu của thiếu phụ, hỏi lại:

– Người đã cúng dường cho ta thứ gì mà ngon lành đến thế?

Người thiếu phụ, vẻ hân hoan lộ ra trong đôi mắt sáng, quỳ xuống bên Ngài kể lể:

– Hỡi Lượng cao cả đã ban ân cho con! Con lấy sữa của 25 con bò cái nuôi 12 con bò trắng, lấy sữa của 12 con bò này nuôi 6 con bò mập mập nhất trong chuồng. Con lấy sữa những con bò này đổ vào bình bạc nấu với thứ gạo tốt nhất mà con đã chọn lựa rất công phu trong những thứ gạo tốt. Con lại cho thêm vào bình bạc những thứ lá thơm, hoa quý tự tay con hái lấy trong vườn. Ôi! Nhưng bao nhiêu lòng thành kính, bao nhiêu công phu của con, con biết không làm sao sánh được trong muôn một lượng cả của Ngài. Đây đưa

bé, hòn ngọc, lẽ sống mà Ngài đã ban cho gia đình con!

Nàng duỗi hai cánh tay, đưa đứa bé ra phía trước. Ngài vén mảnh lưới hồng che trên mặt đứa bé, để bàn tay cứu thế trên trán nó và nói với người mẹ:

– Ta mong cho hạnh phúc của người và gia đình người được dài lâu. Ta mong cho gánh đời của con người sau này sẽ không đè nặng trên vai nó. Ta không phải là một vị thần nào cả. Ta chỉ là một người như mọi người khác. Xưa kia ta là một Thái tử. Bây giờ ta chỉ là một kẻ không nhà, rông rã trong 6 năm trời đi tìm ánh đạo để soi sáng cho chúng sanh đang sống trong bóng tối mà họ không hay. Ta tin sẽ tìm ra

ánh sáng ấy, vì nhiều lúc ta thấy nó thoáng hiện ra trước mắt ta. Nhưng ta không đón giữ nó lại được, có lẽ vì sức lực ta đã mòn mỏi. Hôm nay ta nhờ bát cháo sữa của người mà được mạnh khoẻ như xưa, công ơn ấy ta biết lấy gì đền đáp lại cho người?

Nàng Tu-xà-đa thoái thác:

– Ôi! Lòng con là một đoá hoa lan nhỏ bé, chỉ vài giọt sương mai là đã tươi thắm rồi. Con không mong ước tham cầu gì nữa. Đời con êm trôi giữa ánh sáng dịu dàng của gia đình: chồng con, mạnh mẽ như một cây đại thụ, con con, nụ cười tươi sáng như hoa xuân, con không còn ước mong gì khác. Con sống không đòi hỏi cũng không từ

chối: thản nhiên nhận lấy mọi việc không may xảy đến cho con, không oán trách cũng không tránh trút. Nhưng bao giờ con cũng tin chắc rằng những điều xảy đến ngày mai sẽ tốt đẹp hơn ngày hôm nay, vì như con thường thấy, những việc ác gây họa, cũng như những việc thiện gây phúc. Một hạt lúa giống tốt sẽ mang một chuỗi hạt vàng. Luật sống của con chỉ tóm tắt trong hai điều này: bớt dục vọng và thêm tình thương.

Đức Thích-ca mỉm cười phán bảo:

– Người dạy những bài học rất đích đáng cho những bậc thầy của người. Sự hiểu biết của người không cần kinh sách. Người đi trúng đường không cần

ai chỉ bảo như con bò câu bay trúng hướng một cách tự nhiên. Nhưng trong nhân loại, đếm được mấy người hiểu và sống như thế? Và biết bao người cần phải có kẻ chỉ dẫn! Chính vì thế mà ta đi tìm đạo. Thôi người hãy về đi. Ta chúc người làm tròn phận sự làm mẹ và làm vợ. Còn ta, ta sẽ làm tròn phận sự của kẻ đi tìm phương giải thoát cho nhân loại.

Nàng Tu-xà-đa cáo từ Ngài, rồi nhẹ nhàng đi ra khỏi rừng.

Đức Thích-ca đứng dậy, đến tắm ở bên bờ sông Ni-liên-thuyền. Tắm xong, Ngài nghe trong mình khoan khoái lạ thường. Ngài bước từng bước chắc chắn đến phía cây bồ-đề, cây bồ-đề cao

to nhất trong những cây rừng ở thế giới, có từng lớp mái lá xanh, từng nhánh duỗi rộng, có những rễ phụ chôn xuống đất như những hàng cột lớn. Cây bồ-đề mạnh mẽ và vững chắc mà thời gian không thể tàn phá, gió mưa chỉ làm tốt tươi thêm.

Đức Thích-ca đến đây, và mọi vật cảm thấy trước một điềm lành, hội nhau mừng rỡ. Gió đưa ngào ngạt từng loạt hương sen mọc bên bờ sông Ni-liên-thuyền. Từng đàn bướm vàng bay; từng hồi, chim chuyền tin mừng cho nhau qua kẽ lá. Và Đấng-sấp-giải-thoát nghe vang lừng một điệu hát ở mấy tầng không:

“Hỡi người con rất anh linh của vũ trụ, đáng vương giả, mà xa hoa không thể ràng buộc, muôn ngàn dự vọng không thể làm mù quáng! Ngài đã đem ý chí mạnh mẽ như thác đổ, vững chắc như núi đồi, để thắng vượt những nỗi ràng rịt của xác thịt và nhất là tình cảm. Ngài đã đem trí tuệ sáng như mặt trời để tìm con đường giải thoát. Ngài sắp đến đích!

Nhanh lên! Còn phải thắng trong một cuộc chiến đấu cuối cùng nữa, và công đức của Ngài sẽ trọn vẹn! Nhanh lên! Bóng tối từ muôn vạn đời của trời đất đang đợi Ngài rọi ánh sáng vào đây!”

Đức Thích-ca đến ngồi kiết-già cạnh gốc bồ-đề tự bảo: “*Dù máu ta có khô, xương ta có mục, ta cũng không rời khỏi chỗ này, nếu ta chưa tìm ra được Đạo.*”

--- o0o ---

Phần 08

Đêm phủ một lớp tối đen dày. Rừng tịch mịch thỉnh thoảng gầm lên những tiếng hãi hùng rùng rợn của loài ác thú đang câu xé, cắn rứt nhau trong bóng tối.

Từng đêm này sang đêm khác, đức Thích-ca ngồi tĩnh tọa trong bóng tối, nhưng hào quang trên trán Ngài sáng rực dưới vòm lá cây bồ-đề. Ma vương, chúa tể của những cõi tối tăm, nhìn

thấy, đoán biết Ngài sắp tung bùng ánh sáng của Đạo vàng và cứu thoát cõi đời ra ngoài biển khổ, liền hội gấp các bè đảng để tìm cách đối phó. Thôi thì cả một đoàn quý sứ, một lũ ác thần—kẻ thù của Chân Lý và Ánh Sáng, bọn gieo rắc bóng tối và dục vọng xuống trần gian—hăm hở kéo đến vây quanh cây bồ-đề. Chúng dùng đủ cách, khi van xin cầu khẩn, khi găm thét dọa dẫm để làm xiêu lòng Bồ-tát.

Đầu tiên, một đoàn quý Tham kéo đến, mắt dớn dác nhìn quanh, hai tay cong cong như chực vỗ lấy một vật gì. Chúng hội lại đủ các hạng: Quý Tham Sóng bảo Ngài: “*Có gì quý giá hơn sự Sống, sao người bỏ đi?*” Quý Tham Danh bảo Ngài: “*Hỡi người con vua*

Tịnh-phạn, sao đại khờ lắm thế? Người là kẻ tài hoa lỗi lạc, người là dòng thế phiệt trâm anh, người sắp được lên ngôi báu, danh giá không ai bằng, sao lại đi làm một kẻ ăn xin vất vưởng từ xứ này qua xứ khác?” Quý Tham Khoái Lạc bảo Ngài: *“Người đang ở trong cung vui mùa lạnh có nhà ấm, mùa nực có nhà mát, ăn toàn thức ngon, uống toàn rượu quý, tai chỉ nghe cung đàn tiếng địch, mắt chỉ ngắm những điệu múa kỳ lạ của bọn vũ nữ. Sống khoái lạc như thế, cứ sao người lại đại khờ ruồng bỏ để đến đây nằm sương gỏi tuyết?”*

Đức Thích-ca nhìn chúng trả lời:

– Bọn ngu muội lấy giả làm thật, bám víu vào những ảo tưởng mong manh, hãy đi xa chỗ này. Chúng mày không cảm dỗ được ta.

Bọn quý Tham xấu hổ, lẩn vào trong bóng tối.

Một đoàn quý Giận kéo đến khi đoàn quý Tham chưa lẩn hết trong đêm. Chúng gầm thét vang trời chuyển đất. Mặt chúng đỏ gay hay xám bạc, môi chúng bặm lại, hai hàm răng nghiền trèo treo vào nhau. Những con rắn đầu nhỏ quấn đuôi quanh cổ chúng và thè nọc ra đằng trước như chực trườn tới để cắn độc vào kẻ thù. Chúng gầm:

– Chúng ta phá hết, giết hết, không ai có thể cản ngăn. Chúng ta nhóm lửa ở giữa lòng người và thiêu đốt cả thiên hạ. Chúng ta gieo nọc độc khắp nơi và thế giới sẽ vì chúng ta mà tiêu diệt. Hỡi Thái tử Tất-đạt-đa, chúng ta sẽ bắt ngươi làm đệ tử.

Nhưng đức Thích-ca chỉ mỉm cười đưa mắt hiền từ nhìn chúng. Cái nhìn của Ngài có một mãnh lực lạ lùng! Bao nhiêu vẻ hung hăng độc ác tan theo chúng như một làn mây!

Bấy giờ trời đất bỗng tối sầm lại. Một sự hồi hộp, sợ sệt, e ấp trong lá. Từng đàn gì bay nặng nề trong bóng tối như từng đàn dơi, từng đàn gì luôn dưới cỏ như từng đàn rắn. Những tiếng

chân hấp tấp chạy trong tối trước những hình đen như xạ: bọn quỷ Ngũ Muội–mẹ đẻ của Sợ Hãi và Bất Công–đến vây quanh cây bồ-đề. Sau một chuỗi cười mai mỉa, chúng hỏi Ngài:

– Này Thái tử! Ánh sáng của người được bao nhiêu mà dám đem ra soi đường cho nhân loại? Đừng đeo đuổi một công việc vô ích. Người càng tìm ra ánh sáng, chúng ta lại càng trút thêm bóng tối. Mỗi ngày mỗi ít, chúng ta đã gieo rắc qua mấy muôn triệu năm rồi những hạt si mê mà bây giờ tất cả thế gian đều ngập lụt. Chúng ta thách người đây. Người hãy lấy ánh sáng gì để quét sạch bóng Si mê đi!

Từ đỉnh trán đứe Thích-ca phóng một tia hào quang sáng như cả ngàn ngôi sao chụm lại, chiếu khắp bốn phía như một bó chổi sáng quét sạch tất cả bóng đêm.

Bọn quý Ngạo Mạn kéo nhau đến. Đầu chúng ngẩng cao, ngực ưỡn, đôi mắt xắc lảo nhìn Ngài. Chúng nói giọng khinh khỉnh, sau khi đưa một tay lên khoát ở trước mặt như để xua đuổi một mùi thối tha:

– Trần gian như bản, hạ tiện này có đáng gì mà phải hao công tìm phương cứu chữa? Cái bọn ngu muội xấu xa là nhân loại này chỉ đáng để cho bị tiêu diệt. Người hãy theo chúng ta đạp đổ thế giới này mà lên mấy tầng trời xanh,

cùng nhau sống riêng biệt, hưởng những lạc thú thanh cao mà chỉ chúng ta là có quyền hưởng.

Đức Thích-ca mỉm cười:

– Phải! Các người hãy đạp đổ thế giới này đi rồi con đường của các người sẽ đưa các người vào địa ngục.

Bọn quý Ngạo Mạn vênh mặt, rủ nhau bỏ đi.

Nhưng một bọn khác lại kéo đến. Đây là những con quý Nghi Ngờ, thiếu tin tưởng, đầu đưa lắc la lắc lửng, trên những chiếc cổ cao, hai tay áo buông xuôi như bị đắm ướt, môi mím lại làm nổi một nếp nhăn trên mép nửa như méu, nửa như cười.

Chúng đến thét vào tai Ngài: “*Giả dối, mọi sự đều giả dối! Chân lý! Chân lý là cái quái gì? Người chỉ đi theo một ảo giác hy vọng hão huyền. Không có cách gì cứu chữa được nhân loại. Đạo của người sẽ vô công hiệu giữa thế giới đăm mê. Ha ha! Giải thoát cho nhân loại thoát khỏi luân hồi! Ôi, có ai điên rồ hơn thế nữa!*”

Đức Thích-ca nhìn chúng, miệng nghiêm lại, vẻ cương quyết lạ lùng. Mắt Ngài chứa đầy một nguồn tin tưởng mạnh mẽ làm cho bọn quý Nghi Ngờ cảm thấy đây không phải là nơi chúng có thể dùng những lời bi quan để đánh đổ. Chúng rủ nhau thất thểu ra đi, đầu lắc lư thêm, nét nhăn bên má lại càng chua chát hơn trước, hai tay

buông thong rãi rời như không còn sức để bám víu vào một cái gì được nữa...

Nhưng bọn quỷ sứ ấy chưa nguy hiểm lắm. Nguy hiểm nhất là Ca-ma (KAMMA), chúa tể của dục tình và những khoái lạc xác thịt. Nó nắm một cung đồng kết hoa, mang một bó tên tẩm thuốc độc có ba mũi nhọn mà mỗi khi chúng đã cắm vào tim thì không có sức nào rút ra được. Ca-ma đi đầu; sau nó là một đoàn thiếu nữ đẹp như hoa, vừa đi vừa hát những điệu hát du dương ca tụng ái tình nhịp nhàng hoà theo điệu nhạc. Chúng vừa hát vừa đưa những cặp mắt lẳng lơ, những nụ cười khêu gợi, giấu một nửa sau những cánh

quạt hoa. Chúng uốn éo những tấm thân dẻo như rắn của chúng khi đi qua trước mặt đức Thích-ca. Nhưng Ngài vẫn thản nhiên, lòng không mảy may xao động.

Ca-ma liền ra hiệu cho bọn vũ nữ dang ra và một nàng đẹp hơn cả, giả dạng nàng Da-du-đà-la đi vào. Toàn thân nàng hiện lên một vẻ đẹp náo nùng mà những ngày dài đau thương đã tô thêm đậm nét. Nàng đến bên Ngài khẽ than, đôi mắt nhưng long lanh sau màn lệ nóng:

– Ôi Thái tử! Chàng có biết chăng nỗi đau khổ của em khi chàng bỏ cung điện ra đi? Trên bờ sông Rohini, em đã ngồi khóc qua những ngày dài dằng

dặc. Em mong chàng về, nhưng đôi mắt đã mờ lẹ, mà trên đường về em nào thấy bóng chàng đâu! Về với em đi, Thái tử! Chàng sẽ tựa đầu vào cánh tay em và em sẽ quạt cho chàng như những năm xưa, khi chàng còn là lẽ sống của đời em!

Đức Thích-ca trả lời:

– Bóng hình giả dối, như bao nhiêu bóng hình giả dối của thế gian, mà không thể phỉnh gạt ta được. Hãy tan cho mau theo bóng tối!

Ca-ma tức giận thét lên một tiếng. Bao nhiêu nàng mỹ nữ đều tan biến mất. Nhưng trời bỗng chuyển động. Tiếng gầm thét, ban đầu còn xa, mỗi lúc mỗi gần và lớn dần. Trời sầm sập

đổ mưa. Bão tố nổi dậy, từng làn chớp quăn queo đan nhau trên vòm cây bồ-đề. Bao nhiêu đục vọng đê hèn, bao nhiêu si mê cuồng dại, bao nhiêu tội ác hiện hình, làm thành một đạo binh hỗn độn, thổi gió, phun mưa, nổi sấm, bắn những mũi tên độc vào Ngài, lao những chiếc sào nhọn bọc sắt. Nhưng bao nhiêu sự tấn công của chúng đều vô hiệu. Đức Thích-ca vẫn điềm nhiên ngồi vững chắc dưới cây bồ-đề, trên trán một vùng hào quang chiếu rực rỡ. Và cây bồ-đề vẫn đứng yên như không có gì xảy ra cả.

Đến canh hai trời đất trở lại yên tĩnh và trong suốt như gương. Trong bầu trời xanh, long lanh những vì sao bạc. Đức Thích-ca chứng được quả “Túc

Mệnh Minh”. Nhờ trí tuệ siêu phàm, Ngài thấu suốt được tất cả khoảng đời quá khứ xa, rất xa của Ngài trong ba giới. Như người bộ hành ngồi nghỉ trên núi cao, nhìn xuống quãng đường quanh co mình vừa đi qua, nào đồng, nào ruộng, nào khe, nào rừng; bên cạnh hồ kia mình sắp sẩy chân, trên bãi cát nọ mình sắp kiệt lực, và xa xa, một đám bùn lầy phình phờ giấu mình dưới những khóm lau lách, và nếu không sáng mắt, đã bị sa chân vào đấy. Ngài thấy rõ ràng tất cả những kiếp xưa của Ngài, những nỗi khó khăn, những điều trở ngại đã vượt qua để lên đến địa vị cao xa cùng tột này... Ngài nhận thấy sự tăng tiến tiếp tục từ đời này sang đời khác, không một lúc nào đứt quãng,

cũng không một lúc nào đứng yên. Sau mỗi kiếp, cuộc đời như đã tan vỡ. Nhưng không! Sự sống chỉ nấu mình để dồn thêm sức lực rồi mạnh mẽ tiến lên, như hạt lúa nấu mình trong đất để chuyển hình ra cây mạ xanh tốt. Và trong cây mạ mới, có ẩn mầm giống của những hạt lúa xưa, trong kiếp này có ẩn tất cả bao nhiêu nhân của những nghiệp trước. Do đó, Ngài nhận thấy không một sự cố gắng nào, một sự phấn đấu nào để đi đến cõi thiện là vô ích. Chính chúng nó đã làm thang cho Ngài bước, xây tháp cho Ngài lên. Và bây giờ ngồi trên đỉnh tháp cao, xây dựng với bao nhiêu đời mình, Ngài đưa mắt sáng suốt nhìn xuống, thấy rõ ràng từng viên gạch và từng công trình kiến

trúc mà Ngài đã ra công xây dựng để đến ngày khánh thành rục rĩ hôm nay.

Đến nửa đêm, ngài chứng được quả “Thiên Nhân Minh” thấy rõ tất cả bản thể của vũ trụ, từ thế giới này đến bao nhiêu thế giới khác. Ngài thấu suốt tất cả các hàng tinh tú từ nhỏ cho đến lớn, từ gần cho đến xa, cái này liên lạc với cái kia, cái kia với cái khác, cái khác với cái khác nữa, như những trục bánh xe ràng buộc với nhau bởi những sợi dây vô hình và cứ như thế mà lan dần cho đến vô cùng, vô tận... Tuy xa cách chúng vẫn hiệp vậy, tuy nhiều mà một, tuy một mà nhiều. Chúng có khác nhau ở hình dáng, nhưng không khác nhau ở bản chất. Tất cả vòm trời sao sáng ấy là những hòn đảo bạc nổi giữa biển xanh

ngồi, không bờ không bến, trong ấy sóng triều luân chuyển mãi không thôi, và cũng không thêm, không bớt, không đầy, không vơi, vừa sanh vừa diệt, vừa diệt vừa sanh... Sau khi đã quan sát toàn cả vũ trụ. Ngài nhận thấy một cái luật chung bất di bất dịch, âm thầm mà mạnh mẽ, nó chuyển mọi vật từ bóng tối đến ánh sáng, từ cõi chết đến cõi sống, từ vô hình đến hữu hình, từ hữu hình trở lại vô hình, làm thành một vòng tròn gồm bốn giai đoạn: sinh, trụ, di, diệt. Cái luật ấy không gì có thể vượt qua, từ một vật bé nhỏ như vi trần cho đến to lớn như trăng sao. Đó là luật nhân duyên sanh.

Đến canh tư, Ngài chứng được quả “Lậu Tận Minh” rõ biết nguồn gốc của

sự đau khổ đã bám víu vào chúng sanh như bóng dính theo hình. Ngài nhận thấy, vì dục vọng làm mù quáng, như vì bụi dấy lên từ dưới chân đàn cừu làm lạc mất đường chúng đi, người đã từ bản tâm sáng suốt đi dần mãi vào cõi Vô minh. Vì Vô minh mà người có những hành vi, động tác sanh ra các nghiệp báo (hành), rồi tự phân biệt có cái ta riêng khác (thức). Phân biệt như thế, tất nhiên thấy có nội tâm và ngoại cảnh, có hình tướng sắc màu và đặt tên cho mọi sự vật (danh sắc); bấy giờ một bên là tâm, một bên là cảnh; đối với cảnh, tâm có những giác quan riêng để thu nhận được (lục nhập); hình tướng và giác quan đụng chạm, cọ xát với nhau mà thành ra cảm giác (xúc); xúc

cảm đem đến sự thọ nhận các hiện tượng ở thế gian (thọ); sự thọ nhận ấy gây ra tình yêu mến đối với vật mình ưa thích (ái); đã yêu mến thì cố giữ gìn (thủ); cố bám víu vào cái mình đã ưa thích không muốn chia lìa (hữu). Vì thế mà có nghiệp báo ở thế gian. Cái nghiệp báo ở thế gian bắt phải đầu sanh lại ở cõi đời sau khi chết (sanh). Và từ đây, bắt đầu một cuộc sống khác với những sự đau khổ kèm theo nó: bệnh, già, chết (bệnh, lão, tử). Mười hai giai đoạn ấy nối tiếp nhau, nhân này làm quả kia, quả kia làm nhân khác, và cứ như thế, cái vòng tròn quay tít không thôi. Muốn cắt đứt cái vòng tròn ấy, phải trừ Vô minh. Nhưng người ta không thể trừ Vô minh, không thể sáng

suốt được khi còn nhiều tham vọng. Ôi tham vọng! Sự khát khao không bao giờ thoả mãn, khiến người uống mãi trong biển mặn đau thương và làm thêm khao khát thêm thường, và mãi mãi quay cuồng trong sinh tử. Người hiểu rõ cái nguy hiểm của dục vọng, quyết kiềm chế lòng mình, diệt trừ tham muốn cho đến tận gốc (giới). Lúc dục vọng đã bị gạt bỏ ra khỏi lòng, người sẽ bình thản trước mọi sự vật giả dối đang xao xuyên ở xung quanh. Lúc ấy tâm thần sẽ định tĩnh, không một sức mạnh nào có thể lay chuyển lao lung (định). Trí tuệ nhờ đó mà mỗi ngày mỗi minh mẫn, và một ngày kia, sẽ bung lên soi cùng vũ trụ (tuệ), như vàng trắng hiện ở dưới đáy hồ khi mặt

nước đã trở lại phẳng lì vì gió dục đã
dừng thổi sóng khổ đau.

Từ đây, cỗ xe đời rã bánh, người bị
buộc vào cỗ xe được giải thoát, vượt ra
ngoài phạm vi nhỏ hẹp, thấy mình là
toàn thể, toàn thể là mình. Người
không còn bị ràng buộc trong không
gian, cho nên không phụ thuộc với thời
gian; không riêng giữ một hình dáng
cho nên luôn luôn vĩnh viễn; bởi biết tự
đổi thay cho nên không bao giờ bị thay
đổi. Người bắt đầu qua một trạng thái
mới, không sanh không diệt, an lành
thanh tịnh, sáng suốt vô ngần: đây là
Niết-bàn!

Bình minh bừng dậy. Ánh sáng làm
mờ hẳn sao mai-kẻ soi đường cho

người đi khuya—vừa lại ở ven trời. Bóng đêm rạn vỡ tan biến rất nhanh. Năng vàng bắt đầu xói chảy xuống trần gian. Năng vàng gội rửa những chóp núi cao, năng vàng tuôn tràn ra hai bên sườn, reo chảy xuống chân núi, lan dần ra trên đồng bằng, khoả một lớp mỏng trên mặt sông, mặt biển, làm lấp lánh những ánh kim cương trên muôn ngàn làn sóng.

Ánh Sáng Vàng lan tràn khắp mọi ngả, và giục giã đòi dậy khắp nơi. Nó đến mở mắt loài chim và thì thầm: “*Hót đi các con! Đêm vừa hết!*” Nó đến vuốt ve loài hoa và bảo: “*Nở đi các con! Ánh sáng đã về!*” Nó đến mân mê loài thú và nói: “*Ánh sáng đã về. Thôi qua rồi bóng đêm độc ác!*”

Nó điểm tô cho cảnh vật một màu sắc mới: nó nhuộm vàng những làn mây xám, làm anh ánh những hạt lệ đêm. Những vòm lá xanh xao vàng úa như da người ốm bỗng đổi ra màu lục đậm, những cánh hoa xoan đỏ như máu bỗng chuyển sang màu hoàng bá...

Nhưng ảnh hưởng đẹp đẽ và mạnh mẽ nhất của luồng Ánh Sáng kia là ở giữa lòng người. Ôi! Ánh Đạo Vàng! Ánh Đạo Vàng huyền diệu! Bọn cướp bỗng ghê sợ bàn tay tâm máu của mình, vút dao vào bụi; người bán hàng thôi bán giá cao; kẻ đổi bạc thôi chuỗi thêm bạc giả; người đau mỉm cười trên giường bệnh; người sắp chết thấy mình tràn đầy hy vọng; kẻ lạc đường bỗng quay lại và thấy mình đi trúng đích!

Bóng cờ giải hoà phấp phới bay trên các bãi chiến, và quân địch nhìn ra toàn mặt anh em, sung sướng bỏ chồm tới ôm nhau khóc...

Cũng buổi mai ấy, trong cung lạnh, nàng Da-du-đà-la nghe lòng mình âm dịu và reo chảy một nguồn vui. Trên cảnh liễu trước sân một con Ca-lăng-tần-già uốn lưỡi tung một tràng nhạc, ca tụng sự rạng rỡ của Đạo Vàng, chói chang ánh sáng, cao sang hơn muôn ngàn ngai vàng, điện ngọc.

--- o0o ---

Phần 09

Tịnh-phạn vương sống qua những năm buồn vô hạn từ khi Thái tử bỏ cung điện ra đi. Ngài nhớ tiếng, nhớ

hình người con anh dũng mà bây giờ không biết đang phiêu bạt nơi nao.

Còn công chúa Da-du, thì không có gì khuây khoả nổi! Mất đáng chúa tể của lòng mình, nàng không còn biết cái vui là gì nữa. Trong cung điện cũ tiếng đàn địch đã im bật lâu rồi, thế mà âm thanh còn vang dội lại trong tai người cô phụ, tưới mãi dầu vào ngọn lửa tiếc thương. Tuy thế lòng nàng vẫn còn ấp ủ chút hy vọng: Thái tử còn sống. Mỗi khi nghe ai nói đến một kẻ tu hành đang ẩn náu ở một xứ xa nào, nàng liền tâu với Tịnh-phạm vương cho quân ruổi ngựa đi tìm. Quân về mình còn lăm bụi phương xa, quỳ xuống tâu với Tịnh-phạm vương, giữa hai hơi thở:

– Tàu bệ hạ, chúng tôi đã gặp rất nhiều kẻ tu hành không nhà, không cửa, nhưng về Thái tử Tát-đạt-đa, viên ngọc quý của thành Ca-tỳ-la-vệ. chúng tôi tìm chẳng được tăm hơi.

Một hôm, sau những ngày đông buồn bã đã trôi qua, những đọt xoài non đã điểm trắng trên lá xoài xanh, cảnh vật đã choàng xong chiếc áo xuân mới, nàng Da-du đi dạo quanh hồ. Ở đây, xưa kia, thảm nước xanh đã nhiều lần chiếu vẻ đẹp phương phi của Thái tử bên cạnh vẻ đẹp hiền hậu của nàng. Cũng ở đây, mặt nước hồ buồn bây giờ chỉ chiếu lên một bóng hình tiêu tụy của kẻ vọng phu: hai mắt nàng không còn trong sáng như xưa nữa, vì đã bao lần làm suối cho lệ chảy; vành môi đẹp của

nàng hơi trĩu xuống ở hai bên khoé đầu vết của những đêm cắn cổ tay vào miệng cho tiếng khóc khởi bật lên. Làn tóc óng ả dợn sóng của nàng bây giờ bới lại theo kiểu những người quả phụ. Ngọc vàng không còn quấn quýt bên tay nàng nữa. Áo nàng may bằng vải thô thường để dùng trong lúc tang chế. Nàng nắm sợi dây lưng nạm ngọc của Thái tử mà nàng giữ mãi bên mình làm kỷ niệm sau cái đêm hãi hùng, mở đầu cho những chuỗi ngày sầu hận—cái đêm Thái tử bỏ cung điện ra đi. Gần nàng, một đứa bé độ 9, 10 tuổi, mặt mày tuấn tú đang đuôi theo đàn bò câu. Đây là La-hầu-la, sợi dây giao nối mối tình của Thái tử và nàng Da-du.

Trong lúc con nàng đang nô đùa với đàn chim, nàng tư lự ngòì ngắm mây trôi, như cố tìm trong ấy một vết tích của người chồng lưu lạc. Nhưng nghe sau lưng có tiếng động, nàng giật mình xây lại, một người thị nữ quý xuống bên cạnh, thưa:

– Thưa lệnh bà! Có hai người lái buôn ở xứ Hạt-tin-bua (Hastinpour) tên Đê-vy (Tripourha) và Bà-ly (Bhallouk), ở từ phía Nam lại. Họ mang theo đủ các loại hàng quý, các thứ chim lạ và ngọc ngà đầy bao; nhưng có một tin quý nhất: họ đã gặp Thái tử.

Máu chảy rần rần trong huyết quản công chúa, nàng vội vã đứng dậy, mắt

ưa lễ mừng, giọng run run vì cảm động:

– Con hãy bảo họ vào trước màn gấm (Tục Ấn Độ, những người đàn bà quý phái khi tiếp chuyện với người lạ phải đứng khuất sau một bức màn), kể chuyện gặp Thái tử cho ta nghe. Nếu thật như lời họ nói, ta sẽ ban thưởng cho họ bao nhiêu ngọc vàng cũng không tiếc.

Hai người lái buôn được mời vào trong Cung Vui bước từng bước kính cẩn trên những bậc thềm vàng, đi ngang qua những phòng rộng nguy nga, giữa hai hàng cung nữ. Họ đến trước màn hoa và nghe ở trong đưa ra

một giọng nói thanh tao và ngân nga như tiếng chuông đồng:

– Hỡi các người ở phương xa lại! Phải chăng các người đã gặp Thái tử Tất-đạt-đa.

Đề vỵ trả lời:

– Thừa lệnh bà, chúng tôi đã gặp Người cao cả ấy!. Chúng tôi đã quỳ xuống hôn chân Ngài. Ngài bây giờ rực rỡ danh vang, oai phong hơn một ví đại đế. Ngài đã thành Phật, chinh phục cả muôn loài vì cái đạo Từ bi mà Ngài đã tìm được dưới gốc bồ-đề. Ngài đi thuyết pháp từ xứ này sang xứ khác và thu hút sau bước chân Ngài biết bao tâm hồn lung lạc, như một làn gió hút theo bao nhiêu lá vàng rụng trên đất...

Công chúa sung sướng hỏi dồn:

– Nhưng cái Đạo nhiệm màu ấy, Ngài làm thế nào để tìm được?

Bà-ly thay lời bạn, kể lại cho công chúa nghe cái đêm giông tố toi bời mà đức Phật đã chiến đấu và toàn thắng được bao nhiêu dục vọng như nhớp xấu xa của thế gian đã hiện hình dưới quyền chỉ huy của Ma vương. Chàng tả cái buổi mai rục rở huy hoàng, sau khi Ngài đã chứng được quả bồ-đề và nỗi do dự của Ngài trước khi đi truyền đạo vì Ngài nhận thấy chúng sanh mãi quay cuồng trong trường danh lợi, đắm say trong vũng lầy nhục dục, uổng lỗi lầm trong muôn suối si mê, chưa đủ trí, đủ sức để nhận hiểu chân lý cao thâm

huyền diệu mà Ngài đã tôn biết bao tâm huyết mới tìm ra được. Nhưng may thay! Lòng từ bi của Ngài thúc giục Ngài phải cứu chúng sanh đau khổ. Ngài nhận thấy đây là bòn phận của Ngài như Ngài đã tự nguyện khi mới xuất gia. Dầu công cuộc truyền đạo có khó khăn bao nhiêu, Ngài cũng không thể chối từ để an hưởng một cách ích kỷ Đạo vô thượng mà Ngài đã vì chúng sanh nhiều hơn là vì mình, tìm ra được. Và chẳng, trong đám bùn lầy, không phải không nảy lên được những chồi sen quý, trong đám người si mê không phải tuyệt nhiên không có những kẻ tinh anh. Và dầu tinh anh hay mê muội, mỗi người đều có sẵn một mầm giải thoát. Xét như thế, Ngài

quyết định đem Đạo Ngài ra truyền bá khắp thế gian.

Thế rồi Ngài vượt núi đi đến xứ Ba-la-nại (Bénarès), vào trong Vườn Nai, tìm nhóm ông Kiều-trần-như để thuyết pháp cho họ nghe. Các ông này thấy Ngài đi đến, tỏ vẻ khinh bỉ. Nhưng khi đến gần, thấy tướng mạo ạo nghi và rực rỡ của Ngài, họ kính cẩn đứng dậy chào, rồi lặng yên nghe thuyết pháp.

Người hiểu được giáo lý đầu tiên là ông Kiều-trần-như. Sau ông, bốn người đồng tu là: Ác-bệ, Thập-lich Ca-diếp, Ma-ha-nam, Bạc-đề đều khai ngộ được cả. Luôn trong ba tháng, Ngài thuyết pháp ở Vườn Nai, có một chàng thanh niên tên Đa-xá và 54 người khác

thuộc dòng quý phái xin qui y theo Ngài.

Sáu chục người đệ tử đầu tiên ấy, sau khi giữ đủ giới luật và được đức Phật cặn kẽ dặn dò, đều được Ngài thọ ký cho đi truyền đạo khắp nơi. Ngài rời Vườn Nai, đi về phía Nam, đến xứ ưu-lâu-tần-loa. Ở đây, Ngài độ cho một vị tổ sư rất thần thông và rất có thế lực của đạo thờ lửa là ông Ca-diếp, và hai em ông. Rồi Ngài lại đi đến xứ Ma-kiệt-đà. Vua Tần-bà-sa-la gặp lại Ngài vui mừng khôn xiết, và sau khi đổ nước hoa vào hai bàn tay Ngài, vua xin cúng cho Ngài vườn Trúc Lâm rất có tiếng đẹp ở xứ ấy để Ngài dùng làm nơi thuyết pháp. Ở đây, giáo lý của Ngài rất được dân gian sùng phục.

Chẳng bao lâu, cả xứ Ma-kiệt-đà từ vua cho đến dân đều theo Đạo Ngài cả. Số đệ tử mỗi ngày mỗi đông, trong ấy, chín trăm người được đáp y như Phật và được Ngài cho đi truyền giáo khắp nơi.

– Thừa lệnh bà–Bà-ly kết luận– phương pháp tu hành của Ngài dạy tuy không thể kể xiết được nhưng có thể tóm tắt trong một câu này mà chúng tôi được nghe Ngài dạy: *“Tránh các việc dữ, làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch, đây là đạo của chư Phật.”*

Tịnh-phạn vương nghe tin, tức tốc truyền cho sứ giả đi mời Phật về. Nhưng chín lần, chín đoàn sứ giả ra đi, chín lần mất tích. Mỗi ngày Tịnh-phạn

vương và nàng Da-du lên lầu, đưa tầm mắt ngóng trông bọn sứ giả. Nhưng xa xa, không thấy có đám bụi mù nào dấy lên dưới chân những con tuấn mã của bọn sứ giả. Ai có ngờ đâu bọn sứ giả khi đến Trúc lâm, gặp lúc Phật đang thuyết pháp, những lời âm áp, êm dịu của Ngài đã lách vào tâm hồn họ, như một làn hương lẩn trong gió mà vào phổi, như một giọt sương thấm đượm vào giữa nhụy hoa, họ đã say mê mà quên mất nhiệm vụ của họ là đến mời Phật về. Lần thứ mười, Ưu-đà-di khi vào vườn Trúc lâm, lượm một nắm bông gòn nhét vào tai, đến bên chân Phật, quỳ xuống thưa một mạch những lời dặn của Tịnh-phạm vương.

Đức Như Lai nhận lời ngay. Ngài bảo giữa đại chúng:

– Đã lâu ta có ý định về thăm nhà, vì đây cũng là một bồn phận của kẻ tu hành. Hỡi các Tỷ kheo, các người không nên viện một cớ gì để không báo ân cha mẹ. Ta sẽ về thăm phụ hoàng ta. Ưu-đà-di, người hãy về trước, báo tin ấy cho Ngài hay.

Ưu-đà-di sung sướng sụp lạy tạ Ngài, rồi nhảy lên mình ngựa phi về cung.

Tin Phật sắp trở về tung ra trong thành Ca-tỳ-la-vệ như một tràng pháo nổ. Thôi, đã qua rồi những ngày buồn bã trôi giữa dòng tiếc thương và mong nhớ! Dân trong thành trở lại hoạt động

vui vẻ như thời còn Thái tử, cái lễ kiêu hãnh của dân gian Mọi người thi nhau trang hoàng cửa nhà mình để làm vui lòng đấng tôn quý nhất của cả nước. Từ phía cửa Nam vào tận trong hoàng cung, đường đều lát toàn sành xoài thơm và tưới trào nước hoa sứ. Trên bến sông đức Phật sẽ sang ngang, mấy chục cặp voi được trang hoàng rực rỡ đã đợi sẵn để đón Ngài về. Bọn ca nhi vũ nữ đã được lệnh đi theo Ngài để vừa múa hát vừa tung hoa sao cho chân voi Ngài sẽ ngập dưới đường hoa.

Nàng Da-du nóng lòng muốn gặp Ngài ngay, sai quân khiêng kiệu đưa mình đến gần cửa Nam, nơi Tịnh-phạn vương đã truyền dựng tịnh xá cho Ngài, và đứng đấy ngóng trông về phía

trước. Và phía trước, bọn Ba-li-a (Paria) sống chui rúc trong những vòm lá ở ngoài thành, cũng đã dậy từ lúc gà chưa gáy, đợi tiếng trống đầu tiên báo hiệu Ngai về, hay tiếng voi ré là trèo lên cây, để khỏi làm bản mắt đáng Tinh khiết. Nhưng bầu trời vẫn im lặng trong sự chờ đợi, không vang dội một tiếng trống hay tiếng voi ré. Họ bắt đầu chán nản, và để khỏi mỏi mắt trông chờ, họ cúi xuống lượm lá úa rơi trên đường, uốn lại một nhánh cây hay chấp thêm một vài cành hoa vào cột khải hoàn môn.

Giữa lúc ấy, một người chậm rãi đi đến, đầu cạo trọc mình choàng một chiếc áo cũ, tay nắm một bình bát hình trái bí. Theo sau có mấy người khác

cũng choàng một thứ áo ấy. Nhưng người đi đầu có vẻ oai nghi lạ kỳ, và trên đường người đi, toả ra một luồng tôn nghiêm kính cẩn. Người ấy nắm bình bát đưa ra trước cửa mọi nhà: người ta đổ đồ ăn vào đấy với vẻ sùng bái như khi dâng lễ cúng thần. Nhiều kẻ thấy mình đứng không vững trên hai chân run, liền sụp quỳ xuống, và cảm thấy rất yên ổn trong dáng điệu ấy. Khi đến gần cửa Nam, nàng Da-du từ trong chạy xô ra, kêu lên: “*Ôi Thái tử!*” Nàng nghẹn ngào không nói được nên lời, quỳ xuống ôm lấy chân Phật mà khóc...

Một người đệ tử đi theo Ngài, bạch:

– Thừa Thế Tôn! Ngài đã dứt hết dục vọng, tránh tất cả những sự đụng chạm của những bàn tay đàn bà, sao còn đứng yên để bà Da-du ôm chân Ngài như thế?

Phật trả lời:

– Các người hãy coi chừng đây! Đừng làm tổn thương một tâm hồn đang bị ràng buộc trong tình cảm, vì sự đứng vững của các người, khi đã thoát ra ngoài vòng trần lụy! Các người càng nhẫn nhục bao nhiêu, các người lại càng được tự do bấy nhiêu...

Xưa kia, mấy vạn năm rồi, ta là một gã lái buôn tên Ram, ở miền bể phía Nam đối diện với hòn đảo Lan-ca, nơi có rất nhiều ngọc quý. Vợ ta, nàng

Lúc-mích, chính là Da-du bây giờ, cùng với ta sống ở đây. Nhà ta nghèo túng, ta phải tính cuộc đi làm ăn xa. Nhưng vợ ta khóc lóc, xin ta hãy ở nhà, vì nôi đường xá xa xôi, hiểm trở. Nhưng ta không muốn ở nhà để nhìn thấy sự nghèo túng của vợ rất yêu quý của ta. Ta đành dứt tình, vượt biên ra khơi, trải qua bao nhiêu lần sắp chết vì bão tố, ta lặn xuống đáy bể, mò được một viên ngọc quý hơn tất cả những kho tàng của các vua chúa hiệp lại. Ta lặn hòn ngọc vào lưng, dong buồm trở về xứ cũ. Nhưng ở đây dân gian đang bị nạn đói kém. Ta đi mấy ngày đường không có một hạt cơm ăn, nhưng cũng lần mò về được tới nhà. Về nhà ta thấy vợ ta đang nằm bất tỉnh, sắp chết đói ở

ngưỡng cửa vì đã mấy ngày thiếu ăn. Ta liền nắm hòn ngọc chói như ánh mặt trời, chạy đi từng nhà xin đổi lấy một nắm gạo. Một người láng giềng chạy ra đưa cho ta một ô gạo và nhận hòn ngọc quý về. Lúc-mích thoát chết nhờ nắm gạo ấy, sung sướng ứa lệ nói với ta: *“Ôi quả thật, tình chàng đối với em không bờ bến.”*

Thuở ấy, để cứu mạng một người thân, vồ về một tâm hồn đau khổ ta đã mất hòn ngọc quý. Nhưng bây giờ dầu ta có cứu bao nhiêu mạng người, có vồ về bao nhiêu tâm hồn đau khổ, thì viên ngọc quý—một vạn lần quý hơn viên ngọc xưa—mà ta đã tìm được dưới những làn sóng sâu hơn, nguy hiểm hơn trước, viên ngọc bây giờ không vì

một sự gì có thể lu mờ mất mát đi được. Cái bé nhỏ của viên ngọc xưa đối với viên ngọc bây giờ cũng như tổ kiến sánh với hòn núi Mérou; tình thương xưa sánh với lòng Từ bi của ta bây giờ như một vũng sương đọng trong dấu chân con thỏ sánh với biển lớn. Một khi tình thương đã vượt ra ngoài sự ràng buộc của dục vọng, thì không có gì có thể làm cho nó đượ vẩn đi được.

Tịnh-phạm vương ở trong triều nghe tin con về, đầu cạo trọc, tay nắm bát đi xin những đồ ăn của bọn cùng dân hạ tiện, thì nổi giận ùng ùng. Ngài bút râu bạc, ngài khạc xuống đất ba lần. Ngài truyền thẳng ngựa chiến cho ngài ra cửa Nam. Ngựa ngài vụt qua trước

mặt đám dân kinh ngạc, khi họ chưa kịp phủ phục bên đường. Gần đến cửa Nam, ngài thấy một đám người đen nghịt chen chúc trên đường rộng, mà người đi đầu là Phật. Ngài đưa mắt quang đấng nhìn cha ở đằng xa phóng ngựa tới với một vẻ hung hăng như một viên tướng ra trận. Nhưng đến gần, Tịnh-phạn vương bỗng dịu lại trước cái nhìn hiền từ và tôn kính của người con đứ đẻ hạnh. Phật chấp tay vái chào đứ đẻ cha với một dáng điệu nhu thuận mà oai nghi. Tịnh-phạn vương nhìn con, nhận thấy một vẻ thiêng liêng hiện trên đỉnh trán rộng và một oai lực làm khuất phục cả mọi người đi theo sau. Ngài cảm biết rằng người đang đứng trước mặt mình đây đã xa xôi với mình lắm

rồi, không còn giữ lại dấu vết gì của vị hoàng tử xưa nữa. Tuy vẫn ở trong phạm vi người, vẫn lăn lộn với người, con ngài bây giờ đã thoát ra ngoài vòng trần tục, đã vượt lên mấy tầng cao trên nhân thế rồi!

Mặc dầu thế, Tịnh-phạn vương vẫn làm ra vẻ trách con:

– Có đời nào một vị Thái tử như Tất-đạt-đa, người sắp nối ngôi ta, trị vì một đại quốc, một vị Thái tử oai phong như thế mà khi về nước lại ăn mặc tầm thường, đầu cạo trọc, nắm bát đi xin từng miếng ăn, miếng uống của đám Ba-li-a! Đáng lẽ ra, con phải trở về giữa sự oai nghi hùng tráng của một rừng gươm giáo, giữa sự vang rền của

tiếng trống, tiếng chiêng. Con thấy đó, quân lính đang dàn đặc hai bên đường, cả một kinh thành đang đợi con về để tung hô thiên tuế. Sau chín, mười năm trời con bỏ cung điện ra đi, để cha con phải nuốt sầu trên ngôi báu, vợ con phải đau khổ trong Cung Vui, và cả một kinh thành đã im lìm trong không khí tang tóc, cha tưởng ngày về của con hết sức rục rờ để bù lại những ngày ảm đạm đã qua. Cha có ngờ đâu bao nhiêu sự sắp đặt linh đình của cả nước, bao nhiêu dàn bày oai nghi của cả triều đình chỉ để đón chờ một kẻ đói cơm rách áo! Con ơi! Sao thế hử?

– Thừa phụ vương, đây là tục lệ của dòng họ con.

Tịnh-phạn vương dấy nầy:

– Dòng họ con kể từ đức Ma-ha-sa-ma đến nay đã gần một trăm đời vua, có khi nào có một hành vi lạ lùng như thế đâu?

– Thừa phụ vương, con không nói đến cái giòng giống thế gian, nói nhau qua khí huyết, con muốn nói đến dòng giống của chư Phật quá khứ và vị lai. Xưa và sau này chư Phật làm thế nào, bây giờ con làm thế ấy. Con chỉ biết giữ gìn cái kho báu vô giá mà các đức Phật đã truyền lại cho con.

Tịnh-phạn vương ngạc nhiên nhìn chiếc áo đã ố màu của Phật, hỏi:

– Kho báu gì đâu?

Thế là Phật dịu dàng nắm tay cha, đi về phía hoàng thành, giữa Tịnh-phạn vương và nàng Da-du. Vừa đi, Ngài vừa thuyết pháp cho dân chúng đang kính cẩn theo sau Ngài nghe. Với giọng ấm dịu và trong sáng, Ngài rải rắc trong tâm hồn mọi người nỗi an lành thanh tịnh. Ngài tung vãi ánh sáng ra khắp nơi, đuổi tan những làn u ám đang đọng trong tâm trí mọi người.

Tịnh-phạn vương nhìn sững miệng Ngài, say sưa uống những lời quý hơn vàng ngọc. Và công chúa Da-du đôi mắt dần dần ráo lệ, mỗi lúc mỗi tươi thêm.

Đêm ấy, trong cung điện của Tịnh-phạn vương, không có tiếng đàn tiếng địch, thế mà mọi người nghe như reo dậy trong lòng mình một điệu nhạc thiêng. Và khi đặt lưng xuống chiếu, dân gian trong thành Ca-tỳ-la-vệ thấy mở ra trước mắt mỗi người một con Đường Vàng sáng rực, rộng thênh thang, trên ấy những bóng vàng đang nhẹ nhàng tiến bước...

--- o0o ---

Phần 10

Thành Ca-tỳ-la-vệ rực rỡ một thời khi Phật còn tại đây. Nhưng sau khi đã độ cho em là Nan-đà, cho con là La-hầu-la, cho bà Da-du và nhiều người khác trong họ Thích và ngoài dân gian,

Phật lại từ giã vua Tịnh-phạn đi đến những xứ ở phía Nam. Thành cũ lại trở về với vẻ tiêu tụy của cảnh đợi chờ xưa.

Trải bốn mươi lăm năm trời, từ khi đạo nhiệm màu bừng sáng dưới cây Bồ-đề cho đến lúc Phật nhập diệt, Ngài đi như thế, từ xứ này sang xứ khác tung vãi giống Từ bi và gieo mầm đức hạnh ra cùng xứ Ấn Độ bao la. Và trong bốn mươi lăm năm trời ấy, không một năm nào Ngài không theo đúng những ý định của Ngài trong việc truyền giáo.

Từ tháng tư Ấn Độ, mây dày bắt đầu đổ thành mưa nặng, gió điên cuồng xô chạy dưới rừng sâu, cây cối gãy ngã, đường sá bị nước xoi thành suối thành

hồ, sự giao thông từ xứ này sang xứ khác bị cắt ra từng đoạn trên đường rừng lở lói hoang vu... Trong ba tháng mưa lụt ấy, Ngài không đi thuyết pháp xa. Ngài lựa một tịnh xá nào gần để làm chỗ nghỉ chân cùng các đệ tử.

Mỗi ngày, khi chưa tảng sáng, Ngài đã lìa khỏi giường đi súc miệng, rửa mặt, thay y phục, rồi vào quán tưởng trong tịnh thất. Ngài dùng ánh sáng trí tuệ của Ngài chiếu cùng vũ trụ xem xét khắp nơi, rồi lại soi đến căn cơ chúng sanh, nhận biết hạng nào có thể nghe được và hạng nào chưa có thể nghe được Chân lý thâm diệu của đạo Ngài. Quán tưởng xong, Ngài hội đệ tử lại, giảng cho họ nghe một hồi, rồi dạy họ phải suy nghiệm đến những điều Ngài

đã giảng trong ngày ấy. Mặt trời sắp đứng bóng Ngài mới thọ trai.

Trong lúc ấy, trên các đường đi đến tịnh xá, từ thôn xóm xa cho đến phố phường gần, dân gian lũ lượt đến đời Ngài thuyết pháp. Sau khi đã lãnh thọ những lời châu ngọc, họ lại tản mác ra về, trong tai còn vang dội Pháp âm của đấng Toàn thiện.

Buổi chiều, tắm rửa xong, Ngài hội các tỳ kheo lại một lần nữa để giải thích tường tận những lời thuyết pháp buổi sáng mà họ chưa nhận rõ hết. Trời sẩm tối Ngài mới thôi giảng.

Ngài sống mỗi năm ba tháng trong tịnh xá như thế, đời đến hết mùa mưa lụt để đi thuyết pháp.

Khi nắng thu hiền lành bắt đầu trở lại, các đệ tử được lệnh truyền sửa soạn hành lý ra đi. Ý Ngài dự định sẽ đi về ngả nào thì chẳng mấy chốc đã lan từ làng này sang làng khác, chạy khắp cả xứ Ấn Độ như một làn gió xuân. Thế là dân gian tập nập mang xẻng cuốc ra sửa lại những đoạn đường hư nát mà Ngài sẽ đi qua. Họ lấp những đoạn bị nước xoáy, san phẳng những đoạn gồ ghề, phát dọn những nhánh cây hoang bỏ ra đường. Và những xứ Ngài không đi ngang, dân gian khoá cửa lại, mang khăn gói lên đường đi về phía những xứ Ngài sẽ đến thuyết pháp.

Hành lý sửa soạn xong, Ngài chưa đi vội, đấng Từ bi còn đợi năm ba ngày cho những loài sâu bọ thấy nắng về, rời

khởi tổ chúng đã làm giữa đường, hoặc dưới cỏ rác trong mấy tháng mưa, để những bước chân Ngài và các đệ tử khởi dấm phải chúng. Vì đoàn đi theo Ngài không ít, sự dấm nát có thể nhiều lắm nếu không phòng ngừa trước.

Khi mới ra đi thì chỉ vài trăm đệ tử, nhưng càng đi đám người tín mộ xin theo càng nhiều. Đường hẹp không đủ chứa dòng người tin tưởng kia, họ đi lan ra cả hai bên đường tản mát dưới bóng rừng sâu. Đêm đến, họ ngủ trong những nhà lá dựng lên với lòng thành kính của dân địa phương đối với đấng Tể độ. Nơi nào không có nhà, họ ngủ dưới những cây xoài sai trái, ngược mắt nhìn bầu trời yên tĩnh của đêm sao.

Trong ấy họ thấy phản chiếu sự yên tĩnh của lòng họ bên cạnh lòng Từ bi.

Gần nửa thế kỷ như thế, hết xứ này đến xứ nọ, bánh xe Pháp của Ngài in dấu thiện khắp nơi. Từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, tất cả xứ Ấn Độ rộng lớn, không thiếu một nơi nào Ngài không để chân đến. Và đến đâu, Ngài cũng được dân gian đổ xô ra đón rước. Họ sung sướng được xúm xít quanh Ngài như đàn con xúm quanh mẹ ở xa về. Hễ Ngài để chân vào thành nào, là ở đấy sáng rực lên một ánh sáng lạ; và mắt mọi người, từ đứa bé mới lọt lòng mẹ cho đến kẻ sắp xuống mồ long lanh

đôi niềm hy vọng, trước sự kết đọng của Từ bi và Trí tuệ.

Nhưng một hôm, ở tại thành Ba-la-nại, đức Phật đang ngồi trong tịnh xá Trúc Lâm bỗng thấy các đệ tử đi khát thực về có vẻ buồn rầu. Phật hỏi nguyên nhân. Họ quỳ xuống bạch:

– Thưa Thế Tôn, mấy ngày nay chúng con không được dân trong thành trọng đãi như trước nữa, trái lại họ còn xua đuổi mặt sát chúng con. Hình như có một bọn nào bảo họ rằng: “Đạo của Thế Tôn không chính đáng vì đã làm cho vợ xa chồng, cha xa con, gia đình tan rã.” Và họ bắt giảng rõ tại sao phải có sự chia lìa như thế.

Phật dạy:

– Các người hãy nghe đây! Xưa ở xứ Mitila có một ông vua tên Đa-nép-ca. Một hôm vua cùng đình thần đi dạo chơi ở ngoài thành, thấy hai cây xoài mọc cạnh nhau, nhưng một cây rất sai trái, và một cây cằn cỗi. Vua đến bên cây sai trái, hái một quả. Các quan hầu thấy thế, cũng bắt chước hái theo. Khi đi về, nhìn lại cây xoài mình đã hái, vua thấy không còn một trái nào cả, và bị gãy nát toi bời, Ngài nghĩ: *“Như thế đấy! Của quý ở đời là những môi ngon để dục vọng xâu xé! Ngai vàng của ta đã tẩm biết bao nhiêu máu để vương và còn tẩm máu mãi mãi, vì nó là một ngai vàng! Ta phải đi tìm những của quý mà không ai có thể cướp giật được.”*

Đêm ấy, vua cải trang trốn ra khỏi thành, định vào rừng làm một kẻ tu ẩn dật. Nhưng hoàng hậu hay tin, vội đi tìm gặp lại chồng giữa đường. Đa-nép-ca không biết tính sao đành phải để vợ theo. Một hôm đi đến thành phố kia, vua dừng bước lại trước một hiệu làm cung, hỏi người thợ mộc:

– Tại sao, để xem thử chiếc tên người đang bào có thẳng hay không, người phải nheo bớt một mắt?

– Bởi vì, người thợ mộc trả lời, bởi vì con mắt này thường phản trái con mắt kia và làm ta không nhận rõ những chỗ cong của chiếc tên. Còn người, sao đã làm một kẻ xuất gia cầu đạo, đã nguyện lìa bỏ tất cả đời phồn hoa,

người lại đem theo bên mình một người đàn bà nữa thế? Người đàn bà đẹp để đi bên cạnh người là con mắt thứ hai, không cho người nhận rõ đường thẳng để đi đến cõi thiện đây.

Đa-nép-ca nghe xong, đi một mạch đến đầu rừng, đứng lại bẻ một nhánh cây, đưa trước mặt vợ mà thề rằng: *“Như nhánh cây này không bao giờ còn có thể liền lại với thân cây, ta với người từ đây sẽ xa nhau mãi mãi.”* Nói xong Đa-nép-ca chạy biến vào rừng.

Cái ý nghĩa xa đàn bà, bỏ gia đình là thế. Nhưng ta có bắt tất cả mọi người đều phải xa gia đình đâu? Có người tu tại gia, mà cũng có người xuất gia. Có khác nhau là, người xuất gia thì việc tu

hành sẽ thuận tiện hơn người tại gia mà thôi. Và lại trong lúc Đạo ta mới thành lập, tất cần nhiều đệ tử xuất gia để truyền giáo; và sau này, khi ta nhập diệt, cũng cần nhiều Tăng đồ để giữ gìn Chánh pháp. Các người không nên để tâm đến những lời mắng nhiếc của hạng người si mê. Các người hãy gắng thực hành cho đúng như những câu trả lời của ông Biệt-na, khi sắp rời ta để đi sang truyền giáo ở xứ Ro-na-ba-răn-ta. Một hôm ta hỏi ông:

– Dân xứ Ro-na-ba-răn-ta có tiếng là hung ác nếu ông sang truyền giáo ở bên ấy mà bị họ mắng nhiếc, chửi rủa, thì ông đối phó cách nào?

Ông trả lời:

– Thưa Thế Tôn, nếu những người ở xứ ấy chửi rửa mắng nhiếc con, con sẽ tự bảo: “*Họ đang còn hiền, vì họ chỉ nguyên rửa con, chứ không lấy tay đánh con, hay lấy đá ném vào con.*”

Ta lại hỏi:

– Thế họ lấy tay đánh ông hay lấy đá ném ông?

– Thưa Thế Tôn, con sẽ tự bảo: “*Họ còn thương con vì họ không dùng gươm để đâm con.*”

– Nếu họ dùng gươm để đâm ông?

– Thưa Thế Tôn, con sẽ tự bảo: “*Họ còn tốt, vì họ không đâm con đến chết.*”

– Nếu họ đâm ông đến chết?

– Thừa Thế Tôn, con vẫn cảm ơn họ, vì họ sẽ giải cho con thoát cái thân đau khổ.

Hỡi các tử kheo. Biệt-na đã trả lời ta như thế đấy! Các người hãy lấy hạnh nhẫn nhục làm gương.

Tám mươi mùa xuân đã qua từ ngày Phật xuất thế dưới cây Vô ưu. Bảy giờ Ngài vào hạ ở rừng Sa-la trong xứ Câu-ly cách thành Ba-la-nại chừng 120 dặm. Một hôm, Ngài phán bảo ông A-nan:

– A-nan! Đạo ta nay đã toàn vẹn. Như xưa ta đã nguyện, nay ta đã đủ bốn hạng: ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Tử-kheo, Tử-kheo-ni và nhiều đệ tử có thể

thay ta chuyển xe Pháp. Còn trong dân gian, Đạo ta truyền khắp nơi. Bây giờ ta có thể rời các người mà ra đi. Và nay ta cũng đã 80 tuổi rồi. Thân hình ta bây giờ như một cỗ xe đã mòn rã, nếu còn đi được là nhờ những sợi dây ràng rịt các bộ phận với nhau. Ta sẽ mở dây cho chúng tan rã. Thân này ta đã mượn làm xe để chở Pháp, nay xe cũng vừa mòn mà Pháp cũng đã lan khắp, ta còn nấn ná làm gì trong cái thân tiêu tụy này nữa? A-nan, trong ba tháng nữa, ta sẽ nhập Niết-bàn.

Nghe Phật dạy, ông A-nan gieo năm vóc xuống đất, bạch:

– Thưa Thế Tôn, Ngài thường dạy rằng ai đã giác ngộ thì không thể mất

đi được. Nay Thế Tôn là một bậc toàn trí, toàn năng, sao lại còn phải chịu cái luật tầm thường như thế?

Phật nghiêm nét mặt lại hỏi:

– A-nan! Người bảo cái gì mất mà cái gì còn ? Sao người không nhận được cái gì chơn mà cái gì giả cái gì tồn tại mà cái gì tiêu huỷ? Ta đã nhiều lần dạy rằng đã có đến thì có đi, có hiệp thì có tan có sanh thì có diệt. A-nan, thân ta không khác thân mọi người; mà thân mọi người làm sao thoát ra ngoài luật vô thường được? Thân ta là giả hiệp, nó phải tan rã. Nhưng A-nan! Làm sao người thấy một làn sóng tan, người lại bảo nước không còn nữa?

Ông A-nan cũng biết như thế lắm. Nhưng ý nghĩ trong ba tháng nữa, Phật sẽ không còn tại thế để chỉ dạy cho chúng sanh, làm ông bồn chồn tâm trí. Ông đánh bạo nài xin Phật ở lại một lần nữa:

– Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy ở nán lại vì rất nhiều đệ tử còn phải nhờ đến sự chỉ giáo của Thế Tôn để chứng đạo.

– A-nan ơi! Chính vì muốn để cho họ mau chứng đạo mà ta lần đi. Nếu chừn mẹ cứ mớm mồi mãi cho con, thì đến bao giờ chim con mới bay được? Gần nửa thế kỷ, họ quanh quẩn bên chân ta, bây giờ phải đến lúc họ rời ta để tự bước tới như đứa trẻ mới tập đi, phải có một lúc rời tay mẹ.

Tin Phật sắp vào Niết-bàn lan dần như một hơi gió thoát từ hang lạnh. Các đệ tử, đàn cừu tản mác trên cánh đồng ấn Độ, lục tục kéo nhau về để cùng đấng Dẫn Đường chia ly lần cuối.

Trong mấy tháng ấy tuy thân hình Ngài đã gầy còm, mệt mỏi, Phật vẫn đi truyền giáo như thường. Nhưng Ngài không đi xa, chỉ quanh quẩn trong địa hạt xứ Câu-ly. ông A-nan thường xin Ngài hãy tịnh dưỡng trong những ngày cuối cùng của Ngài. Nhưng Ngài khoát đi mà dạy:

– Thân ta tuy có kém mạnh khoẻ, nhưng lòng Từ bi của ta, Trí sáng suốt của ta có kém sút đâu? Ta còn tại thế

ngày nào thì ngày ấy phải là ngày không vô ích.

Một hôm, Phật đi thuyết pháp ngang một khu rừng, có một người tên là Thuần-đà, làm nghề đốt than đến quỳ trước Phật:

– Kính lạy Ngài, ở đây làng mạc không có, mà trời sắp đứng trưa, xin Ngài hãy về nhà con ở gần đây thọ trai rồi hãy đi. Con nghe Ngài qua đây nên đã đi hái một thứ nấm rất quý để dâng Ngài, xin Ngài đừng từ chối mà tủi nhục lòng con.

Phật im lặng cùng các đệ tử đi theo ông Thuần-đà. Đến nhà, những thức ngon vị lạ đã dọn la liệt trên bàn dài,

ông Thuần-đà lại bung lên để trước mặt Phật một bát nắm, hơi lên nghi ngút.

Phật thọ trai xong, phán với các đệ tử:

– Bát nắm này độc, các người hãy đem đổ đi không nên ăn.

Ông Thuần-đà kinh hãi, vật mình lăn khóc bên chân Phật. Phật dạy: “Người không nên than khóc, cũng đừng hối hận. Phải vui sướng lên, vì người đã được cúng dường bữa cơm cuối cùng cho ta. Có hai bữa ăn đáng kỷ niệm nhất, lần đầu là của nàng Tu-xà-đa cúng dường ta trước khi ta thành Đạo và bữa cơm này, trước khi ta vào Niết bàn.”

Phật từ giã ông Thuần-đà, cùng các đệ tử ra đi Được một đôi đường, Ngài nghe trong mình khó ở Phật đưa bình bát và chiếc võng cho A-nan:

– A-nan ! Hãy mang bình bát dùm ta và tìm hai cây Sa-la ở trên đồi kia, treo võng lên cho ta nằm nghỉ.

Trời chiều. Chóa sáng rút ánh nắng vàng ở phương Đông, dòn về phương Tây. Chim bay về tổ cũ. Vài tiếng mẹ gọi con đồng vọng từ một làng xa. Trên đường rừng tịch tịch chiều hôm, lẻ tẻ rơi từng tiếng chân chậm chạp.

Phật đến bên cây Sa-la, nằm xuống võng. Đầu Ngài trở về hướng Bắc, mình nghiêng về tay phải, hai chân tréo vào nhau. Trước mặt đấng Sáng suốt

chói lọi một mặt trời tròn xoe và đỏ rực. Hoa trắng lác đác rơi dọc theo mình Ngài trên thảm cỏ xanh. Hương ở đâu bay lại, thơm ngát cả khu rừng. Đàn khe và sáo gió, cùng nhau hoà một điệu nhạc, phò Ngài vào trong Yên nghỉ.

Nhưng đấng Từ bi chưa đi vội. Ngài sai một Tỷ kheo đi báo tin Ngài sắp nhập diệt cho các đệ tử khác và dân chúng ở rải rác trong thành Tu-xá vệ hay.

Trong số các người đến kính viếng, có một ông già thuộc phái Bà-la-môn, tên Tu-bạt-đà-la đến xin ông A-nan cho được đến gần Ngài hỏi đạo. Ông A-nan

không cho, bảo rằng Ngài đang mệt. Nhưng Tu-bạt-đà-la cứ nài nỉ xin vào. Lời qua tiếng lại, Phật nghe được, liền bảo ông A-nan cứ để cho vào. Tu-bạt-đà-la đến sụp lạy bên chân Phật, thưa :

– Lạy đấng Sáng suốt, con thường nghe đạo Ngài rất thâm diệu, nhưng con cũng thường nghe bọn ngoại đạo bảo chỉ có đạo của họ là hợp chân lý. Như thế thì con biết tin theo ai?

Phật dịu dàng dạy:

– Người đừng tin theo ai cả. Người chỉ nên theo lý trí của người. Người hãy đem thuyết “Bát chánh đạo” của ta chẳng hạn, so sánh với những thuyết của ngoại đạo, rồi người sẽ biết nên tin bên nào mà bỏ bên nào.

Ông Tu-bạt-đà-la sụp xuống ôm chân Phật, khóc kể:

– Ôi rộng rãi thay lời nói của đấng Từ bi! Con chưa từng nghe một đấng truyền giáo nào dạy như Ngài! Nhưng ôi! Con đến quá chậm, Ngài sắp nhập diệt rồi, con biết nhờ ai để tu tập?

Phật để tay lên đầu ông, dạy:

– Người hãy yên tâm. Ta sẽ độ cho người. Còn sự tu tập sẽ có các đệ tử ta chỉ giáo cho.

Ông Tu-bạt-đà-la là người cuối cùng được đấng Từ bi nhận làm đệ tử khi Ngài còn tại thế.

Các đệ tử những bậc vua chúa và dân gian đến mỗi lúc mỗi đông. Họ

kính cẩn cúi đầu đứng quanh Ngài. Nhưng bỗng giữa bầu không khí im lặng, nức lên vài tiếng khóc. Phật dạy:

– Đừng ai thương tiếc ta như thế! Hãy bình tĩnh trong buổi chia ly này! Các người ơi! Các người còn nhớ những lời ta dạy chẳng? Ta thường bảo thân thể bao giờ cũng tan rã, những vật người đời yêu thương, gìn giữ tất rồi có ngày phải chia cách. Làm sao trên thế giới chuyển di, lại có vật không thay đổi? Ai tìm thấy lại được hình dáng đã vẽ trên mặt nước?

Hỡi các tử kheo! Ở đây các người là hạng được nghe rất nhiều giáo pháp của ta, các người phải chứng tỏ sự hiểu biết của các người bằng những cử chỉ,

nhất là giữa lúc này. Bao lâu nay các người rất gần gũi với ta, trong hành động cũng như trong ý tưởng, vậy bây giờ không nên vì tình cảm hẹp hòi của các người trong một lúc mà trở thành xa lạ với ta.

Đừng ai thương tiếc ta như thế!

Ngài gọi ông A-nan lại gần Ngài, đề tay lên đầu ông, vỗ về:

– A-nan ơi! Trong các đệ tử, ông là người luôn luôn ở bên cạnh ta, và giúp đỡ ta nhiều nhất, ông là đệ tử rất xứng đáng với ta. Trong việc truyền giáo, công đức của ông không phải nhỏ. Vậy trước khi nhập diệt, ta có lời cảm ơn ông. Từ đây trên đường đi truyền giáo, bước chân ta không còn vang dội bên

bước chân ông nữa, nhưng đừng vì thế mà buồn; chúng ta dù có xa nhau cũng chỉ ở hình dáng chứ còn tâm ta vẫn hoà nhịp với tâm ông trong cái đạo rộng lớn. Ông hãy tu tập để nhận rõ chân tâm, rồi sẽ gặp ta ở mọi chỗ. Thôi ông hãy đứng dậy!

Phật nhìn ra, hỏi đại chúng:

– Ở đây có ai không hiểu hay còn nghi ngờ điều gì về giáo lý của ta thì cứ hỏi, ta sẽ trả lời. Đừng để khi ta nhập diệt rồi lại ân hận là không còn ai để giảng giải.

Mọi người đều im lặng nhìn nhau. Phật lại bảo:

– Nếu các người vì sợ làm mệt ta, hay vì nể ta mà không dám hỏi thẳng

thì hãy bàn bạc cùng nhau, khi nào không thể giải quyết được, ta sẽ giúp cho.

Nhưng đại chúng vẫn im lặng. Ông A-nan bạch:

– Kính bạch Như Lai! Đạo Ngài sáng tỏ như mặt trời. Những lời Ngài dạy cặn kẽ từng gang tấc! Những điều đáng nói, Ngài đã dạy cho hết cả rồi chúng con không còn điều gì nghi ngại nữa. Duy, chúng con xin Ngài dạy cho biết sau khi Ngài nhập diệt rồi, chúng con phải làm những lễ nghi gì để cho xứng với thi hài của một đức Phật?

Phật dạy:

– “Các người đừng bận tâm đến việc ấy. Các người hãy chuyên tâm đến sự

giải thoát của các người. Đây là một cách sùng bái ta.

Hỡi những ai vì hoàn cảnh mà không thể xuất gia, các người hãy luôn luôn nhớ đến đạo ta! Phải tinh tấn mãi mãi để thoát ra khỏi lưới dục vọng mà chúng Đạo!

Này, các người phải tự thấp đuốc lên mà đi! Các người hãy lấy Pháp của ta làm đuốc! Các người hãy theo Pháp của ta mà tự giải thoát! Đừng tìm sự giải thoát ở một kẻ nào khác! Đừng tìm sự giải thoát ở một nơi nào khác!

Các người làm như thế là biết ơn ta, là nhớ tưởng đến ta. Và hỡi các Tỷ kheo! Các người có thêm một bổn phận là truyền đạo ta, thay ta để đưa đường

chỉ lỗi cho mọi người. Các người phải tìm hiểu đến cùng tột những nghĩa lý sâu xa, mầu nhiệm của giáo pháp ta để làm lợi lạc cho chúng sanh! Các người phải luôn luôn vượt lên những trở lực để mãi mãi truyền thừa Đạo ta cho đến vô cùng tận.

Nếu các người để cho đạo Giải thoát của ta suy tàn, ấy là các người mất ta, và các người sẽ làm mất các người!

Nếu các người vẫn trung thành với những lời dạy của ta, ấy là các người nhớ ơn ta, ấy là các người tôn sùng ta. Nếu các người làm cho đạo Từ bi của ta mỗi ngày một thịnh mãn, ấy là các người gần ta, và ta sẽ luôn ở bên cạnh các người.

Này các Tỷ kheo! Các người đừng nghe dục vọng mà quên lời ta dạy. Mọi vật ở đời không có gì quý báu. Chỉ có chân lý của Đạo ta là bất di bất dịch.

Hãy tinh tấn lên để giải thoát, hỡi các người rất thân yêu của ta!”

Ngài nhập định, rồi vào Niết-bàn.

Sao mai vừa mọc. Nhưng trời đất bỗng tối tăm, mọi vật lặng yên. Sự sống ngừng lại. Chìm lặng, chìm lặng khắp nơi.

Nhưng lập loè xa xa một ánh sáng. Rồi hai, rồi ba, rồi năm, rồi mười, rồi một trăm, một ngàn, một vạn, ôi! rồi hằng sa ánh sáng của những ngọn đuốc soi đường cho những tín đồ đến chậm,

chiếu sáng rục cả khu rừng, cả vòm trời, cả tám hướng, mười phương...

Và trong đêm lặng lẽ trời khuya, nổi lên, nổi lên dần, rồi ngân cao, ngân cao lên mãi, lời tụng kinh nồng đượm tín thành của từng ngàn đệ tử, phụ họa theo với từng vạn tín đồ. Lời tụng kinh nồng đượm tín thành vượt lên mây từng trời, phò đấng Từ bi vào Niết-bàn huyền diệu...

Và từ đây cứ lan dần, lan dần ra
mãi...

*Viết xong ngày 15 tháng 3 năm
1945 tại Huế.*

--- o0o ---

Hết

